

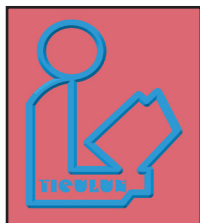
Wilfrid Stinissen

Nghe gió thổi

Suy ngẫm về
Chúa Thánh Thần

**NGHE GIÓ THỜI
SUY NGẪM VỀ CHÚA
THÁNH THẦN**

WILFRID STINISSEN



MỤC LỤC

Lời Giới Thiệu	7
PHẦN MỘT -	
CHÚA THÁNH THẦN VÀ CHÚNG TA	10
Chương I - Chúa Thánh Thần :	
Mầu Nhiệm Của Thiên Chúa	11
Chương II - Thần Khí Của Tình Yêu	25
Chương III - Thần Khí Của Sự Thật	40
Chương IV - Đáng An Ủi	56
Chương V - Thánh Thần Là Hướng Dẫn Của Con	78
Chương VI - Chúng Ta Học	
Cách Phân Biệt Các Linh Thể	93
Chương VII - Thánh Thần Là Chúa	
Và Là Đáng Ban Sự Sống	126
Chương VIII - Bạn Có Nghe Gió Thổi Không ?	143

PHẦN HAI -

CHÚA THÁNH THẦN VÀ GIÁO HỘI 162

Chương I - Giáo Hội Như Là Koinonia

(Sự Hiệp Thông) 163

Chương II- Sự Hiệp Nhất

Trong Thánh Thần Và Đại Kết 182

Chương III - Thánh Thần Của Thiên Chúa

Lấp Đầy Mặt Đất 199

Sinh ra tại Bỉ năm 1927, cha Wilfrid Stinissen gia nhập dòng Carmel ở Bruges vào năm 1943.

Ngài được phong chức linh mục vào năm 1951. Là tiến sĩ triết học của Đại học Louvain, ngài trở thành bề trên tu viện dòng mình tại Thụy Điển.

Ngài qua đời tại đây vào năm 2013.

Với vai trò là một người dẫn dắt vô song trong việc cầu nguyện, ngài cũng có một tình yêu lớn dành cho Chúa Thánh Thần, điều này đã thể hiện rõ trong các tác phẩm của ngài.

Ngày nay, ngài được công nhận là một trong những tác giả tâm linh đương đại.

Lời Giới Thiệu

Cuốn sách này trước hết muốn chứng minh sự cần thiết mà tất cả chúng ta đều có đối với Chúa Thánh Thần, sự cần thiết của một sự đổi mới rộng lớn trong Thánh Linh, cũng như sự hỗ trợ tự nhiên mà Giáo hội dành cho lĩnh vực đại kết.

Để có thể thực sự có ý nghĩa và hoàn thành trong toàn bộ, cuộc sống của chúng ta cần có Chúa Thánh Thần. Và Thánh Linh không xa chúng ta. Kể từ ngày Chúa, sau khi tạo ra con người từ bụi đất, đã thổi hơi thở vào lỗ mũi, khiến cho tạo vật của Ngài trở thành một sinh linh sống, con người sống nhờ Thánh Thần và hít thở Ngài. Mỗi người sau đó tự do để khám phá sự huyền bí này. Thánh Linh hiện nay thổi vào những người sống và vào Giáo hội, giống như trong những ngày đầu của Sáng Tạo. Nhưng chúng ta có thật sự nhận thức được điều đó không? Hay có lẽ chúng ta vẫn làm ngơ, như thánh Gioan của Thập giá đã viết :

«Ôi linh hồn được tạo ra cho những vinh quang ấy và được gọi đến với những vinh quang ! Các người làm gì vậy ? [...] Ôi sự mù quáng đáng thương của đôi mắt linh

hồn các người, vì các người điếc trước những tiếng gọi như vậy ¹!»

Cuốn sách này không nói về sự đổi mới thần khí, không nói về việc nói các ngôn ngữ, về các lời tiên tri và những phép chữa lành, mà nói về «con đường vượt lên tất cả mọi con đường ²», con đường dẫn đến Tình Yêu và là nền tảng của mọi ân huệ khác.

Chúa Thánh Thần là tình yêu của Thiên Chúa và Ngài cũng muốn trở thành tình yêu ấy, như một người đã viết cho tôi : «Không phải là một tình yêu nhỏ bé, tự chế, mà là chính tình yêu ấy».

Đó là một cách diễn đạt can đảm, nhưng để lớn lên, chúng ta cần có sự can đảm ấy. Nếu chúng ta để cho Thánh Linh hành động trong chúng ta, chúng ta sẽ được thấp lên bởi tình yêu của Ngài đối với Thiên Chúa và đối với người khác.

Chúa Thánh Thần là đại kết tuyệt vời. Nếu chúng ta để Ngài sống trong chúng ta, dù thích hay không, chúng ta sẽ lớn lên cùng với Ngài, vì «ân huệ» của Ngài chính là sự hiệp nhất. Ngài làm nên một Thiên Chúa từ Cha và Con. Ngài muốn làm cho tất cả các giáo hội trở thành

1 Thánh Vịnh 38, 7.8

2 1 Cr 12, 31

một Giáo hội thánh thiện, và tất cả nhân loại trở thành một thân thể duy nhất. Chính vì mục đích này mà Ngài tìm kiếm những dụng cụ có «tinh thần quảng đại ³».

³ Tv 51, 14

PHẦN MỘT
CHÚA THÁNH THẦN
VÀ CHÚNG TA

Chương I

Chúa Thánh Thần : Mầu Nhiệm Của Thiên Chúa

Chúa Thánh Thần là món quà lớn nhất của Thiên Chúa. Khi ban tặng Thánh Linh của Ngài, Thiên Chúa đã ban tặng chính Ngài cho chúng ta. Do đó, chúng ta không bao giờ nên chỉ hài lòng với những gì thấp kém hơn Thiên Chúa.

Nhưng Thiên Chúa là ai ?

Thiên Chúa ẩn giấu

Bằng chính bản thể của mình, Chúa Thánh Thần nhắc nhở chúng ta rằng Thiên Chúa là một mầu nhiệm. Trong khi Chúa Con là «sự thật» (từ Hy Lạp *aletheia*, sự hé lộ), tức là Thiên Chúa không còn ẩn giấu mà được bày tỏ, thì Thánh Linh là Thiên Chúa vẫn còn ẩn giấu, Ngài là sự không thể thấu hiểu của Thiên Chúa, là chiều sâu không thể tưởng tượng và không thể tiếp cận được. Thánh Phaolô liên kết Chúa Thánh Thần với điều bí ẩn không thể thấu tỏ của Thiên Chúa : «*Còn chúng ta, chúng ta đã được Thiên Chúa mặc khải cho, nhờ Thần Khí. Thật vậy, Thần Khí thấu suốt mọi sự, ngay cả*

những gì sâu thẳm nơi Thiên Chúa⁴».

Chúa Thánh Thần là năng lượng dẫn dắt Thiên Chúa trong công trình Sáng Tạo, trong Mạc Khải và trong Nhập Thể. Chính nhờ Ngài và qua Ngài, Con Thiên Chúa đã làm người. Vì vậy, Ngài là chuyển động quyết định, tuy nhiên không thể thấy được, vì Ngài vẫn và tiếp tục là «bên trong» Thiên Chúa. Chính Chúa Thánh Thần mang lại tính hợp pháp cho thần học tiêu cực - điều này khẳng định rằng tất cả những gì chúng ta nói về Thiên Chúa vẫn luôn và mãi là không đủ - bởi vì không có từ ngữ nào đủ chính xác để mô tả Ngài. Trước mặt Ngài, thái độ duy nhất mà con người có thể có là sự thờ lạy im lặng.

Thiên Chúa là Ngôi Lời, vì vậy việc nói về Ngài là điều đúng đắn, nhưng Ngài cũng là Thánh Linh, và vì vậy, việc im lặng trước Ngài còn đúng hơn nữa.

Bắt đầu từ đây, ta có thể hiểu được tình cảm đặc biệt mà dòng Carmel dành cho Chúa Thánh Thần, vì Ngài dẫn dắt sự chuyển đổi từ cầu nguyện qua giai đoạn suy tư, bằng tư tưởng và lời nói, đến giai đoạn chiêm niệm, trong một sự im lặng hoàn toàn.

4 1. Cr 2, 10.

Những gì Thiên Chúa đã bày tỏ về Ngài qua Chúa Con của Ngài, Ngôi Lời, khiến chúng ta nhìn thấy một phần nào đó về mầu nhiệm của Ngài, cho phép chúng ta đến gần Ngài. Nhưng Chúa Thánh Thần chính là mầu nhiệm của Thiên Chúa tuyệt đối. Nhà thần học Hans Urs von Balthasar đã đi xa đến mức khẳng định rằng Chúa Thánh Thần là «Bản thể» của Ngôi Lời ⁵. Nếu ta tiến gần đến bờ vực của Ngài, lời nói sẽ tự động im lặng, vì những gì chúng ta khám phá ra ở đó, như Thánh Vịnh đã nói, «*Kỳ diệu thay, tri thức siêu phàm, quá cao vời, con chẳng sao vươn tới !*» ⁶. Trước mầu nhiệm, con người chỉ có thể giữ im lặng.

Bản chất huyền bí của Chúa Thánh Thần cũng xuất phát từ cách gọi mà Ngài mang : thực vậy, từ tiếng Do Thái *ruah*, tiếng Hy Lạp *pneuma* và tiếng La Tinh *spiritus*, tất cả đều có nghĩa là «gió» và «hơi thở». Chính Chúa Giêsu đã áp dụng điều này cho gió : «*Gió muốn thổi đâu thì thổi ; ông nghe tiếng gió, nhưng không biết gió từ đâu đến và thổi đi đâu*» ⁷. Gió là điều không thể đoán trước : chúng ta không thể giữ lại nó, cũng không thể điều khiển nó, nhưng đối với những ai để mình bị

5 Thần Khí Sáng Tạo, trong Những phác thảo về Thần học III, Johannes Verlag, Einsiedeln, 1967, tr. 99.

6 Tv 139, 6.

7 Ga 3, 8.

cuốn theo, Thánh Linh sẽ truyền đạt cho họ một số bí mật vô cùng sâu sắc của Ngài : *«Ai bởi Thần Khí mà sinh ra thì cũng vậy⁸.»*

Nước và lửa, hai biểu tượng lớn khác của Chúa Thánh Thần, cũng giúp chúng ta hiểu được tính cách huyền bí của Ngài.

Thánh Gioan Tông đồ đã trình bày Chúa Giêsu nói về nước hằng sống :

«Hôm ấy là ngày bế mạc tuần lễ Lễ, và là ngày long trọng nhất. Đức Giê-su đứng trong Đèn Thờ và lớn tiếng nói rằng : ‘Ai khát, hãy đến với tôi, ai tin vào tôi, hãy đến mà uống ! Như Kinh Thánh đã nói : Từ lòng Người, sẽ tuôn chảy những dòng nước hằng sống’. Đức Giê-su muốn nói về Thần Khí mà những kẻ tin vào Người sẽ lãnh nhận⁹.»

Khi nói về «nước hằng sống», ở đây có nghĩa là nước suối, nước đang chảy, nước vọt ra và chạy đi mà không thể giữ lại, không thể đo lường số lượng hay sức mạnh của nó.

8 Ga 3, 8.

9 Ga 7, 37-39.

Chúa Thánh Thần cũng là *lửa* và, như vậy, ban đầu chúng ta có thể kiểm soát được, nhưng nếu chúng ta mất kiểm soát và để Ngài cháy bùng lên, Ngài sẽ thiêu rụi tất cả ¹⁰. Vào lễ Ngũ Tuần, Ngài đã xuống «*như những lưỡi lửa*» trên các Tông đồ.

Cũng giống như chúng ta không có quyền lực gì đối với nước và lửa, chúng ta cũng không có quyền lực đối với Chúa Thánh Thần. Chúng ta không thể định nghĩa Ngài, không thể mô tả Ngài một cách chính xác, không thể phân tích hay cấu trúc Ngài theo cách khái niệm. «*Ở đâu có Thần Khí của Chúa, thì ở đó có tự do*. ¹¹» Không ai có thể bắt giữ Thánh Linh, nhưng người nào chọn Ngài một cách tự do sẽ để mình bị Ngài chiếm hữu.

Chúng ta nói rằng Chúa Thánh Thần là một ngôi, là Ngôi Ba trong Ba Ngôi Thiên Chúa, điều này giúp Ngài xuất hiện một cách cụ thể hơn, nhưng đừng để chúng ta bị lừa bởi từ ngữ này, vì Ngài không phải là một người như chúng ta. Theo một cách nào đó, một con người chỉ tồn tại cho chính mình và vì chính mình, trong khi Chúa Thánh Thần hiện diện trong hai Ngôi Vị khác. Một con người trưởng thành như một ngôi vị khi người ấy mở lòng và dâng hiến cho người khác. Chúa Thánh Thần

¹⁰ Xem 1 Tx 5, 19.

¹¹ 2 Cr 3, 17.

chính là sự mở ra, là vô tận tự trao ban. Sự khác biệt giữa ngôi vị của con người và ngôi vị của Chúa Thánh Thần lớn đến mức mà Kinh Thánh và Giáo hội đã chọn cách diễn đạt nó bằng những cách diễn đạt trừu tượng¹².

Chúa Thánh Thần không phải là Đấng hành động, mà chính là hành động. Ngài là Đấng qua Ngài mà Thiên Chúa được tỏ lộ. Chúng ta không dễ hình dung một ngôi vị dưới hình thức hành động, nhưng đó chính là đặc tính của Chúa Thánh Thần. Dù ở đâu, luôn có một điều gì đó xảy ra : Ngài chính là sự hoàn thành.

Tân Ước không đưa ra một hình ảnh về Chúa Thánh Thần và không mô tả Ngài, vì không thể mô tả Ngài như chúng ta đã làm với Chúa Giêsu, Người đã mang lấy hình dạng con người. Tuy nhiên, chính Chúa Giêsu đã nói với chúng ta : *«Còn anh em biết Ngài, vì Ngài luôn ở giữa anh em và ở trong anh em»*¹³

Biết Chúa Thánh Thần trước hết có nghĩa là trải nghiệm hiệu quả của Ngài, mở lòng đón nhận ảnh hưởng của Ngài, tiếp nhận các linh cảm của Ngài, và đặt Ngài làm nguồn gốc của tất cả các hành động của chúng ta.

12 Xem Fr.-X. Durrwell, Thánh Thần của Thiên Chúa, nxb Cerf, Paris 1983, tr 13.

13 Ga 14, 17.

Tất cả những gì liên quan đến Chúa Thánh Thần vẫn luôn bao quanh trong mầu nhiệm, và vượt ra ngoài mọi sự cụ thể hóa. Ngài là lời cầu nguyện của chúng ta, lời cầu nguyện huyền bí được tạo nên từ *«những tiếng rên siết khôn tả»*¹⁴ chỉ có Thiên Chúa mới có thể nghe được. Khi Chúa Thánh Thần thúc đẩy ai đó nói, qua ơn nói các ngôn ngữ, người đó sẽ phát ra những lời không thể hiểu được mà chỉ những ai cũng được Chúa Thánh Thần linh cảm mới có thể giải thích được¹⁵.

Chúa Thánh Thần, kho báu ẩn giấu trong cánh đồng

Lễ Ngũ Tuần là mục đích cuối cùng của Nhập Thể, Thập Giá và Phục Sinh. Chúng ta biết rằng Thiên Chúa đã trở làm người, Người đã chịu khổ hình, đã chết vì chúng ta và đã sống lại từ cõi chết, để ban Chúa Thánh Thần xuống trên chúng ta. Chính Chúa Giêsu đã nói điều này và Người diễn tả rõ ràng : *«Thầy đã đến ném lửa vào mặt đất, và Thầy những ước mong phải chi lửa ấy đã bùng lên»*¹⁶ !»

14 Rm 8. 26.

15 Xem 1 Cr 14, 2-5.

16 Lc 12, 49.

Trong một ghi chú viết tay trong sách Tin Mừng theo Thánh Luca, thay vì «*Triều Đại Cha mau đến* ¹⁷» có thể đọc là : «Hãy để Chúa Thánh Thần đến», như thể nói rằng chúng ta có thể nhận diện Nước Thiên Chúa với Chúa Thánh Thần. Khi chúng ta được đầy đầy Chúa Thánh Thần, thì Thiên Chúa thực sự là Chúa.

Thần học phương Tây đôi khi đã bị chỉ trích vì «chủ nghĩa sùng bái Chúa Kitô», vì có thể nói rằng các nhà thần học đã tập trung một cách duy nhất vào hình ảnh của Chúa Kitô. Tuy nhiên, chúng ta không thể hiểu được Chúa Kitô-Sự Thật nếu không được hoàn toàn dẫn dắt bởi Thánh Linh của Sự Thật ¹⁸. Sự phiến diện này có thể giải thích cho sự khô khan, trừu tượng và sự tách rời đặc trưng của thần học phương Tây, vốn không quen với việc thấp lên ngọn lửa thiêng. Một cuộc thức tỉnh thần khí đã đến để chúng ta hiểu rằng Giáo hội không chỉ là của Chúa Kitô, mà còn là của Chúa Thánh Thần.

Có ba ngôi trong Thiên Chúa và dĩ nhiên, chúng ta không thể cho phép mình bỏ qua các ngôi vị ấy, dù chỉ là một phần, hoặc chỉ quan tâm một cách hời hợt ; thật vậy, nếu chúng ta chỉ giới hạn ở việc xem xét một hay hai ngôi, thì chúng ta sẽ đánh mất điều gì đó thiết yếu,

¹⁷ Lc 11, 2.

¹⁸ Xem Ga 16, 13.

bởi mỗi ngôi có chức năng và vai trò riêng.

Ngay từ lúc khởi đầu, «*Thần Khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước* ¹⁹», gần như là một lễ Hiện Xuống mang tính vũ trụ, chuẩn bị và thậm chí báo trước lễ Hiện Xuống thật sự, mang tính quyết định. Thần Khí đã hiện diện trong công trình Sáng Tạo ngay từ khởi thủy, Ngài rên siết và khiến muôn loài cùng rên siết với Ngài. Thánh Phaolô nói : «*Thật vậy, chúng ta biết rằng: cho đến bây giờ, muôn loài thọ tạo cùng rên siết và quằn quại như sắp sinh nở* ²⁰». Tiếng rên siết này, vốn là của Thần Khí, đã bắt đầu từ ngày đầu tiên của công trình Sáng Tạo.

Con người được mời gọi để trở nên một cách có ý thức là *pneumatophoros* («người mang Thần Khí»), để những gì vô thức trong tạo vật có thể, qua con người, đạt đến ý thức. Do đó, vai trò của con người là diễn giải ngôn ngữ của tạo vật, để hài hòa và nhân hóa nó thành một bài ca ngợi khen, cho niềm vui của Thiên Chúa và toàn thể nhân loại.

19 St 1, 2.

20 Rm 8, 22.

Bước đi trong Thần Khí

Việc ý thức là người mang Thần Khí có những hệ quả vô cùng lớn. Thần Khí không làm thay đổi địa vị xã hội của con người, cũng giống như một kho báu hay một món trang sức quý giá không thể làm điều đó, nhưng ảnh hưởng của Ngài thì vượt xa hơn rất nhiều. Ngài là đáng ban sự sống, là nguồn động lực, là đáng linh hoạt, là kim chỉ nam nội tâm, không chỉ hướng dẫn mà còn ban cơ hội và năng lượng để bước theo. Thánh Thomas Aquinas đã viết về Ngài rằng Ngài chính là «luật mới hiện thân ²¹».

Thay vì ban cho chúng ta một loạt các quy tắc để điều chỉnh hành trình của mình, Thiên Chúa đã ban cho chúng ta một con người, Đáng chính là bản thân luân lý của Ngài. Vì vậy, Kitô giáo không cần phải dựa vào các chỉ thị và giới luật, bởi vì Thần Khí, Đáng thúc đẩy và động viên các hành động của Thiên Chúa, cũng nâng đỡ con người để họ sống theo cách của mình. Khi đã lãnh nhận *Thần Khí của Ngài*, chúng ta không thể than phiền rằng Thiên Chúa đòi hỏi nơi chúng ta điều mà Ngài dường như không thực hiện, vì cả Ngài lẫn chúng ta đều được dẫn dắt bởi cùng một luân lý.

21 Xem Fr.-X. Durrwell, Thánh Thần của Thiên Chúa, nxb Cerf, Paris 1983, tr 122.

Luật của Môsê là một tập hợp các giới răn, và việc tuân giữ một cách nghiêm ngặt, xét trên toàn thể, có nguy cơ trở thành cái cây che khuất cả khu rừng. Còn Tân Ước thì rõ ràng và nhất quán vì được đặt trên một giới luật duy nhất, đó là giới luật yêu thương ²². Và bởi vì Tình Yêu được nhân cách hóa qua Chúa Thánh Thần (x. chương II), thì chỉ cần chúng ta đảm bảo rằng mình luôn được tràn đầy Chúa Thánh Thần, mọi sự sẽ vận hành cách tốt đẹp nhất.

«Phần anh em, dầu mà anh em đã lãnh nhận từ Đức Ki-tô ở lại trong anh em, và anh em chẳng cần ai dạy dỗ nữa. Nhưng vì dầu của Ngài dạy dỗ anh em mọi sự - mà dầu ấy dạy sự thật chứ không phải sự dối trá -, thì theo như dầu ấy đã dạy anh em, anh em hãy ở lại trong Ngài. ²³»

Đối với Tông đồ, không có gì đơn giản hơn : hãy làm điều mà Thần Khí gợi ý cho anh em và *«hãy ở lại trong Ngài»* !

Những quy tắc ứng xử, vốn thường khiến chúng ta hành xử theo một cách xa lạ với lối sống của mình, cũng có thể trở nên xa lạ và làm mất bản sắc, như thể chúng được áp đặt bởi một cái siêu tôi hay một bạo

²² Xem Mt 22, 40.

²³ 1 Ga 2, 27.

chúa. Trong khi đó, luân lý Kitô giáo thì không bao giờ gây ra cảm giác ấy, vì đó là một con người. Một con người, trên hết, hoàn toàn phù hợp với bản tính của chúng ta, với hình ảnh của Thiên Chúa mà chúng ta đã được in dấu ngay từ lúc được tạo dựng, thấm sâu vào cốt lõi hữu thể chúng ta và len lỏi vào sự độc nhất sâu xa vốn phân biệt chúng ta với những người khác. Giữa thần trí của chúng ta và Thánh Thần, có một sự hiệp nhất : *«Chính Thần Khí chứng thực cho thần trí chúng ta rằng chúng ta là con cái Thiên Chúa.* ²⁴».

Vì thế, Kinh Thánh nói rằng luân lý Kitô giáo (tức là Thần Khí) là giải thoát : *«Chúa là Thần Khí, và ở đâu có Thần Khí của Chúa, thì ở đó có tự do* ²⁵». Người nào để cho Thần Khí dẫn dắt thì luôn thành công trong việc làm điều mình muốn, bởi vì thánh ý Thiên Chúa, điều người ấy vui lòng vâng theo, đã trở thành cơn khát mãnh liệt nhất của họ. Trong ý muốn đó, người ấy đã nhận được một thần trí mới và một trái tim mới:

«Ta sẽ ban tặng các ngươi một quả tim mới, sẽ đặt thần khí mới vào lòng các ngươi. Ta sẽ bỏ đi quả tim bằng đá khỏi thân mình các ngươi và sẽ ban tặng các ngươi một quả tim bằng thịt. Chính thần trí của Ta, Ta

24 Rm 8, 16.

25 2 Cr 3, 17.

sẽ đặt vào lòng các ngươi, Ta sẽ làm cho các ngươi đi theo thánh chỉ, tuân giữ các phán quyết của Ta và đem ra thi hành ²⁶».

Không ai tự do hơn người đang nỗ lực làm thỏa mãn khát vọng sâu xa nhất của mình. Một khát vọng vốn cũng là một nỗi khao khát không thể nguôi, vì nó càng được thỏa mãn thì lại càng lớn lên. Không có sự nghỉ ngơi cho khao khát thăm sâu nhất nơi con người, thứ khi trở nên triệt để thì chỉ ngày càng mãnh liệt. Và trong khi chúng ta cố gắng làm dịu cơn khát không gì có thể xoa dịu ấy, thì Thần Khí vẫn không ngừng rên siết.

Việc «trong Kitô giáo, khao khát được thánh hóa ²⁷» là hệ quả trực tiếp từ sự hiện diện không ngừng của Thần Khí.

«Thần Khí và Tân Nương nói : «Xin Ngài ngự đến !» Ai nghe, hãy nói : «Xin Ngài ngự đến !» Ai khát, hãy đến ; ai muốn, hãy đến lãnh nước trường sinh mà không phải trả tiền. ²⁸».

26 Ed 36, 26-27.

27 Xem Fr.-X. Durrwell, Thánh Thần của Thiên Chúa, nxb Cerf, Paris 1983, tr 124.

28 Kh 22, 17.

Nếu Thần Khí thực sự sống trong chúng ta, hoặc chúng ta sống trong Ngài, thì chúng ta cũng bắt đầu «tiến bước».

«Có trong tôi một ‘nguồn nước hằng sống’ đang thì thầm, thánh Inhaxiô thành Antioche viết ²⁹, và trong tôi vang lên lời này : ‘Hãy đến với Chúa Cha’.»

Nguồn nước ấy chính là Chúa Thánh Thần.

29 Thư gửi tín hữu Rô-ma, VII

Chương II

Thần Khí Của Tình Yêu

Chúa Thánh Thần là Tình Yêu, Ngài có nghĩa là Tình Yêu, Ngài đồng nhất với Tình Yêu.

Trong Tân Ước, một đoạn văn cho thấy rất rõ sự tương đương này : *«Trông cậy như thế, chúng ta sẽ không phải thất vọng, vì Thiên Chúa đã đổ tình yêu của Người vào lòng chúng ta, nhờ Thánh Thần mà Người ban cho chúng ta»³⁰*. Thiên Chúa không hề phân biệt giữa việc ban Thần Khí cho chúng ta và việc gieo trồng Tình Yêu trong chúng ta.

Ngoài trích đoạn rất rõ ràng này, chúng ta còn thấy nhiều đoạn khác tương tự trong các thư của thánh Phaolô. Đối với ngài, thật hiển nhiên rằng sống trong Thần Khí là sống bằng tình yêu : *«Vì tính xác thật thì ước muốn những điều trái ngược với Thần Khí, còn Thần Khí lại ước muốn những điều trái ngược với tính xác thật»³¹*, như thể để nói rằng sự thiếu đồng nhất giữa hai thực thể này cho thấy ích kỷ và tình yêu là không thể dung hòa : *«Đôi bên kinh địch nhau»³²*.

30 Rm 5, 5.

31 Gl 5, 17.

32 Gl 5, 17.

Người ta thường nói đến «hoa quả» của Thần Khí, nhưng bản văn Hy Lạp trong thư gửi tín hữu Galát (5,22) lại dùng số ít : *ho de karpos tou pneumatos* («*hoa quả của Thần Khí là bác ái*»), một hoa quả trong trường hợp này không tách biệt khỏi cái cây, và được thánh Phaolô liệt kê các phẩm chất của nó : «*bác ái, hoan lạc, bình an, nhẫn nhục, nhân hậu, từ tâm, trung tín* ³³», tất cả đều là đặc tính của tình yêu, hay đúng hơn, là bằng chứng của tình yêu.

«*Rồi Người gục đầu xuống và trao Thần Khí* ³⁴». Câu nói này của thánh Gioan không chỉ ghi lại hơi thở cuối cùng của Chúa Giêsu, mà còn ám chỉ việc, khi chết, Chúa Giêsu đã ban Thần Khí của Người cho nhân loại, nghĩa là trong cái chết, Người đã tuôn đổ trên trần gian, bằng một tình yêu vô biên, chính Chúa Thánh Thần. Khi viên đại đội trưởng đâm ngọn giáo vào cạnh sườn Người, máu và nước liền chảy ra ³⁵. Nước là biểu tượng của Thần Khí. Thật vậy, vào thời điểm tình yêu thần linh đạt đến đỉnh điểm, nó tuôn trào và tràn ngập trần gian : «*Không có tình thương nào cao cả hơn tình thương của người đã hy sinh tính mạng vì bạn hữu của mình* ³⁶».

33 Gl 5, 22.

34 Ga 19, 30.

35 Xem Ga 19, 34.

36 Ga 15, 13.

***Koinonia* - Hiệp Nhất**

Chúa Thánh Thần là Tình Yêu, cũng như Chúa Cha, Đấng, như thánh Gioan đã nói ngay trong lá thư thứ nhất của mình, là Tình Yêu (*ho theos agape estin* ³⁷). Để diễn tả tình yêu, ngoài từ *agape*, thánh Phaolô còn dùng từ *koinonia*, một thuật ngữ phù hợp hơn để chỉ năng lực hiệp nhất của Chúa Thánh Thần, và thánh Tông đồ đã hai lần sử dụng từ này khi nói về Ngài. Lời kết của thư thứ hai gửi tín hữu Côrintô viết : «*Nguyện xin ân sủng của Chúa Giêsu Kitô, tình yêu của Chúa Cha (agape) và ơn thông hiệp của Chúa Thánh Thần (koinonia) ở cùng tất cả anh chị em* ³⁸», chính là công thức mở đầu Thánh Lễ. Tương tự, trong thư gửi tín hữu Philipphê : «*Nếu chúng ta được hiệp thông trong Thần Khí [...] thì xin anh em hãy làm cho niềm vui của tôi được trọn vẹn, là hãy có cùng một cảm nghĩ, cùng một lòng mến* ³⁹».

Koinonia là đặc điểm của Chúa Thánh Thần, Đấng mà trong chính Ngài là và tạo nên *koinonia*, thuật ngữ này bắt nguồn từ *koinos*, chỉ sự hợp nhất của con người hay sự vật. *Koinonia* do đó là sự thuộc về, sự chia sẻ, giao ước, mối quan hệ. Trong Thư thứ hai gửi tín hữu Cô-rin-tô, thánh Phao-lô đã sử dụng từ này để đặt câu

37 1 Ga 4, 8.16.

38 2 Cr 13, 13.

39 Pl 2, 1-2.

hỏi : «*Thật thế, làm sao sự công chính lại liên kết được với sự bất chính ? Làm sao ánh sáng lại dung hòa được với bóng tối ?* ⁴⁰»

Trong bối cảnh này, thật tự nhiên để tự hỏi tình yêu là gì, một câu hỏi mà các triết gia, nghệ sĩ và nhà văn vẫn không ngừng đặt ra hết lần này đến lần khác. Ta có thể nói, khi sử dụng từ Hy Lạp *agapè*, rằng tình yêu là việc chạm đến nguồn gốc của mình để tuôn đổ nó lên người khác, như cách Đức Giê-su đã làm trên thập giá, khi Ngài hiến dâng mạng sống vì chúng ta, hoặc trong việc thiết lập Bí tích Thánh Thể, nơi mà với một tình yêu vô hạn, Ngài đã hoàn toàn từ bỏ chính mình và hiến thân trọn vẹn vì lợi ích của tha nhân. Augustinô viết : *Amo, volo ut sis*, «Tôi yêu bạn, tôi muốn bạn là chính bạn». Bởi vì tôi yêu bạn, tôi muốn bạn được hạnh phúc.

Nhưng tình yêu không chỉ là sự hiến dâng bản thân hay khao khát vượt thoát khỏi chính mình. Nó cũng là đam mê và khao khát, là mong muốn đón nhận người khác vào trong chính mình, dù là *agapè* hay *éros* (mà ngày nay, chúng ta thường nhẹ dạ gán với sự gợi dục). «Hãy đến ! *éros* nói. Ta khát khao người, chúng ta phải ở bên nhau».

Thật vậy, Bí tích Thánh Thể vừa là *agapè* vừa là *éros*, nghĩa là vừa là sự hiến dâng vừa là sự hiện diện. Khi lưu giữ Mình Thánh đã được thánh hiến trong nhà tạm, Giáo hội Công giáo biểu lộ rằng Chúa Giê-su luôn hiện diện với chúng ta. Hai phương diện của tình yêu do đó đều hiện diện trong Thánh Thể.

Khi một người nam và một người nữ kết hợp với nhau trong hôn nhân, hứa sẽ yêu nhau trong niềm vui cũng như trong đau khổ, điều này chủ yếu là *agapè*, là sự thoát ra khỏi chính mình, là tình yêu như một sự hiến thân. «*Người làm chồng, thánh Phao-lô viết, hãy yêu thương vợ, (nguyên văn : agapate) như chính Đức Ki-tô yêu thương Giáo Hội và hiến mình vì Giáo Hội*⁴¹».

Không dễ gì hứa sẽ luôn luôn hạnh phúc bên người bạn đời và biến cuộc sống chung thành niềm vui liên tục. Nếu người ta chỉ nghĩ đến bản thân, nếu người ta ích kỷ, nếu họ khinh thường cảm xúc của người kia và không tôn trọng người ấy như một con người, thì niềm vui sẽ trở thành thập giá ; họ trở thành gánh nặng và nổi đau cho nhau. Trong trường hợp này, *éros* giảm đến mức tối thiểu hoặc biến mất hoàn toàn. Điều còn lại, hoặc ít nhất là điều *phải* còn lại, chính là *agapè*, theo nghĩa một người hy sinh bản thân, kiên nhẫn chờ đợi

41 Ep 5, 25.

người kia và cầu nguyện cho họ.

Người ta có thể hứa yêu theo kiểu *agapè* và, một khi đã hứa, thì phải giữ lòng trung thành với lời hứa đó, nhưng người ta không thể hứa về *éros*. Tuy nhiên, sự khác biệt giữa *agapè* và *éros* không quá lớn. Nếu *agapè* gia tăng, thì thông thường *éros* cũng sẽ phát triển, dù rằng không thể lập kế hoạch hay cam kết trước về điều đó. Kinh nghiệm cho thấy những người tự nguyện chịu đau khổ và hiến dâng là những người yêu nhau sâu sắc. Trong trường hợp đau khổ xảy đến mà không do ý muốn, sự cay đắng sẽ lấn át.

Tình yêu mà chỉ hoặc gần như chỉ là *agapè* thì chưa trọn vẹn, vì nó thiếu yếu tố thiết yếu là sự đáp lại. Điều này có nghĩa rằng một cuộc hôn nhân bất hạnh hay không trọn vẹn không thể phản chiếu được tình yêu liên kết giữa Đức Kitô và Giáo Hội của Người.

Thuật ngữ *koinonia*, nghĩa là sự hiệp nhất, chỉ tình yêu trong sự viên mãn của *agapè* và *éros*, điều vốn là đặc điểm của Chúa Thánh Thần và biểu lộ bản tính của Ngài. Khi người ta ở trong sự hiệp nhất, mọi sự được chia sẻ chung, và không còn gì thuộc về cá nhân nữa. Một người nói : «Tất cả những gì là của tôi là của anh/em», và người kia đáp lại : «Và tất cả những gì là của tôi là của anh/em». Khi đó, người ta hoàn toàn cởi bỏ

tất cả những gì mình có để trao cho người kia, và đó chính là *agapè*. Nhưng bởi vì người kia cũng cởi bỏ tất cả để trao ngược lại, điều được thực hiện chính là *éros*. «Tôi thuộc về anh/em», *agapè* nói. «Anh/em thuộc về tôi», *éros* đáp lại. Phải chăng đây không phải là những lời mà các đôi tình nhân cứ lặp lại không ngừng ? «Em là của anh - anh là của em». Tất cả các thành tố của tình yêu hợp thành *koinonia*.

Trong Ba Ngôi Cực Thánh, tình yêu - *koinonia* - đạt đến mức hoàn hảo cao nhất ; đó là một hành vi ban tặng và đón nhận không ngừng, với một tốc độ chóng mặt.

Thánh Gioan Thánh Giá đã mô tả sự kết hợp này trong một bài thơ tuyệt vời, một cách vô cùng xúc động. Bài thơ rất cảm động.

Về Công Trình Sáng Tạo

«Một người vợ yêu mến Con,
Ta muốn *trao cho* Con,
Người mà, *nhờ phẩm giá của Con*, xứng đáng
Được ở cùng với chúng ta
Và ăn cùng một bàn
Chiếc bàn mà Ta từng dùng,
Để nàng biết được *những điều tốt lành*
Mà nơi Con yêu dấu Ta đã có,

*Và để nàng cùng Ta hoan hỉ
Trong ân sủng và sức mạnh của Con».*

Để ban cho Con của mình một người vợ yêu Người, Chúa Cha đã sáng tạo trái đất và con người. Toàn thể vũ trụ với tất cả sinh vật bên trong chính là món quà kỳ diệu mà Chúa Cha trao tặng cho Con của Ngài. Và Con, để đáp lại, cư xử thế nào với Cha mình ?

«Con cảm tạ Cha rất nhiều,
Người Con đáp lại.
Người vợ mà Cha sẽ trao tặng Con,
Con sẽ trao ánh sáng của Con,
*Để nhờ ánh sáng ấy, nàng có thể thấy
Tất cả giá trị nơi Cha của Con,
Và hiểu rằng hiện hữu mà Con sở hữu
Là do Con lãnh nhận từ hiện hữu của Cha.*
Con sẽ giữ nàng trên cánh tay Con,
Và trong tình yêu của Cha, nàng sẽ bùng cháy,
Và với niềm vui vĩnh cửu,
Nàng sẽ ngợi khen lòng nhân hậu của Cha».

Chúa Con không giữ lại cho mình món quà từ Chúa Cha. Nếu Người tỏ cho người vợ thấy vinh quang của mình, thì đó chỉ là để nàng nhận ra rằng Người đã lãnh nhận điều ấy từ Chúa Cha, và để nàng ca ngợi lòng tốt của Chúa Cha. Vậy nên, tất cả lại quy về Chúa Cha.

Năng lực thúc đẩy Chúa Cha hướng về Chúa Con, và Chúa Con hướng về Chúa Cha, chính là Chúa Thánh Thần. Chính Ngài là *koinonia*, là sự hiệp thông, Đấng chia sẻ mọi sự giữa hai Đấng.

«Anh em là Thân Thể của Đức Kitô»

Chúng ta không thể xem việc Chúa Thánh Thần là *sự hiệp thông* như một mệnh đề trừu tượng, vì chúng ta cảm nghiệm rất cụ thể các hậu quả của điều đó. Ngài là Đấng không ngừng kiến tạo sự hiệp nhất và quy tụ các linh hồn, như được khẳng định trong lời kết của hầu hết các lời nguyện trong phụng vụ Công giáo : *trong sự hiệp nhất của Chúa Thánh Thần*.

Chính Thánh Thần kết hợp chúng ta lại bằng cách ghép từng người chúng ta vào Thân Thể của Đức Kitô. «*Thật thế, tất cả chúng ta, dầu là Do-thái hay Hy-lạp, nô lệ hay tự do, chúng ta đều đã chịu phép rửa trong cùng một Thần Khí để trở nên một thân thể. Tất cả chúng ta đã được đầy tràn một Thần Khí duy nhất*⁴²». Điều này có nghĩa là : dù da trắng hay đen, tu sĩ hay giáo dân, nam hay nữ, cư dân hay người nhập cư, bảo thủ hay cấp tiến, «tất cả chúng ta đều đã được cùng một Thánh Thần làm cho thỏa thuê. Thân thể con người không chỉ có một phần, mà gồm nhiều chi thể. *Thật vậy,* 42 1 Cr 12, 13.

thân thể gồm nhiều bộ phận, chứ không phải chỉ có một mà thôi. Giả như chân có nói : «Tôi không phải là tay, nên tôi không thuộc về thân thể», thì cũng chẳng vì thế mà nó không thuộc về thân thể. [...] Nhưng Thiên Chúa đã đặt mỗi bộ phận vào một chỗ trong thân thể như ý Ngài muốn. [...] Vậy anh em, anh em là thân thể Đức Ki-tô, và mỗi người là một bộ phận ⁴³».

Chúng ta được dạy rằng hãy tha thứ cho nhau, đừng giữ lòng oán giận, hãy hiền lành và thân thiện, và các nhà tâm lý học thì khuyên chúng ta hãy phá bỏ những hàng rào phòng vệ nội tâm. Đó là những lời khuyên quan trọng, nhưng nếu chúng ta đặt chúng như mục tiêu cuối cùng, chúng ta sẽ nhanh chóng nhận ra việc tuân theo chúng khó đến mức nào, bởi vì đời sống thì quá ngắn...

Thay vì tự gánh lấy gánh nặng của các quy tắc và điều luật, hãy nhìn vào thực tại bản thể. Khi, từ một góc độ hiện sinh, *chúng ta thực sự nhận ra* rằng tất cả chúng ta cùng tạo thành một thân thể duy nhất, thì *chúng ta không còn có thể* cảm thấy phần nộ hay ghen tị với nhau, cũng như tai không thể ghen tị với mắt, hay mắt với tai. Nếu một chi thể trong thân thể bị đau, các chi thể khác không thể vui mừng, nhưng sẽ đồng lòng giúp

43 1 Cr 12, 13-16.18.27.

đỡ phần đau ấy : *«Nếu một bộ phận nào đau, thì mọi bộ phận cùng đau. Nếu một bộ phận nào được vẻ vang, thì mọi bộ phận cũng vui chung⁴⁴».*

Hiểu rằng tất cả chúng ta là anh chị em với nhau là một chiến thắng lớn, và tốt hơn hết là hãy xem nhau như anh chị em chứ không chỉ là những người thân cận, bởi vì chúng ta là thành viên của cùng một gia đình. *«Phàm ai tin rằng Đức Giê-su là Đấng Ki-tô, kẻ ấy đã được Thiên Chúa sinh ra. Và ai yêu mến Đấng sinh thành, thì cũng yêu thương kẻ được Đấng ấy sinh ra⁴⁵».* Thật vậy, thực tại sâu rộng và sâu xa hơn điều mà chúng ta có thể hiểu, bởi chúng ta gắn kết với nhau như các thành viên trong một gia đình duy nhất. Dĩ nhiên, anh chị em thường có tính độc lập tương đối, mỗi người sống cuộc đời riêng của mình và cư xử khác nhau, trong khi các chi thể trong một thân thể thì lệ thuộc lẫn nhau.

Mọi sự trở nên thật đơn giản khi ta sống trong sự thật. Ngay cả sự tha thứ lẫn nhau cũng không còn là một việc phức tạp, mà trở nên điều tự nhiên; hoặc đúng hơn, hầu như không còn ai hay điều gì cần được tha thứ nữa, cũng như cánh tay bị gãy không cảm thấy cần phải tha thứ cho cái chân đã gây ra chấn thương đó. Người

44 1 Cr 12, 26.

45 1 Ga 5, 1.

cha không long trọng nói với đứa con hoang đàng trở về nhà : «Con trai, cha tha thứ cho con», và ông cũng không đòi hỏi một lời xưng thú ăn năn từ nó. Nhưng, *«Anh ta còn ở đàng xa, thì người cha đã trông thấy. Ông chạnh lòng thương, chạy ra ôm chòm anh ta và hôn lấy hôn để⁴⁶»*, lập tức đưa nó trở lại trong sự hiệp nhất gia đình, nơi mọi người phải là một. *«Lòng yêu thương che phủ muôn vàn tội lỗi⁴⁷»*, thánh Phêrô viết, nghĩa là, khi người kia quay về, thì điều cần không phải là sự tha thứ, mà là tình yêu.

Tương tự, cũng không cần phải nỗ lực to lớn nào để sống ở mức độ mà Chúa Thánh Thần hợp nhất mọi sự trong một thân thể duy nhất, cũng không cần phải đi tìm kiếm Ngài. Chúng ta cầu nguyện : «Thánh Thần, khẩn xin ngự đến !», nhưng trong lòng, chúng ta nên thêm : «Chính con đến với Ngài, lạy Chúa Thánh Thần», bởi vì chính Ngài luôn ở bên chúng ta, sẵn sàng ban tràn đầy chính Ngài cho chúng ta, ngay khi chúng ta mở lòng ra đón nhận.

Người ta kể rằng một vị thiên sư nổi tiếng nọ, vào một ngày đẹp trời, đã nhìn quanh để đi tìm thân thể của chính mình, khiến các môn đệ hết sức kinh ngạc. Chúng

46 Lc 15, 20.

47 1 Pr 4,8.

ta cũng có nguy cơ trở nên buồn cười y như vậy khi bắt đầu đi tìm kiếm Thiên Chúa, bởi vì chúng ta hiện diện trong Ngài còn hơn cả trong chính thân xác của mình.

Trái đất, sự tuôn tràn của tình yêu

Sự hiện diện quy tụ của Chúa Thánh Thần làm cho toàn thể nhân loại trở thành một thân thể duy nhất và thấm nhập vào cả vũ trụ. «*Thần khí của ĐỨC CHÚA ngập tràn cõi đất* ⁴⁸».

Chúng ta đã biết rằng các điện tử mang điện tích âm quay quanh hạt nhân mang điện tích dương của nguyên tử với sự kiên trì, và rằng Trái đất quay quanh Mặt trời với vận tốc trung bình ba mươi kilômét mỗi giây. Chúng ta cũng biết rằng kể từ vụ nổ *Big Bang* xảy ra hàng tỷ năm trước, vũ trụ của chúng ta đã giãn nở theo mọi hướng với tốc độ kinh hoàng. Nhưng mãi đến năm 1986, người ta mới nhận ra chuyển động của các thiên hà đang lao nhanh trong không gian, bị hút về một trung tâm huyền bí mà các nhà thiên văn vẫn chưa thể nhìn thấy. Cứ như thể Trái đất, dải Ngân hà, các tinh vân sao, và khối lượng khổng lồ của các thiên hà đều đang bị cuốn về cùng một hướng bởi một dòng chảy không thể giải thích và không thể ngăn cản, di chuyển với tốc độ bảy trăm kilômét mỗi giây.

48 Kn 1, 7.

Tình yêu rõ ràng cũng hiện diện ở cấp độ con người như trong vi mô và vĩ mô, như thể một khát vọng mãnh liệt hướng về sự hiệp nhất đang tràn qua toàn thể vạn vật được tạo thành.

Tình yêu là một ngôi vị

Nếu Chúa Thánh Thần là Tình Yêu, thì Tình Yêu chính là Chúa Thánh Thần và do đó có phẩm giá riêng. Ta có thể nói rằng nếu sống «trong tình yêu», ta đang đặt mình trên cùng tần số với Chúa Thánh Thần. *Ubi caritas et amor, Deus ibi est*, tức là, khi ta sống trong yêu thương, ta đang hòa điệu với Chúa Thánh Thần. Khi ấy, yêu thương trở nên dễ dàng hơn; nó không còn là một nỗ lực riêng tư, cô độc nhằm làm cao thượng cảm xúc, mà trở thành hành động để cho Thần Khí yêu thương được thâm nhập.

Được phát sinh bởi một Ngôi vị Thiên Chúa, tình yêu trở nên mang tính cá nhân sâu sắc hơn, nó làm cho mỗi con người trở thành một cá thể độc nhất, khiến họ trở nên riêng biệt. Tình yêu không còn là một năng lượng mơ hồ và vô danh, mà là một sức mạnh «cá nhân hóa», phát xuất từ Chúa Thánh Thần và giúp con người nhận ra chính mình trong sự toàn vẹn.

Về phần mình, khi chúng ta để Chúa Thánh Thần hành động trong ta, Ngài có thể làm cho ta trở thành khí cụ của Ngài, và chúng ta sẽ giúp người khác trở nên cá vị hơn. Chúa Thánh Thần hiệp nhất người này với người kia mà không xóa bỏ sự khác biệt. Điều đó có nghĩa rằng mỗi quan hệ tương hỗ trở nên sâu sắc và riêng tư hơn, vì «tôi là tôi hơn» và «bạn là bạn hơn».

Bác ái Kitô giáo thực sự được đặc trưng bởi một tình bạn mãnh liệt và cá nhân sâu sắc. Ngược lại, nơi Phật giáo, dường như yếu tố cá nhân bị làm lu mờ bởi yếu tố phổ quát; người ta có cảm giác rằng mình được yêu không phải vì con người riêng biệt của mình, mà chỉ vì yếu tố phổ quát nơi bản tính mình, nơi một người có thể thay thế cho người khác và tất cả đều có thể hoán đổi. Kiểu tình yêu như thế không làm thỏa mãn chúng ta, những người phương Tây: chúng ta muốn được yêu không chỉ vì chúng ta là con người, mà còn vì những đặc điểm riêng biệt cá nhân của chúng ta.

Chương III

Thần Khí Của Sự Thật

Tin Mừng Gioan thuật lại lời cảnh báo của Chúa Giêsu với các Tông đồ : *«Thầy còn nhiều điều phải nói với anh em, nhưng bây giờ anh em không có sức chịu nổi. Khi nào Thần Khí sự thật đến, Ngài sẽ dẫn anh em đến sự thật toàn vẹn⁴⁹»*. Thật vậy, sự thật toàn vẹn không được ban cho chúng ta ngay từ đầu, bởi vì tất cả chúng ta cần lớn lên trong sự thật ; và chính Chúa Thánh Thần là Đấng hướng dẫn chúng ta trong tiến trình lớn lên ấy.

Thần Khí của Chúa Giêsu

Bởi vì Chúa Giêsu là Sự Thật, nên Thần Khí của Sự Thật chính là Thần Khí của chính Chúa Giêsu, Đấng ngự trên Người một cách trọn vẹn hơn trên bất kỳ vị ngôn sứ nào :

«Thần Khí Chúa ngự trên tôi, vì Chúa đã xức dầu tấn phong tôi, để tôi loan báo Tin Mừng cho kẻ nghèo hèn. Người đã sai tôi đi công bố cho kẻ bị giam cầm biết họ được tha, cho người mù biết họ được sáng mắt, trả lại

49 Ga 16, 12-13

tự do cho người bị áp bức ⁵⁰».

Tất cả các ngôn sứ đều được Thánh Thần tuyển chọn trực tiếp, kể cả Gioan Tẩy Giả, người được coi là vĩ đại nhất, Chúa Đức Giêsu thì được sinh ra bởi chính Thánh Thần - và vì thế, Người thừa hưởng trọn vẹn những gì là của Thánh Thần ⁵¹. Những dấu hiệu biểu lộ sự hiện diện của Thánh Thần trước thời Đức Kitô - quyền năng, sức mạnh, phép lạ, sự thân tình với Thiên Chúa - thì nơi Đức Giêsu lại tràn đầy và trở thành một phần của đời sống thường ngày. Các phép lạ dường như tuôn ra tự nhiên từ đôi tay của Người. Người tỏ bày bằng nhiều cách khác nhau rằng Người biết những điều kín ẩn của Thiên Chúa và luôn luôn hợp nhất với Ngài.

Chưa ai từng lãnh nhận Thánh Thần nhiều như Chúa Giêsu, cả về mức độ lẫn chiều sâu. Thánh Thần từng ngự xuống trên các thẩm phán và các ngôn sứ, những người đôi khi cảm thấy mình bị chiếm hữu bởi một quyền lực lớn hơn chính họ, một sức mạnh đến từ bên ngoài. Điều đó không bao giờ xảy ra nơi Chúa Giêsu, vì Người không chịu ảnh hưởng bởi bất kỳ sức mạnh nào từ bên ngoài. Người thực hiện công việc của Thiên Chúa, Người sống trong Thiên Chúa, đến mức gần như

⁵⁰ Lc 4, 18. Xem Is 61, 1.

⁵¹ Xem Lc 1, 35.

ta có cảm tưởng Người không cần đến Chúa Thánh Thần. Không thể chỉ nói đơn giản rằng Người được linh hứng, mà giống như Chúa Cha luôn ở với Người, thì Thánh Thần cũng không bao giờ rời bỏ Người. Chính bởi vì nơi Chúa Giêsu, ta không thấy những hiện tượng thường đi kèm và biểu lộ hoạt động của Thánh Thần, mà Người lại làm chứng cho chính tư cách thần linh của mình. Đối với Người, Thần Khí không phải là một năng lượng bên ngoài, nhưng Người sống trong Thần Khí, đúng hơn, Chúa Thánh Thần chính là Thần Khí của Người.

«Ngài sẽ tôn vinh Thầy, vì Ngài sẽ lấy những gì của Thầy mà loan báo cho anh em. Mọi sự Chúa Cha có đều là của Thầy. Vì thế, Thầy đã nói : Ngài lấy những gì của Thầy mà loan báo cho anh em. ⁵²».

Vào lúc chịu Phép Rửa, ta thấy rõ cách mà Chúa Giêsu lãnh nhận Chúa Thánh Thần từ Chúa Cha : *«Vừa lên khỏi nước, Người liền thấy các tầng trời xé ra, và thấy Thần Khí như chim bồ câu ngự xuống trên mình ⁵³».*

Vì thế, Thánh Thần không phải là một món quà được ban để lấp đầy một khoảng trống. Chúa Giêsu lãnh nhận

52 Ga 16, 14-15.

53 Mc 1, 10.

Thánh Thần theo cùng một cách như Người nhận chính mình từ Chúa Cha. Người là Chúa Con, mãi mãi, trong Chúa Thánh Thần.

Vị thầy hiền lành của chúng ta

Vậy, Chúa Thánh Thần dẫn dắt chúng ta đến với sự thật như thế nào ?

Chẳng hạn, bằng cách soi sáng cho chúng ta hiểu một số lời nói hay hành động của Đức Giêsu, như thánh Gioan đã ghi lại : *«Nhưng Đáng Bào Trợ là Thánh Thần Chúa Cha sẽ sai đến nhân danh Thầy, Đáng đó sẽ dạy anh em mọi điều và sẽ làm cho anh em nhớ lại mọi điều Thầy đã nói với anh em⁵⁴»*. Như thế, Thánh Thần theo một nghĩa nào đó là người thầy tốt lành của chúng ta.

Chúng ta biết rõ từ kinh nghiệm rằng những lời từng nghe hoặc từng đọc có thể đột nhiên hiện lên trong tâm trí ta, được chiếu rọi bởi một ánh sáng mới và chiều sâu bất ngờ ; và chúng ta cũng biết rằng điều đó không đến từ công trạng nào của bản thân, mà là do tác động của Chúa Thánh Thần. Đôi khi sự soi sáng ấy đến trực tiếp; đôi khi, nó đến qua những người khác, qua sách vở, thư từ, các cuộc trò chuyện. Nhờ sự gợi nhắc của Chúa Thánh Thần, những lời từng dường như chết đi được

54 Ga 14, 26.

hồi sinh, như thể để nhắc ta rằng Chúa Giêsu «*có những lời đem lại sự sống đời đời* ⁵⁵».

Trong Thông điệp *Dominum et Vivificantem*, Thánh Giáo hoàng Gioan Phaolô II nhấn mạnh rằng cụm từ «*sự thật toàn vẹn*» liên quan đến hy tế của Chúa Kitô (số 6), và việc Chúa Thánh Thần dẫn đưa đến sự thật không gì khác hơn là một hành trình ngày càng sâu xa hơn vào việc hiểu biết về Cuộc Thương Khó và cái chết của Chúa Giêsu. Chính trên thập giá, sự thật toàn vẹn được mặc khải và Thiên Chúa ẩn mình trở nên hiện diện. Chính trên thập giá mà tình yêu Thiên Chúa được biểu lộ cách huy hoàng nhất.

Thánh Thần vạch trần tội lỗi

Chúng ta không thể hiểu được thập giá nếu không hiểu về tội lỗi : cả hai là hai mặt của cùng một đồng xu. Ngày nay, thật vậy, bởi vì người ta đánh mất cảm thức về tội lỗi, nên việc hiểu thập giá trở nên khó khăn.

Con đường mà Chúa Thánh Thần đi để dẫn chúng ta đến với sự thật toàn vẹn là qua tội lỗi, hay đúng hơn, qua việc nhận ra tội lỗi của chính mình.

55 Ga 6,68.

«*Khi Người đến, Người sẽ chứng minh rằng thế gian sai lầm về tội lỗi, về sự công chính và việc xét xử : về tội lỗi : vì chúng không tin vào Thầy ; về sự công chính: vì Thầy đến cùng Chúa Cha, và anh em không còn thấy Thầy nữa ; về việc xét xử : vì Thủ lãnh thế gian này đã bị xét xử rồi* ⁵⁶».

Chính khi giải thích đoạn này trong cùng Thông điệp đó, Đức Giáo hoàng cho thấy rằng ba từ : *tội lỗi, công chính và phán xét*, tuy thoát đầu có vẻ nghiêm khắc, thậm chí đáng sợ, nhưng thực chất lại liên quan đến tình yêu Thiên Chúa ⁵⁷.

Khi vạch trần *tội lỗi của chúng ta*, Thánh Thần thực hiện một hành vi đầy lòng thương xót. Chúa Giêsu định nghĩa tội lỗi là không tin vào Người, một nghĩa hoàn toàn khác với cách chúng ta thường hiểu về «tội lỗi». Hiếm khi người ta xưng tội vì thiếu đức tin hay vì không tin vào Chúa Kitô. Người ta thường xưng thú những hành động sai trái, sự tức giận, lỗi lầm, sự không trung thực hoặc chậm trễ trong công việc. Ít ai xưng thú tội căn bản là thiếu tình yêu dành cho Chúa Kitô và sự từ chối Người.

⁵⁶ Ga 16, 8-11.

⁵⁷ Xem Thông điệp *Dominum et Vivificantem*, số 27-28.

Có một sự khác biệt rất lớn giữa việc hiểu tội lỗi như một vi phạm luật lệ và hiểu nó như một sự thiếu niềm tin. Đó là hai quan điểm hoàn toàn khác nhau : nếu coi tội lỗi là sự vi phạm, ta bước vào phạm vi pháp lý hay đạo đức ; còn nếu coi đó là sự từ chối Đức Kitô, ta đã bước vào con đường của tình yêu Thiên Chúa.

Tôi luôn cảm động khi trong tòa giải tội, nghe ai đó thú nhận rằng họ đã thiếu niềm tin vào Thiên Chúa, vì điều đó đồng thời cũng *cho thấy* niềm tin vào Thiên Chúa vẫn còn và Người vẫn đáng tin cậy. Chính khi ta xưng thú sự thiếu đức tin, đức tin lại được củng cố và ta thừa nhận sự hiện diện thật sự của Thiên Chúa.

Câu hỏi : «*Anh có tin vào Con Người không ?* ⁵⁸» mà Đức Giêsu đặt ra cho người mù bẩm sinh, nghĩa là: «*Anh có tin vào Thầy không ?*», lẽ ra phải vang vọng thường xuyên trong tâm hồn chúng ta, và trong lúc xưng tội, thỉnh thoảng chúng ta nên thú nhận rằng mình đã không đủ can đảm để tin vào Người, đồng thời hứa sẽ làm điều đó một cách cụ thể trong tương lai.

Thuật ngữ thứ hai được đề cập là *sự công chính* : «*Khi Ngài đến, Ngài sẽ cho các anh biết thế nào là công chính*». Đoạn này không nói về sự công chính theo nghĩa trừng phạt hay báo oán của Thiên Chúa, mà 58 Ga 9, 35.

là về sự tôn vinh của Người Con, Đáng được Chúa Cha hoàn toàn minh chứng là «công chính» vì đã luôn «*làm những điều đẹp ý Ngài* ⁵⁹». Cần phải coi đó là một hồng ân lớn của Thánh Thần khi ta được soi sáng về ý nghĩa thật sự của «sự công chính», điều không liên quan gì đến kỷ luật bản thân hay việc tuân giữ các quy định, mà là thái độ khiến Chúa Giêsu có thể nói : «*Tôi không tự mình làm bất cứ điều gì, nhưng Chúa Cha đã dạy tôi thế nào, thì tôi nói như vậy* ⁶⁰».

Thuật ngữ thứ ba là thuật ngữ đáng lo ngại nhất : «*Ngài sẽ thuyết phục anh em về phán xét*», bởi vì sự phán xét không nhắm đến chúng ta mà là nhắm đến Satan. «*Thủ lãnh thế gian này đã bị xét xử rồi*», Chúa Giêsu nói vậy ; chính Người đến không phải để xét xử, mà để cứu độ, như Tin Mừng Gioan đã nói hai lần ⁶¹, và chính dưới ánh sáng hành động của Người mà Satan bị lên án. Việc Chúa Thánh Thần thuyết phục chúng ta về sự phán xét có nghĩa là ta không còn phải sợ những thế lực sự dữ nữa. Sự dữ đã trở nên bất lực, nó đã bị đánh bại, Chúa Giêsu đã chiến thắng nó một lần cho tất cả và chúng ta được tham dự vào chiến thắng ấy trong phạm vi «hữu thể» của ta trong Người.

59 Ga 8, 29.

60 Ga 8, 28.

61 Xem Ga 3, 17 và Ga 12, 47.

Đức Giáo hoàng cũng đặc biệt nhấn mạnh sứ mạng của Chúa Thánh Thần là, không trách móc hay đê bẹp chúng ta, nhưng thuyết phục thể gian về tội lỗi. Satan bị coi là kẻ tố cáo vĩ đại, kẻ ngày đêm tố cáo chúng ta trước mặt Thiên Chúa ⁶². Trái lại, *Thánh Thần thuyết phục chúng ta về tội lỗi* chỉ nhằm mục đích khiến ta gần bó với thập giá. Khi chỉ cho ta thấy thập giá, Ngài đồng thời soi sáng cho ta thấy sự tha thứ tội lỗi và chiêu kích cứu độ, nghĩa là Ngài thuyết phục ta về tội lỗi để giải thoát ta khỏi nó ⁶³.

Sự đau khổ của Thiên Chúa

Khi soi sáng mối liên hệ giữa tội lỗi và thập giá của Đức Kitô, Chúa Thánh Thần làm chứng cho sự ô nhục của tội lỗi và cái giá vô lường đã được trả bằng cuộc đóng đinh. Nếu không có hành động của Thánh Thần, con người sẽ không thể nào nhận ra được cả sự ghê tởm của tội lỗi lẫn *hiến tế của tình yêu cao cả*, vì hai điều này gắn bó chặt chẽ đến mức nếu xem nhẹ một bên, bên kia sẽ lập tức mất đi ý nghĩa.

Thánh Thần soi sáng cho chúng ta thấy mối liên hệ giữa mọi tội lỗi của nhân loại và tội nguyên tổ, vốn là nỗ lực đầu tiên nhằm phớt lờ bản tính của Thiên Chúa

62 Xem Kh 12, 10.

63 Xem Thông điệp *Dominum et Vivificantem*, số 31

và do đó cũng là của con người. Thiên Chúa là Tình Yêu, Đấng khi tạo dựng con người không có mục đích nào khác ngoài việc cho con người nhận biết Ngài, lại bị con răn trình bày như một mối đe dọa trước trái cấm: *«Nhưng Thiên Chúa biết ngày nào ông bà ăn trái cây đó, mắt ông bà sẽ mở ra, và ông bà sẽ nên như những vị thần biết điều thiện điều ác ⁶⁴»*. Ngôn ngữ này đảo ngược sự thật : tình yêu bị hiểu như một cuộc ganh đua, và tình bạn bị xem là sự phản bội. Satan gieo vào tâm hồn con người hạt giống của chia rẽ và đã thành công trong việc thuyết phục tổ tiên đầu tiên của chúng ta rằng Thiên Chúa là mối đe dọa, rằng Ngài là kẻ dối đầu. Kể từ thời xa xưa đó và vì tội lỗi, chúng ta vẫn luôn có khuynh hướng nhìn Thiên Chúa như Đấng giới hạn tự do của ta, ngay cả khi Ngài chính là nguồn mạch và là Đấng bảo đảm cho tự do ấy.

Dù ngày nay chúng đã cạn kiệt vai trò, chủ nghĩa tục hóa và học thuyết «Thiên Chúa đã chết» là hệ quả cuối cùng của khuynh hướng đó. Thật vậy, cái chết của Thiên Chúa sẽ là một mối đe dọa thực sự và vô cùng lớn lao đối với toàn thể nhân loại : «Thật vậy, thụ tạo không có Đấng Tạo Hóa sẽ biến mất. [...] Và thậm chí, việc lãng quên Thiên Chúa khiến cho chính thụ tạo trở

64 St 3, 5.

nên tôi tắm ⁶⁵». Hủy bỏ Thiên Chúa đồng nghĩa với việc hủy bỏ nhân loại, vốn có gốc rễ trong Ngài.

Khi vạch trần tội lỗi, Thánh Thần đồng thời cũng mạc khải phần nào về bản tính thần linh. Là Đấng «*thấu suốt mọi sự, ngay cả những gì sâu thẳm nơi Thiên Chúa* ⁶⁶», Ngài hiện thân cho khái niệm hiển tể thần linh và mạc khải trong mức có thể về nỗi đau khổ của Thiên Chúa, trong mức độ mà điều đó có thể được chấp nhận. Đã có nhiều cuộc tranh luận về sự thừa nhận này, và thánh Gioan Phaolô II viện dẫn Kinh Thánh, vốn theo *cái nhìn nhân hình hóa*, dường như linh cảm được một nỗi đau khổ nằm ngay trong tâm điểm của Ba Ngôi Thiên Chúa không thể diễn tả ⁶⁷.

Thần học tín lý dạy rằng tội lỗi là một sự xúc phạm đến Thiên Chúa, vì đó là sự từ chối tình yêu của Ngài ; mà có gì đau đớn hơn việc bị người mình yêu chối từ? Cự Uớc thuật lại rằng Thiên Chúa đã hối hận vì đã tạo dựng con người trên mặt đất, rằng Ngài đã đau khổ, và rằng sự thất vọng và nản lòng của Ngài thật lớn lao trước hành vi của nhân loại ⁶⁸.

65 Công đồng Vatican II, *Gaudium et Spes*, số 36.

66 1 Cr 2, 10.

67 *Dominum et Vivificantem*, số 39

68 Xem St 6, 6.

Tân Ước đào sâu hơn nỗi đau của Thiên Chúa, Đấng bị tổn thương không phải vì sự xúc phạm nhận được, mà vì Ngài cảm thấy lòng trắc ẩn đối với con người : cuộc khổ nạn của Ngài là một *sự đồng cảm*.

«Giêrusalem, Giêrusalem, [...] Đã bao lần Ta muốn tập hợp con cái ngươi lại, như gà mẹ tập hợp gà con dưới cánh, mà các ngươi không chịu !⁶⁹»

Sự chia sẻ của Thiên Chúa khác với sự chia sẻ của con người, hay ít nhất, không giới hạn ở lòng đạo đức và sự tham dự chung, nhưng tiếp tục sinh ra những dự án «cứu chuộc» mới.

Bằng việc thuyết phục con người về tội lỗi, Chúa Thánh Thần mở rộng cho con người khả năng được chia sẻ sự đau khổ của Thiên Chúa và ăn năn, không chỉ vì những hậu quả tiêu cực của tội lỗi, như việc mất tình bạn và sự trong trắng nguyên thủy, mà trên hết là vì sự xúc phạm đã ngăn cản việc thực hiện kế hoạch yêu thương của Thiên Chúa. Sự ăn năn này vì thế vừa cứu độ, lại vừa rất nặng nề.

69 Mt 23, 37.

Tội chống lại Chúa Thánh Thần

Chúng ta chỉ dần dần nhận thức được tội lỗi của mình, khi để cho Chúa Thánh Thần sống và hành động trong ta.

Người nào không cảm thấy mình có tội cho thấy rằng họ đang ngăn chặn hoạt động của Thánh Thần trong mình và đang tiến bước trong cuộc sống với sự nhẹ dạ vô cùng. Trong trường hợp mà người ta, với đầy đủ hiểu biết và suy xét, cho rằng mình không có gì để xưng tội, thì người đó trở thành kẻ có tội theo như Kinh Thánh gọi là «tội chống lại Thánh Thần».

«Vì thế, tôi nói cho các ông hay : mọi tội, kể cả tội nói phạm thượng, cũng sẽ được tha cho loài người, chỉ tội nói phạm đến Thần Khí sẽ chẳng được tha. Ai nói phạm đến Con Người thì được tha ; nhưng ai nói phạm đến Thánh Thần sẽ chẳng được tha, cả đời này lẫn đời sau ⁷⁰».

Vết nơ mà không có chất tẩy nào xóa được không chỉ là xúc phạm Thiên Chúa bằng lời nói, mà là việc cố ý từ chối sự tha thứ mà Thiên Chúa ban thông qua Thánh Thần. Khi từ chối để mình được thuyết phục về tội lỗi bởi Thánh Thần, chúng ta đồng thời từ chối ơn

70 Mt 12, 31-32.

cứu độ, và khước từ đặc ân được tự do tiếp cận nguồn ơn cứu độ. Không có điều gì Thiên Chúa khao khát hơn việc tha thứ cho chúng ta, nhưng nếu chúng ta không chấp nhận ăn năn và hoán cải, chúng ta sẽ vẫn bị giam giữ trong tội lỗi, xa cách Ngài, trong một loại ngục tù nội tâm.

Tội chống lại Chúa Thánh Thần đòi hỏi phải có sự hiểu biết đầy đủ về điều đang bị đe dọa trong thân phận con người. Phần lớn các Kitô hữu (và ở đây chúng ta muốn nói đến họ, mặc dù Thánh Thần cũng hoạt động nơi những người không phải Kitô hữu) sống trong tình trạng vô thức, đến mức không xem việc gắn bó với các lựa chọn có động cơ, dù tích cực hay tiêu cực, là điều thiết yếu. Đối với phần đông, vấn đề tội lỗi và ơn cứu độ không hề tồn tại.

Để nói không với Thánh Thần, ít nhất người ta phải đã từng gặp gỡ Ngài và đã từng được đặt trước những lựa chọn bởi Ngài. Nếu, như các môn đệ ở Êphêxô, người ta thú nhận rằng mình chưa từng nghe nói về sự hiện diện của Chúa Thánh Thần ⁷¹, thì người ấy không có tội.

Tình trạng còn nghiêm trọng hơn đối với những ai đã có cơ hội tiếp xúc sâu sắc hơn với Thiên Chúa, như các tu sĩ hay những người được gọi là đạo đức, và do đó,
71 Xem Cv 19, 2.

trong nội tâm, họ không thể giảm nhẹ hành động của Chúa Thánh Thần. Chúa Giêsu nói về họ : *«Nếu các ông đui mù, thì các ông đã chẳng có tội. Nhưng giờ đây các ông nói rằng: «Chúng tôi thấy», nên tội các ông vẫn còn !⁷²»*.

Giuda, đã từng sống với các Tông Đồ và cùng với Chúa Giêsu, nên biết rõ Người ; vì thế sự chối từ của ông là không thể tha thứ. Tuy nhiên, dù sự phản bội của ông về bản chất là một sự chối bỏ, thì sự từ khước quyết định chỉ thực sự xảy ra khi, dù đã nhìn nhận rằng mình có tội, ông lại không ăn năn, ông từ chối cứu chuộc và hoán cải. Cho đến thời điểm đó, bất chấp những hành động độc ác, Thánh Thần vẫn tiếp tục hành động trong ông bằng cách thuyết phục ông về tội lỗi⁷³. Nhưng thay vì tin thác vào lòng thương xót của Thiên Chúa, Giuda lại khép kín trong lời không của mình và đi treo cổ. *«Thà nó đừng sinh ra thì hơn !⁷⁴»* Chúa Giêsu đã nói.

⁷² Ga 9, 41.

⁷³ Xem Mt 27, 4

⁷⁴ Mt 26, 24.

Một câu nói khiến ta nhớ đến nỗi tiếc nuối trong Kinh Thánh sau khi tổ tiên đầu tiên của chúng ta sa ngã : «*ĐỨC CHÚA hối hận vì đã làm ra con người trên mặt đất, và Người buồn rầu trong lòng*⁷⁵».

75 St 6, 6-7. Giáo Hội chưa bao giờ xem những lời của Chúa Giêsu về Giuđa như một sự kết án dứt khoát và không thể đảo ngược. Trái lại, Giáo Hội luôn ý thức rằng Thiên Chúa có thể có trong tay những con đường hoặc những phương thế mà chúng ta không biết, và rằng Ngài có thể cứu cả những người xem ra như đã hư mất. Chúng ta đều biết rõ, Giáo Hội chưa bao giờ «kết án» ai phải xuống hoả ngục và đã tôn phong chân phước cũng như phong thánh cho rất nhiều tín hữu. Trong cuốn sách *Hy vọng cho mọi người*, Hans Urs von Balthasar khẳng định rằng không chỉ là chúng ta có thể, mà chúng ta phải hy vọng rằng mọi người đều được cứu độ.

Chương IV

Đấng An Ủi

«Thầy sẽ xin Chúa Cha và Người sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo Trợ khác đến ở với anh em luôn mãi ⁷⁶».

Từ Hy Lạp *parakletos* (thường được dùng theo nghĩa là «Đấng An Ủi») chỉ người trợ giúp hoặc người an ủi, và chính theo nghĩa thứ hai này mà tôi muốn bàn đến trong chương hiện tại.

Thánh Thần an ủi theo nhiều cách khác nhau.

Phúc thay ai có tinh thần nghèo khó

Thánh Thần mời gọi chúng ta để cho mình bị cuốn hút bởi sự nghèo khó, và Ngài dạy chúng ta biết quý trọng sự túng thiếu của mình.

Thật vậy, nếu chúng ta nghiêm túc suy nghĩ về Tin Mừng và cố gắng sống theo đó, thì sớm hay muộn, chúng ta sẽ buộc phải đối diện với sự khốn cùng của chính mình và nhận ra rằng nơi tận sâu thẳm của chúng ta, ta là những con người yếu đuối và tội lỗi hơn chúng ta tưởng, rằng chúng ta không thể sống theo như Lời Chúa đòi hỏi, rằng chúng ta thiếu thiện chí, và rằng khả

76 Ga 14, 16.

năng của ta là không đủ.

Tự phê bình - và nổi chán nản tất yếu đi kèm - là công trình của Chúa Thánh Thần, Đấng đồng thời đến gần chúng ta không hẳn để củng cố hay kết tội, mà với tư cách là Đấng An Ủi. Nhiều người vẫn sống trong ảo tưởng, nghĩ rằng nếu họ phó thác sự yếu đuối của mình cho Thiên Chúa, thì Ngài sẽ biến nó thành sức mạnh, điều này, trái lại, chỉ làm tình trạng của họ tồi tệ hơn bằng cách đẩy họ vào sự tự mãn.

Chính Chúa Giêsu cũng không tìm cách giải thoát mình khỏi sự yếu đuối, nhưng Người muốn cho thấy rõ sự xao xuyến mà Ngài đã chịu ở Ghết-sê-ma-ni và ba lần Người ngã quỵ dưới sức nặng của thập giá :

«Khi còn sống kiếp phàm nhân, Đức Giê-su đã lớn tiếng kêu van khóc lóc mà dâng lời khẩn nguyện nài xin lên Đấng có quyền năng cứu Người khỏi chết. Người đã được nhậm lời, vì có lòng tôn kính⁷⁷».

Quyền năng của Chúa Cha đã được thể hiện trong chiều sâu sự yếu đuối của Người. *«Thật vậy, Người đã chịu đóng đinh vì mang thân phận yếu hèn, nhưng nay Người đang sống nhờ quyền năng của Thiên Chúa⁷⁸».*

⁷⁷ Dt 5, 7.

⁷⁸ 2 Cr 13, 4.

Ngược lại, ai che giấu sự yếu đuối của mình thì không thể hy vọng nhận được sự trợ lực từ Thiên Chúa, *«vì sức mạnh của Thầy được biểu lộ trọn vẹn trong sự yếu đuối.»* Thế nên tôi rất vui mừng và tự hào vì những yếu đuối của tôi, để sức mạnh của Đức Ki-tô ở mãi trong tôi. Vì vậy, tôi cảm thấy vui sướng khi mình yếu đuối. *Vì khi tôi yếu, chính là lúc tôi mạnh»* thánh Phaolô đã khẳng định với lòng khiêm nhường lớn lao ⁷⁹.

Thay vì làm cho chúng ta mạnh mẽ, Thánh Thần dạy chúng ta biết chấp nhận và, qua đó, biết quý chuộng sự yếu đuối của mình. *«Càng yếu đuối, thì Chúa Giêsu càng yêu thương chúng ta hơn»*, thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu đã viết cho chị mình là Céline ⁸⁰. Thật vậy, người nào không cậy dựa vào sức riêng mà hoàn toàn phó thác cho thánh ý Thiên Chúa thì sẽ cảm nghiệm được sự an ủi lớn lao.

Để hiểu xem liệu chúng ta có đang nắm bắt đúng sứ điệp Tin Mừng hay không, hãy thử phân tích phản ứng của mình trước những điều hèn hạ của bản thân. Ta có vui mừng hay buồn bã vì chúng ?

79 2 Cr 12, 9-10.

80 Thư số 211 (24 tháng 12 1896).

Với vai trò là Đấng An Ủi, Thánh Thần giúp chúng ta hiểu rằng sự nghèo khó nội tâm thực chất là một sự giàu có, vì nó lôi kéo sự can thiệp của Thiên Chúa. Thiên Chúa không chống lại người nào, nếu người đó ý thức được sự khốn cùng của mình và giang tay tìm đến Ngài để xin trợ giúp và xót thương. Chính Thánh Thần làm cho chúng ta hiểu được mối phúc của sự nghèo khó : *«Phúc thay ai có tâm hồn nghèo khó⁸¹»*.

Một vị giáo phụ đã khẳng định : «Tránh xa cám dỗ chưa đủ để đảm bảo ơn cứu độ». Thật vậy, dù đôi khi khó chấp nhận, nhưng chính trong cám dỗ mà người ta nhận ra mức độ yếu đuối của mình. Chính trong lúc ấy, Thánh Thần đến trợ giúp chúng ta, chỉ cho ta thấy rằng sự yếu đuối chẳng là gì khác ngoài kho báu ẩn giấu trong cánh đồng của mình. Ngài an ủi tất cả những ai có ý chí yếu đuối và dạy rằng sự yếu đuối mở cửa cho Thiên Chúa bước vào.

«Phải chọn đúng chuyến tàu, Jean Lafrance viết. Chuyến tàu của ý chí tốt và lòng quảng đại thì đẹp và hấp dẫn. Nó khởi hành bất cứ khi nào ta muốn, thậm chí ngay lập tức, nhưng vấn đề duy nhất là nó không bao giờ tới đích. Còn chuyến tàu của Chúa Thánh Thần thì có vẻ ngoài kém hấp dẫn, thậm chí khởi hành rất khó khăn, nhưng đó là chuyến tàu duy nhất đưa ta đến

81 Mt 5, 3.

đích, tức là Nước Trời ⁸²».

Có thể chúng ta nghĩ rằng, bất chấp bề ngoài, sự nghèo khó của Chúa Giêsu, của thánh Phaolô, của thánh Têrêsa Hải Đồng Giêsu là điều gì đó rất đặc biệt. Ví dụ, ai đó có thể nói với tôi : «Những gì anh kể về sự nghèo khó, về niềm tín thác, về sự an ủi thật khích lệ. Nhưng sự nghèo khó của *tôi* thì *thực sự là thật*, đó là tội lỗi, là khốn cùng, là hèn nhát, là kiêu ngạo...» Và tôi sẽ trả lời : «Nếu trong sự khốn cùng của anh có *lòng thống hối thật*, thì anh có thể nhận được *lòng thương xót thật*. Thiên Chúa không đòi anh phải hoàn hảo, Ngài chỉ đòi sự khiêm nhường».

Tuy nhiên, cũng có một sự khiêm nhường *giả tạo*. Ma quỷ rất khéo léo khi đẩy chúng ta vào trạng thái tự hạ thấp mình sau mỗi lần vấp ngã, làm chúng ta cay đắng nhận ra khoảng cách vô tận giữa lý thuyết và thực hành. Sự khiêm nhường giả này, thực ra chỉ là lòng kiêu hãnh bị tổn thương, dẫn đến chán nản và làm chúng ta từ bỏ những quyết tâm tốt, và đó chính là điều nó muốn.

Ngược lại, nếu chính Thánh Thần là Đấng chỉ cho ta thấy sự nghèo khó nội tâm, thì mọi sự thay đổi một cách căn bản. Ma quỷ chỉ cho ta thấy một nửa sự thật, còn Thánh Thần thì trình bày toàn bộ: cho ta thấy một 82 Kiên trì trong cầu nguyện, Mediaspaul, Paris, 1982, tr 53.

bên là sự khốn cùng của ta, và bên kia là lòng thương xót của Thiên Chúa. Ngài cũng dạy ta phải khôn ngoan như rắn ⁸³, vì nếu ta muốn Thiên Chúa yêu thương ta hơn nữa, thì ta phải chạm đáy sự khốn cùng của mình và trình bày nó hoàn toàn trước mặt Ngài. Chính chúng ta phải mở các cánh cổng của lòng thống hối để lòng thương xót Thiên Chúa tuôn đổ ; chính chúng ta phải đến trước mặt Ngài trong tất cả sự túng thiếu của mình, như các thánh vịnh đã nói :

«Lạy Chúa, xin đoái nhìn và xót thương con, vì thân này bơ vơ khổ cực ⁸⁴».

«Thân phận con khốn khổ nghèo hèn, xin mau đến cùng con, lạy Thiên Chúa ! Ngài là Đấng phù trợ, là Đấng giải thoát con, muôn lạy CHÚA, xin đừng trì hoãn ⁸⁵».

«Lạy CHÚA, xin lắng tai và đáp lời con, vì thân con nghèo hèn túng quẫn ⁸⁶»

Chúa Thánh Thần, ngoài việc dạy chúng ta rằng Thiên Chúa mềm lòng trước sự yếu đuối của ta, còn

83 Xem Mt 10, 16.

84 Tv 25, 16.

85 Tv 70, 6.

86 Tv 86, 1.

hướng dẫn chúng ta cách khéo léo trong nghệ thuật sử dụng sự nghèo khó một cách tốt đẹp, đến mức ta có thể gần như quý chuộng nó.

Một cách thức mới để làm cho Chúa Giêsu hiện diện

Sự an ủi của Chúa Thánh Thần mang nhiều hình thức đa dạng. Trước khi chia tay các môn đệ, Chúa Giêsu nói với họ :

«Bây giờ, Thầy đến cùng Đấng đã sai Thầy, và không ai trong anh em hỏi : «Thầy đi đâu ?» Nhưng vì Thầy nói ra các điều ấy, nên lòng anh em tràn ngập ưu phiền⁸⁷».

Chúa Giêsu biết rất rõ sự hiện diện của Người có ý nghĩa thế nào đối với các môn đệ và rằng cuộc sống của họ sẽ trở nên đau khổ và trống vắng khi không có Người. Rồi Người nói thêm : « [...] *nhưng nếu Thầy ra đi, Thầy sẽ sai Đấng An Ủi đến với anh em⁸⁸* ».

Chúa Thánh Thần sẽ an ủi họ thế nào khi họ trở nên mồ côi một cách đau đớn ? Không phải bằng cách thay thế Chúa Giêsu, nhưng bằng cách đứng bên cạnh họ thay cho Người, tức là làm cho Người hiện diện theo

⁸⁷ Ga 16, 5-6.

⁸⁸ Ga 16, 7.

một cách thức mới. Thật vậy, nhờ Chúa Thánh Thần, sự hiện diện của Chúa Giêsu nơi các môn đệ và nơi các Kitô hữu nói chung càng thêm sâu đậm. Không chỉ ở với chúng ta, Ngài sẽ ở trong chúng ta. *«Ít lâu nữa, anh em sẽ không còn trông thấy Thầy, rồi ít lâu nữa, anh em sẽ lại thấy Thầy⁸⁹»*.

Nhờ Chúa Thánh Thần, các môn đệ sẽ lại thấy Chúa Giêsu «chẳng bao lâu nữa», không phải bằng mắt xác thịt, mà bằng ánh nhìn nội tâm được Thánh Thần soi sáng.

Chúa Thánh Thần không thay thế Chúa Giêsu, nhưng làm cho sự hiện diện của Ngài trở nên rõ nét hơn. *«Thầy sẽ không để anh em mồ côi ; Thầy đến cùng anh em⁹⁰»*, như thế, Chúa Giêsu đóng ấn sự hiện diện của Ngài giữa chúng ta qua trung gian của Chúa Thánh Thần.

Bí tích Thánh Thể, vốn là sự tổng hợp tuyệt hảo của mầu nhiệm hiện sinh Kitô giáo, cho thấy một cách rõ ràng điều Chúa Thánh Thần thực hiện để làm cho Chúa Kitô hiện diện. Cũng như Thiên Chúa đã nhập thể làm người trong lòng Đức Maria nhờ bởi phép của Chúa Thánh Thần⁹¹, thì bánh và rượu mà chúng ta lãnh

89 Ga 16, 16.

90 Ga 14, 18.

91 Xem Lc 1, 35.

nhận trong Hiệp Lễ trở thành Mình và Máu Chúa Kitô nhờ công trình của Ngài. Trong lời nguyện ngay trước phần truyền phép, mà tiếng Hy Lạp gọi là *epiclèse* (từ *epikalein*, nghĩa là «kêu cầu»), Giáo Hội long trọng khấn cầu Chúa Thánh Thần :

«Lạy Chúa, Chúa thật là Đấng Thánh, là nguồn mọi sự thánh thiện, Vì thế, chúng con nài xin Chúa dùng ơn Thánh Thần Chúa thánh hóa những của lễ này để trở nên cho chúng con Mình và Máu Đức Giêsu Kitô, Chúa chúng con ⁹²».

Khi Chúa Thánh Thần đến gần và an ủi chúng ta bằng cách làm cho Chúa Giêsu hiện diện, Ngài không nói : «Đây là Ta», nhưng nói : «Đây là Chúa Giêsu». Đó là điều mà chúng ta cũng nên nhớ khi cố gắng an ủi người khác : hãy biết rút lui để nhường chỗ cho Chúa.

«Ô Ngài yêu dấu của lòng con, Ngài thật đẹp biết bao, Ngài thật đáng yêu biết bao !»

Hơn nữa, Thánh Thần còn an ủi chúng ta theo một cách khác, bằng cách dạy chúng ta biết tìm thấy niềm vui nơi Thiên Chúa.

Há chẳng phải điều làm nên đặc điểm sâu sắc nhất của tình yêu là cảm nhận được niềm vui khi có người mình yêu ở bên, cảm thấy hạnh phúc chỉ vì người ấy

92 Kinh nguyện Thánh Thể II.

tồn tại sao ? «Cảm ơn vì bạn có mặt ở đây», câu nói này ngày nay được nghe rất thường xuyên, đến mức gần như trở thành sáo ngữ. Nhưng khi lời nói thực sự phản ánh điều người ta cảm nhận, thì chúng diễn tả sự hiện diện, điều thiết yếu của tình yêu. «Mình vui vì bạn đang ở đây», «Bạn thật đẹp, thật quý giá, thật độc nhất». Và niềm vui của chúng ta bùng nổ trong bài hát «Vinh danh Chúa Cả trên trời» trong Thánh lễ, khi cùng nhau chúng ta hát : «Chúng con cảm tạ Chúa vì vinh quang cao cả của Chúa».

Chính Chúa Thánh Thần ban thêm cho lòng đạo đức của chúng ta ân sủng của niềm vui, không có điều này thì không thể nói đến tình yêu *đích thực*. Có thể chúng ta rộng lượng, nhiệt thành, sẵn sàng hy sinh, nhiệt tâm và dốc hết sức phục vụ Giáo hội, nhưng nếu chúng ta không vui mừng trong Thiên Chúa, nếu Ngài không phải là Đấng Tốt Lành duy nhất của chúng ta, thì việc tôn thờ của ta vẫn còn nghèo nàn và chưa trọn vẹn. Nếu tôi dâng Ngài tiền bạc, công việc, thời gian của tôi, thì xét cho cùng, tôi chỉ dâng cho Ngài những gì tôi có. Nhưng khi tôi dâng chính con người mình, điều tôi là, thì điều đó làm thay đổi tận căn phẩm chất của món quà. Thiên Chúa phải là niềm vui lớn nhất của tôi, bởi vì không có gì trên đời diễn tả tôi là ai rõ ràng hơn chính niềm vui của tôi. «*Vì kho tàng của anh ở đâu, thì lòng*

anh ở đó ⁹³», có nghĩa là : hãy kể cho tôi điều làm bạn vui, tôi sẽ nói cho bạn biết bạn là ai.

Chính Thánh Thần ban cho ta niềm vui ấy, niềm vui đặc trưng của Nước Trời. Thánh Phaolô nói với chúng ta : *«Vì Nước Thiên Chúa không phải là chuyện ăn chuyện uống, nhưng là sự công chính, bình an và hoan lạc trong Thánh Thần* ⁹⁴».

Hành động sâu xa và quan trọng nhất của Thánh Thần chính là làm cho chúng ta yêu mến vẻ đẹp thần linh, vẻ đẹp vượt trên mọi quyền rũ khác, và thuyết phục ta từ bỏ mọi khoái lạc cá nhân để đắm mình trong sự ngọt ngào của Thiên Chúa. Nhờ hành động của Thánh Thần, trong cuộc đời ta diễn ra một kiểu cuộc cách mạng Copernic, một cuộc biến đổi căn bản, đến mức mà ta không còn chỉ là người được bao bọc bởi Thiên Chúa (Thiên Chúa cho tôi), mà bắt đầu chính mình quay quanh Ngài (tôi cho Thiên Chúa). Thánh Thần, như thánh Phaolô nói ⁹⁵, làm chúng ta say men thánh thiện, mời gọi chúng ta hát lên và ngợi khen Chúa từ tận đáy lòng.

93 Mt 6, 21.

94 Rm 14, 17.

95 Xem Ep 5, 18-19.

Một ngày nọ năm 1582, thánh Gioan Thánh Giá hỏi nữ tu Francesca de la Madre de Dios ⁹⁶, nữ hối nhân của ngài tại tu viện kín Beas, rằng chị cầu nguyện thế nào. Chị trả lời : «Con chiêm ngắm vẻ đẹp của Thiên Chúa, và vẻ đẹp ấy làm lòng con tràn đầy niềm vui». Thánh Gioan vui mừng khôn xiết và ít ngày sau, ngài tặng chị năm đoạn cuối của *Bài Ca Linh Thánh* mà ngài vừa hoàn thành, bắt đầu như sau :

«Hãy tận hưởng nhau đi, hỡi người yêu dấu của lòng tôi,

Chúng ta hãy cùng chiêm ngắm vẻ đẹp của Ngài ⁹⁷».

Yêu mến Thiên Chúa là hân hoan trong Ngài. Mọi tôn giáo, ít là trong những biểu hiện tinh tuyền nhất, đều đã cảm nhận được khía cạnh vui tươi của đời sống tâm linh. Sách Thánh Vịnh thấm đẫm điều đó :

«Ngài là Chúa con thờ, ngoài Chúa ra, đâu là hạnh phúc ? ⁹⁸»

«Khi thức giấc, được thỏa tình chiêm ngưỡng Thánh Nhan ⁹⁹».

96 Nữ tu Françoise Mẹ Thiên Chúa.

97 *Bài Ca Linh Thánh*, câu 36.

98 Tv16, 2.

99 Tv 17, 15.

«Hãy lấy CHÚA làm niềm vui của bạn, Người sẽ cho được phỉ chí toại lòng¹⁰⁰».

Chính Thánh Vịnh 118 là một bài ca ngợi khen lớn lao từ đầu đến cuối :

«Tuân theo thánh ý Ngài, con vui sướng hơn là được tiền rừng bạc bể¹⁰¹».

«Vâng, thánh ý Ngài làm con vui sướng thỏa thuê, chỉ bảo con như những người cố vấn¹⁰²».

«Con vui thú với mệnh lệnh của Ngài và hết lòng yêu mến¹⁰³».

«Như đầy ứ mỡ, lòng chúng ra ngu muội, phần con vẫn vui thú với luật Ngài¹⁰⁴».

«Nếu luật Ngài chẳng làm con vui thỏa, gặp cơn khó nhọc, con đã tiêu vong¹⁰⁵».

Các Thánh Vịnh không cho chúng ta lựa chọn khác : hoặc chúng ta đặt niềm vui trong Chúa, hoặc chúng ta

100 Tv 37, 4.

101 Tv 119, 14.

102 Tv 119, 24.

103 Tv 119, 47.

104 Tv 119, 70.

105 Tv 119, 92.

còn ở trong cảnh túng thiếu.

Kitô giáo còn làm gia tăng niềm hân hoan hướng về Thiên Chúa, bởi nhờ Đức Giêsu, chúng ta đã có được một nhận thức sâu xa hơn nữa về Người. Thật vậy, Người đã nói : *«Tất cả những gì Thầy nghe được nơi Cha Thầy, Thầy đã cho anh em biết¹⁰⁶»*. Chúng ta cũng biết đến mối phúc vô biên và hồ tương tuôn trào không ngừng từ mối tương quan giữa Chúa Cha và Chúa Con, nghĩa là chúng ta biết đến Chúa Thánh Thần, Đấng không ngừng mời gọi chúng ta tham dự vào phúc lành ấy và tìm thấy trong niềm vui của các Ngài chính là niềm vui của chúng ta.

Chính Thánh Thần khơi dậy nơi chúng ta sự hoan lạc ấy và thúc đẩy ta lớn lên trong đó, bởi như thế là ứng nghiệm lời hứa của Chúa Giêsu : *«Các điều ấy, Thầy đã nói với anh em để anh em được hưởng niềm vui của Thầy, và niềm vui của anh em được nên trọn vẹn¹⁰⁷»*.

Con đường của lòng biết ơn

Chúng ta phải cộng tác với Chúa Thánh Thần thế nào để Ngài, Đấng là niềm vui tinh tuyền, có thể tuôn đổ niềm vui ấy trên chúng ta ?

106 Ga 15, 15.

107 Ga 15, 11.

Có một con đường đặc biệt dẫn thẳng đến mục tiêu ấy : đó là lòng biết ơn. Thật không thể tưởng tượng được rằng một người đang sống trong tâm tình biết ơn lại không cảm thấy vui mừng. Dù ban đầu nó xuất phát từ một thái độ vị kỷ, nhưng lòng biết ơn lại tự nhiên có xu hướng phát triển và làm mạnh thêm tinh thần vị tha, giống như khi chúng ta nói : tôi đã nhận được một món quà tuyệt vời và tôi thấy vui mừng. Lòng biết ơn của tôi được sinh ra từ việc một số nhu cầu của tôi đã được đáp ứng, một số ước muốn của tôi đã thành sự thật. Ngay khi tôi bắt đầu dâng lời cảm tạ, lòng biết ơn, lúc đầu chỉ liên quan đến chính tôi, liền tự nhiên hướng về người ban ơn, và Thiên Chúa trở thành trung tâm trọng lực của tôi. Con cảm tạ Ngài vì những gì Ngài đã ban cho con... Con cảm tạ Ngài vì *Ngài quá tốt lành với con...* Con cảm tạ Ngài vì đã nghĩ đến con... Con cảm tạ Ngài vì lòng quảng đại của Ngài.

Việc dâng lời cảm tạ từ từ giải thoát chúng ta khỏi chính mình và đưa chúng ta đến gần hơn với tình yêu và sự huy hoàng của Thiên Chúa.

Bắt đầu từ *tôi*, lòng biết ơn đi đến Ngài : *«Nàng đẹp quá, bạn tình ơi, đẹp quá ! Sau tám mạng the, đôi mắt nàng, cặp bờ câu xinh đẹp¹⁰⁸»*.

Một lần nữa, chính Bí tích Thánh Thể là tấm gương sáng chói cho thấy sự chuyển hướng dần dần của sự chú ý từ con người sang Thiên Chúa, từ ơn ban đến Đấng ban ơn. Thật vậy, chúng ta bắt đầu Kinh nguyện Thánh Thể bằng việc cảm tạ Ngài đã tạo dựng chúng ta, đã đến gặp chúng ta bằng lòng thương xót, đã sai Con Một Ngài đến, vào thời viên mãn, làm Đấng Cứu Độ chúng ta.

Nhưng lời kết luôn được cất lên bằng lời chúc tụng huy hoàng, nơi con người, hoàn toàn quên mình, tan biến trong vinh quang của Thiên Chúa : «Chính nhờ Người [Đức Giêsu], với Người và trong Người, mà mọi vinh quang và danh dự đều quy về Chúa là Cha toàn năng, trong sự hiệp nhất với Chúa Thánh Thần, đến muôn thuở muôn đời».

Như một người mẹ

An ủi là một hành động mang tính mẫu tử đặc trưng, đến mức Kinh Thánh dùng hình ảnh người mẹ để chỉ cách Thiên Chúa an ủi chúng ta : «*Như mẹ hiền an ủi con thơ, Ta sẽ an ủi các ngươi như vậy* ¹⁰⁹».

109 Is 66, 13.

Nhiều vị thánh đã xác nhận họ cảm nhận được điều gì đó rất mẫu tử nơi cách hiện diện và hành động của Chúa Thánh Thần. Thánh Grêgôriô Nazianzô, khi đọc câu «*Thần Khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước* ¹¹⁰», đã tự nhiên liên tưởng đến hình ảnh gà mái ấp trứng.

«Thánh Catarina Siena viết, Chúa Thánh Thần, đối với những ai phó thác cho sự quan phòng, giống như một người mẹ nuôi dưỡng họ bằng tình yêu Thiên Chúa nơi cung lòng mình».

Nghệ thuật thánh cũng làm chứng cho vai trò nữ tính và mẫu tử của Chúa Thánh Thần. Tại tu viện Xitô ở Burgos (Miraflores), người ta có thể chiêm ngắm một bức họa về Ba Ngôi Thiên Chúa, trong đó Chúa Thánh Thần được trình bày dưới hình dạng phụ nữ.

Chúng ta cũng gọi Giáo Hội là *mater Ecclesia*, nghĩa là người mẹ của chúng ta. Với Thánh Vịnh 87, chúng ta có thể tuyên xưng Giáo Hội là mẹ của muôn dân :

«*CHÚA ghi vào sổ bộ các dân : «Kẻ này người nọ đều sinh ra tại đó.» Và ai nấy múa nhảy hát ca : «Xi-on hỡi, mọi nguồn gốc của tôi ở nơi thành.»* ¹¹¹»

110 St 1, 2.

111 Tv 87, 6-7.

Và Thánh Phaolô, trong thư gửi tín hữu Galát, đã nói về Giáo Hội : «*Còn Giê-ru-sa-lem thượng giới thì tự do : đó là mẹ chúng ta* ¹¹²». Sách Khải Huyền cuối cùng trình bày Giáo Hội như người phụ nữ sinh ra toàn dân Thiên Chúa ¹¹³.

Chúa Thánh Thần và Giáo Hội liên kết với nhau đến mức không thể tách rời, đến nỗi điều gì được nói về Đấng này cũng có thể áp dụng cho Đấng kia. Mỗi người chúng ta đều được sinh ra nhờ Chúa Thánh Thần cũng như nhờ Giáo Hội. Các Kitô hữu tiên khởi xem nước rửa tội - nơi Chúa Thánh Thần làm cho ta được sống và đổi mới ¹¹⁴ - như cung lòng mẫu tử của Giáo Hội. Việc nước là một trong những biểu tượng quan trọng nhất của Thánh Thần là bằng chứng cho điều đó. Nhân loại từ lâu đã coi nước như là nguồn phát sinh sự sống, khởi đi từ sách Sáng Thế, nơi có câu : «*Nước phải sinh ra đầy dẫy những sinh vật lúc nhúc* ¹¹⁵», những lời sẽ mang một ý nghĩa còn sâu xa hơn trong Tân Ước, vì Bí tích Thánh Tẩy hoàn tất trọn vẹn sự «sinh sôi» ấy, chính xác hơn là sinh ra các Kitô hữu. Đối với Chúa

112 Gl 4, 26.

113 Xem Kh 12, 17.

114 Xem Tt 3, 5.

115 St 1, 20.

Giêsu, nước và Thánh Thần là một : *«Không ai có thể vào Nước Chúa nếu không sinh ra bởi nước và Thần Khí¹¹⁶»*.

Thiên Chúa không phải là nam cũng không phải là nữ, không phải là nam tính cũng không phải là nữ tính, nhưng việc Ngài tạo dựng chúng ta theo hình ảnh của Ngài có nghĩa là tồn tại những sự tương đồng giữa Ngài và nhân loại. Sự tương đồng mà chính Kinh Thánh nhấn mạnh bắt đầu từ sự phân biệt giữa nam và nữ : *«Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh mình, Thiên Chúa sáng tạo con người theo hình ảnh Thiên Chúa, Thiên Chúa sáng tạo con người có nam có nữ¹¹⁷»*. Chúa Giêsu là người và Người tự gọi mình là «Con», nhưng *«hình ảnh của Thiên Chúa vô hình¹¹⁸»* này lại gọi Cha, chứ không phải Mẹ, là Đấng mà Ngài phản chiếu.

Do đó, tính mẫu tử cũng hiện diện trong Thiên Chúa, đặc biệt là trong Ngôi vị của Chúa Thánh Thần, trong Ngài Cha sinh ra Con của Ngài và tất cả các anh chị em của Con. Giới từ « *trong* » luôn được định nghĩa rõ ràng - dù là trong Kinh Thánh hay trong phụng vụ - khi nói về Chúa Thánh Thần và công trình của Ngài. Thánh Thần là cung lòng của Thiên Chúa, là tử cung vĩ đại nơi

116 Ga 3, 5.

117 St 1, 27.

118 Cl 1, 15.

sự sống được sinh ra và nuôi dưỡng, nơi sự sống đâm chồi và trưởng thành. «Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần là Thiên Chúa và là Đấng ban sự sống», như trong Kinh Tin Kính Nicêa.

Mỗi người phụ nữ đều được kêu gọi trong suốt cuộc đời mình để làm cho một điều gì đó về Thánh Thần trở nên hữu hình. Chúng ta biết rằng «tinh thần» là đặc quyền của nữ giới ; đối với Giáo Hội, vai trò của người phụ nữ cũng như của Thánh Thần, chính là vai trò sinh ra sự sống.

Hãy trở thành người an ủi !

Người để Chúa Thánh Thần an ủi mình sẽ trở thành một người an ủi, như Thánh Phaolô giải thích về công trình của Chúa Thánh Thần :

«Người luôn nâng đỡ ủi an chúng ta trong mọi cơn gian nan thử thách, để sau khi đã được Thiên Chúa nâng đỡ, chính chúng ta cũng biết an ủi những ai lâm cảnh gian nan khốn khó ¹¹⁹».

Chúa Thánh Thần an ủi chúng ta, không chỉ vì chúng ta cần sự an ủi, mà để sự an ủi đang hoạt động trong chúng ta có thể lan tỏa đến người khác.

119 2 Cr 1, 4.

Có thể thế giới chưa bao giờ cần một «người an ủi» như ngày hôm nay. Tất cả chúng ta nên khao khát trở thành những người an ủi, với nhận thức rằng chúng ta chỉ có thể an ủi người khác *«nhờ sự an ủi mà chúng ta đã nhận được từ Thiên Chúa»*. Nếu sự an ủi mà chúng ta mang đến chỉ là sản phẩm của chính chúng ta, nó sẽ không có hiệu quả sâu sắc và lâu dài. Điều này có nghĩa là, nếu trước tiên chúng ta không được hòa giải với Thiên Chúa và với cuộc sống, thì chúng ta không thể giúp đỡ người khác. Sự an ủi của chúng ta chỉ đơn giản là sự đồng thuận với những lời than phiền và lo lắng của người khác và chỉ làm tăng thêm gánh nặng cho họ.

Những người an ủi thật sự là những người trung gian để truyền đạt thông điệp cá nhân mà Thiên Chúa đã trao cho họ trong cuộc sống : *«Vây, anh em hãy đón nhận nhau, như Đức Ki-tô đã đón nhận anh em, để làm rạng danh Thiên Chúa»*¹²⁰ Và luôn luôn Thánh Phaolô trong thư gửi tín hữu Galát : *«Anh em hãy mang gánh nặng cho nhau»*¹²¹. Thực tế, chính trong việc tiếp nhận và chấp nhận người khác như họ là, chúng ta mới có thể nâng đỡ và mang lấy gánh nặng của họ, vì gánh nặng lớn nhất đối với con người không phải là những sự kiện và hoàn cảnh, mà là cách họ hiện hữu. Con người

120 Rm 15, 7.

121 Gl 6, 2.

cuối cùng trở thành gánh nặng đối với chính mình vì họ không chấp nhận chính mình như những gì họ là. Nếu một «người an ủi» đến với họ, có thể tiếp nhận họ dù họ có những hạn chế, yếu đuối và thất bại, họ sẽ dễ dàng chấp nhận hơn. Hơn nữa, khi người an ủi ấy sống trong bình an, vì họ biết rằng họ được Thiên Chúa yêu thương và chấp nhận như chính họ, thì họ có thể truyền đạt bình an ấy cho người khác và nói cùng với Chúa Giêsu trong vai trò người an ủi : «*Thầy ban cho anh em bình an của Thầy* ¹²²».

122 Ga 14, 27.

Chương V

Thánh Thần Là Hướng Dẫn Của Con

Nhiều người than vãn và buồn bã vì không nhận được sự giúp đỡ từ một người hướng dẫn tâm linh, mà không nghĩ rằng mỗi chúng ta đều đã có một người hướng dẫn trong chính Chúa Thánh Thần.

Những người hướng dẫn và «người chỉ đạo» tâm linh

«Những người làm công việc hướng dẫn linh hồn - Thánh Gioan của Thánh Giá viết - phải hiểu rằng chính họ không phải là những người dẫn dắt và làm cho linh hồn tiến bước, mà tất cả mọi việc luôn là công trình của Chúa Thánh Thần, Đáng không ngừng chăm sóc chúng ta».

«Những người hướng dẫn linh hồn hãy cẩn thận và xem xét kỹ lưỡng rằng Đáng tác động chính, người hướng dẫn và động lực cho linh hồn trong trạng thái này không phải là họ, mà là Chúa Thánh Thần, Đáng không bao giờ từ bỏ việc chăm sóc linh hồn : còn đối với họ, họ chỉ là những công cụ để dẫn dắt linh hồn vào con đường hoàn thiện qua đức tin và Lễ Luật Thiên của Chúa, theo tinh thần mà Thiên Chúa ban cho mỗi

người. Và vì thế, tất cả sự nỗ lực của họ không phải là để làm cho linh hồn đi theo cách thức của chính họ và theo tình trạng mà họ đang ở, mà là để giúp linh hồn nhận ra và nghe theo sự dẫn dắt của Thiên Chúa; nếu họ không biết làm như vậy, thì hãy để linh hồn đi theo cách của mình và đừng làm họ rối loạn ¹²³».

Có lẽ tốt hơn là gọi những người cộng tác này là «người chỉ đạo» tâm linh thay vì gọi họ là những người hướng dẫn, bởi vì Chúa Thánh Thần đã tự mình đảm nhận việc dẫn dắt chúng ta, và nhiệm vụ của họ chỉ là đồng hành với những người được giao cho họ, hướng dẫn họ lắng nghe Thánh Thần và dạy họ nhận ra những linh cảm của Ngài. Dù vậy, một người hướng dẫn có thể cảm thấy hài lòng khi tin rằng con đường mà họ đã chọn có thể áp dụng cho tất cả mọi người và những phương pháp đã có ích cho bản thân họ cũng có thể giúp đỡ người khác. Nhưng trong lĩnh vực phát triển tâm linh, không phải lúc nào cũng như vậy : điều có thể giúp một người lại có thể làm tổn thương người khác.

Vai trò của người chỉ đạo tâm linh đôi khi có thể trở nên khá ngoại vi và ít được đánh giá cao. Họ không nên sử dụng những công thức hay ý tưởng đã định trước, và dù là trong tòa giải tội hay trong cuộc trò chuyện,

123 Lửa sống của tình yêu B, III, 46.

họ phải trước tiên làm trống chính mình, tin tưởng rằng điều quan trọng nhất là tìm cách phân biệt ý định của Chúa Thánh Thần đối với người mà họ đang chăm sóc.

Tự do thật sự : gắn bó với Chúa Thánh Thần

Thánh Phaolô xác nhận rằng chúng ta không thể hành xử như những người con của Thiên Chúa nếu không được thúc đẩy bởi Chúa Thánh Thần : *«Quả vậy, phàm ai được Thần Khí Thiên Chúa hướng dẫn, đều là con cái Thiên Chúa¹²⁴»*.

Đây là một khái niệm khó để hiểu trong thời đại ngày nay, khi mà người ta nói nhiều về sự độc lập và giải phóng. Công đồng Vatican II cũng làm sáng tỏ mức độ trách nhiệm vốn có trong tự do của con người :

«Tự do thật sự là một dấu hiệu đặc biệt của hình ảnh Thiên Chúa nơi con người. Vì Thiên Chúa muốn để con người *tự quyết định* (Hc 15, 10) để con người có thể tự mình tìm kiếm Đấng Tạo Hóa và, khi tự do gắn bó với Ngài, hoàn thiện chính mình trong sự viên mãn hạnh phúc. Vì vậy, phẩm giá của con người đòi hỏi con người hành động theo một sự chọn lựa ý thức và tự do, được xác định bởi niềm tin cá nhân và không phải chỉ là kết quả của những xung lực bản năng hay sự ép buộc

124 Rm 8, 14.

từ bên ngoài ¹²⁵».

Sự tự do này không loại trừ việc nhờ cậy sự giúp đỡ từ một người hướng dẫn, vì vậy, việc chọn lựa người và lĩnh vực mà ta để mình được hướng dẫn trở nên cực kỳ quan trọng. Liệu ta có chỉ giao phó những xung lực của mình hay ta sẽ mở lòng với ai đó, người sẽ đi sâu hơn vào tiềm thức của ta ? «Trung tâm của linh hồn chính là Thiên Chúa», Thánh Gioan của Thánh Giá viết trong tác phẩm *Lửa sống của tình yêu* ¹²⁶, hoàn toàn nhận thức rằng chúng ta không bao giờ tự do và chân thật như khi chúng ta theo sự chỉ dẫn của trung tâm của mình; thực sự, không ai là chính mình, không ai trách nhiệm và nguyên bản hơn người để cho Thiên Chúa dẫn dắt trong trung tâm của mình.

Sự vâng lời tự phát

Phải chăng *bản chất* của tình yêu là vâng lời, tức là để cho người mình yêu dẫn dắt ? Người yêu không chỉ muốn sống cho chính mình bằng cách đặt mong muốn và quan điểm của mình lên trên, mà trước hết, họ muốn làm cho người kia hạnh phúc, đoán biết những mong đợi của người kia và thực hiện những mong muốn đó. Người yêu lắng nghe. Trong suốt một thời gian dài, từ

125 Gaudium et Spec, số 17.

126 I, 12.

vâng lời ¹²⁷ được đồng nghĩa với việc chú ý một cách yêu thương để thực hiện những mong muốn của người khác, và do đó, nó chỉ ra một sự lắng nghe chủ động và hiệu quả, nhưng theo thời gian và đặc biệt là với Freud, từ này đã bắt đầu mất đi sức hấp dẫn vì nó dễ dàng liên kết với sự tha hóa và lạm dụng của một siêu ngã đe dọa.

Chúng ta có thể nói rằng vâng lời là bản năng của con người, nhưng nếu con người không biết nghe và sẵn sàng vâng lời, họ sẽ có nguy cơ trì hoãn sự phát triển của mình, vẫn mắc kẹt trong cái tôi trẻ con. Đúng là bản tính của chúng ta là để kết nối với người khác, nhưng điều đó không phải là sai lầm nếu ta khao khát độc lập, như ngày nay chúng ta thường làm, khi mà độc lập và sức mạnh nội tại được đặt được thông qua mối quan hệ với người khác.

Một người không thể coi mình là khỏe mạnh trừ khi họ vượt qua được những rào cản lớn của cái tôi. Chỉ cần nghĩ đến cơ thể và các cơ quan của nó: một cơ thể bệnh tật sẽ thu hút sự chú ý của người khác và nếu nó bị bệnh quá nặng hoặc bị nhiễm trùng, nó sẽ trở thành một công cụ hư hỏng và có sức đề kháng yếu, trong khi một cơ thể khỏe mạnh không cần phải được chú ý và tự nhiên sẵn sàng cho các mối quan hệ với người khác.

127 Tiếng La-tinh *oboedire*.

Chúng ta không được tạo ra để tự giam mình trong cái tế bào nhỏ bé của cái tôi, mà để thoát ra khỏi chính mình như Thánh Thần và đi gặp gỡ người khác và toàn bộ vũ trụ. Thuật ngữ tốt nhất mô tả cách chúng ta sống: tồn tại (từ La-tinh *ex-sistere*) truyền đạt cho chúng ta biết rằng chuyển động «ra khỏi chính mình» là yếu tố cơ bản trong việc xác định bản thân. Thực sự, chỉ có người ra ngoài (*ex*) bản thể của mình mới tồn tại (*sistit*) và thực sự sống. Vì vậy, sự tồn tại của chúng ta nên là ở bên ngoài hoặc diễn ra ngoài chính mình như một hiện diện với người khác.

Khi ta xem xét sự tồn tại của con người Chúa Giêsu như chúng ta được kể lại trong các sách Phúc Âm, ta sẽ nhận ra Người đã sống «cho người khác», cho Chúa Cha và cho chúng ta : «*Lương thực của Thầy là thi hành ý muốn của Đấng đã sai Thầy, và hoàn tất công trình của Người* ¹²⁸», điều làm cho Chúa Giêsu thỏa mãn, điều mang lại cho Người niềm vui và sự hài lòng chính là sự lắng nghe và, do đó, sự vâng lời Chúa Cha. Khi Người trả lời ma quỷ trong hoang mạc, Người mô tả cách sống của mình : «*Người ta sống không chỉ nhờ cơm bánh, nhưng còn nhờ mọi lời miệng Thiên Chúa phán ra* ¹²⁹».

128 Ga 4, 34.

129 Mt 4, 4.

Mặc dù không phải lúc nào cũng dễ dàng cho Chúa Giêsu để thực hiện ý muốn của Chúa Cha, nhưng Ngài không ngừng quay về với Ngài, ngay cả trong những khoảnh khắc nghiêm trọng nhất, khi cuộc sống của Ngài trở thành một thử thách vô nhân đạo. Khi bị đóng đinh trên thập giá, Ngài không nói : «Từ nay, tôi đã mất», mà trong một tiếng kêu đau đớn, Người kêu lên Chúa Cha: *«Lạy Thiên Chúa, Thiên Chúa của con, sao Ngài bỏ rơi con ?* ¹³⁰»

Tin Mừng theo Thánh Lu-ca xác nhận và làm chứng về sự vâng lời trung thành của Chúa Giêsu cho đến những lời cuối cùng của Người : *«Lạy Cha, con xin phó thác hồn con trong tay Cha* ¹³¹», trong khi Tin Mừng theo Thánh Gio-an ghi lại : *«Nhấp xong, Đức Giê-su nói : «Thế là đã hoàn tất !» Rồi Người gục đầu xuống và trao Thần Khí.* ¹³²» Chúa Giêsu hoàn thành công việc mà Chúa Cha giao phó bằng một hành động vâng lời duy nhất và trọn vẹn.

Một lời «vâng» từ trái tim

Một khi chúng ta đã nhận ra rằng Thánh Thần là người hướng dẫn chúng ta, nhiệm vụ của chúng ta là

130 Mc 15, 34.

131 Lc 23, 46.

132 Ga 19, 30.

để Ngài dẫn dắt, bằng cách đồng thuận với những cảm hứng của Ngài và tôn trọng ba điều kiện cơ bản.

Trước hết, để Thánh Thần có thể hoạt động tự do, chúng ta phải đồng ý «một cách mở lòng», không có «nhưng» hay sự dè dặt nào, như Thánh Teresa Avila đã khuyên các chị em của mình : «Điều quan trọng là phải có một quyết tâm vững vàng rằng chúng ta sẽ không dừng lại cho đến khi chúng ta đạt được nguồn suối.¹³³» Kinh Thánh gợi ý rằng chúng ta phải bắt đầu từ một trái tim «trong sáng», như mật ong nguyên chất, tức là một trái tim luôn hoàn thành một cách trung thành điều mà nó đã được tạo ra, một trái tim chỉ quan tâm đến việc yêu thương.

Kinh nghiệm dạy chúng ta rằng cuộc sống sẽ đơn giản hơn nhiều nếu lời «vâng» của chúng ta với Thiên Chúa phát xuất từ tận sâu thẳm trái tim. Để không dập tắt những cảm xúc của mình trong sự mệt mỏi và buồn chán, chúng ta can thiệp cá nhân và kết quả là một phần lớn năng lượng của chúng ta bị mất vào việc nghi ngờ và thắc mắc. Chúng ta bắt đầu tìm kiếm sự rõ ràng, sự chắc chắn, chúng ta cố gắng hiểu những gì chúng ta muốn và muốn những gì chúng ta hiểu. Tất cả chúng ta đều biết những khó khăn của việc chọn lựa, tất cả

133 Đường hoàn thiện, XXI, 2.

những lần chúng ta cân nhắc các giải pháp khác nhau và cảm giác nghi ngờ len lỏi khi chúng ta đã đưa ra quyết định.

Chúng ta cần phải nhận thức rằng hành động của chúng ta có thể tạo ra những *phản ứng dây chuyền*, cả trong thiện lẫn trong ác. Nếu chúng ta bắt đầu bằng cách nói «vâng từ tận trái tim» với cảm hứng của Thánh Thần, thì sau này sẽ dễ dàng hơn khi ta nói vâng lần nữa, trong khi nếu ta nói «không», lần sau sẽ càng khó khăn hơn để nói vâng. Đó là lý do tại sao việc vượt qua ngưỡng cửa và phá vỡ những thói quen xấu của mình lại quan trọng đến vậy. Ngay từ bước đầu tiên, mọi việc sẽ trở nên dễ dàng hơn.

Vào những dịp đặc biệt, như trong mùa Vọng, Mùa Chay hay những lễ trọng lớn, Giáo Hội cung cấp cho chúng ta nhiều cơ hội để giải thoát khỏi những thói quen cũ và cam kết đi trên một con đường mới mà nếu chúng ta cảm thấy hấp dẫn, thì sẽ có thể trung thành đi theo.

Cuối cùng, cuộc sống của chúng ta được cấu thành bởi những chu kỳ, chúng ta tiến bộ từng bước một và trong lĩnh vực tinh thần, chúng ta cũng thường xuyên thay đổi tâm trạng. Một điều gì đó khác biệt, như «con đường nhỏ» của thánh Tê-rê-sa thành Lisieux, có thể bất ngờ lấp đầy chúng ta bằng sự nhiệt huyết đến nỗi,

trong nhiều ngày hoặc tuần lễ, chúng ta cố gắng hết sức để đi theo nó. Và rồi, đột nhiên, chúng ta trở nên lạnh lùng, mệt mỏi, uể oải, và bỏ cuộc. Trong khi một cỗ máy công nghiệp luôn vận hành như nhau, đến mức người ta có thể tính toán trước năng suất một cách chắc chắn, thì một sinh vật sống có các mùa, và đặc biệt là mùa hè và mùa đông. Vì vậy, Thiên Chúa không đòi hỏi chúng ta thu hoạch giống nhau trong mưa và trong hạn hán. Thực tế, Ngài không yêu cầu gì hơn những gì chúng ta có thể cho, điều này thật sự là một sự an ủi lớn lao. Điều duy nhất mà chúng ta cần giữ vững là không bao giờ ngừng làm, với một sự kiên trì thánh thiện, những gì chúng ta có thể.

«Cuộc hành trình thánh thiện» của đời sống giống như cuộc rước nổi tiếng ở Echternach (Luxembourg) : ba bước tiến, một bước lùi, chậm rãi, nhưng luôn đi đến mục tiêu.

Thiên Chúa có nói không ?

Chúng ta đã nói rằng điều quan trọng là lắng nghe Thánh Thần và vâng lời Ngài *khi Ngài lên tiếng*.

Nhưng liệu chúng ta có thể thật sự nói rằng Thiên Chúa đang nói với chúng ta không ? Không ít người, khi đã lắng nghe tiếng nói của Thiên Chúa, lại tìm thấy

mình trong một sự im lặng tuyệt đối. Và trong số những người nói rằng họ nghe được Thiên Chúa, bao nhiêu người thực sự chỉ đang nghe chính họ, những suy nghĩ và mong muốn của họ ? Có những người dựa vào sự chấp thuận của Thiên Chúa cho mỗi hành động mà họ thực hiện. Nếu sự chấp thuận đến, Thiên Chúa rõ ràng ở bên họ và chúc phúc cho những nỗ lực của họ, nhưng nếu ngược lại, họ gặp phải sự cản trở, thì lại càng rõ ràng rằng họ đang làm đúng, vì mọi thứ từ Thiên Chúa đều phải mang thập giá. Chẳng phải chính Chúa Giêsu cũng đã trải qua thất bại sao ?

Liệu chúng ta có cảm thấy mình đang nghe tiếng nói của chính mình hay của Thiên Chúa ? Liệu chúng ta có đang nói với chính mình hay Thiên Chúa đang nói với chúng ta ? Đây là những câu hỏi khó trả lời, vì không thể đưa ra những đáp án hợp lý do sự phân rã trong cách hiểu. Tuy nhiên, sự thật là không sinh vật sống nào, chỉ bằng sức mạnh của chính mình, có thể lắng nghe tiếng nói của Thiên Chúa, vì đó không phải là một tiếng nói cụ thể. Để giao tiếp với chúng ta, Thiên Chúa đôi khi sẽ sử dụng chính giọng nói của chúng ta. Và đây chính là điều xảy ra nếu chúng ta thành tâm đứng trước Ngài và nói, như trong Kinh Lạy Cha : *«Xin ý Cha được thể hiện»*, sẵn sàng làm chính xác những gì Ngài yêu cầu.

Hành động của Thánh Thần bắt đầu ngay khi chúng ta chuẩn bị để lắng nghe Ngài, vì vậy, việc chuẩn bị lắng nghe đã là một hành động của Thánh Thần. «*Chính Thần Khí chứng thực cho thần trí chúng ta rằng chúng ta là con cái Thiên Chúa*¹³⁴», thánh Phaolô viết, và thậm chí còn hơn thế nữa : Thánh Thần *cùng với tâm hồn chúng ta* giúp chúng ta hiểu được ý muốn của Thiên Chúa, tức là Ngài sử dụng bản ngã sâu thẳm và cá nhân nhất của chúng ta để giúp chúng ta hiểu điều Thiên Chúa muốn nơi chúng ta.

Thỉnh thoảng, có những người trẻ hỏi tôi : «Thưa thầy, có phải Thiên Chúa muốn tôi vào tu viện không?» Và tôi luôn trả lời : «Vậy bạn muốn gì ? Bạn có cảm thấy một khao khát mạnh mẽ muốn vào tu viện, không phải là một mong muốn lý thuyết và trừu tượng, mà là một sự thôi thúc cụ thể và mạnh mẽ ? Bạn có cảm thấy rằng bạn sẽ không hạnh phúc cho đến khi vào tu viện không ? Rằng bạn chỉ thực sự cảm thấy như ở nhà khi ở trong những bức tường của nó ? Nếu bạn muốn điều đó một cách kiên quyết, đó là dấu hiệu Thiên Chúa cũng muốn điều đó, hoặc đúng hơn, Ngài muốn điều đó qua mong muốn của bạn. Bây giờ, còn lại là xem bạn có đủ điều kiện để vào tu viện không : sức khỏe thể chất và tâm lý tốt, sự sáng suốt, sự trưởng thành tinh thần, và

cuối cùng, nhưng không kém phần quan trọng, là liệu tu viện mà bạn muốn gia nhập có sẵn sàng đón nhận bạn hay không».

Câu trả lời cho một ơn gọi tu trì có ba yếu tố cơ bản: ý muốn cá nhân, thái độ và một tu viện sẵn sàng đón nhận người đó.

Cần phải nói ngay rằng Thiên Chúa hiếm khi «nói to», trực tiếp và dễ hiểu. Ngài thường nói gián tiếp, qua ý muốn sâu thẳm nhất của chúng ta, hướng về sự tìm kiếm sự thật. Và tôi nói «ý muốn sâu thẳm» vì bên cạnh ý muốn nội tại này, có những ý muốn «bên ngoài» của những khao khát nhỏ bé của chúng ta, những thứ mà bằng giọng nói yếu ớt, chúng làm cho khát vọng ban đầu bị che khuất.

Thiên Chúa cũng nói qua các sự kiện, hoàn cảnh, các cuộc gặp gỡ, những cuốn sách. Rất nhiều điều xảy ra với chúng ta ẩn chứa một thông điệp thiêng liêng, cá nhân và bí mật mà chúng ta phải giải mã và giải thích. Dần dần, trong mọi điều xảy đến, tôi có thể học cách nhận ra một tín hiệu từ Ngài. Thực tế, qua thời gian và sự kiên trì, cái không cá nhân trở thành cá nhân và những sự kiện ngẫu nhiên trở thành những thông điệp từ Thiên Chúa, vì Thiên Chúa thật sự chỉ đang nói, dạy dỗ, khuyến khích, nâng đỡ và an ủi. Thiên Chúa thật sự

đang đi dạo trong khu vườn ¹³⁵ của đời sống chúng ta, một khu vườn mà dù ta xem xét theo chiều thời gian hay vĩnh cửu, thì nó vẫn luôn là khu vườn của Eden.

Chúng ta cũng đọc các văn bản thiêng liêng để hiểu những lời mà Thiên Chúa tiếp tục gửi đến chúng ta và chúng ta thường ngạc nhiên khi thấy những đoạn dài bắt đầu bằng câu : «*Thiên Chúa đã phán với Mô-sê và nói với ông...*» Điều này, tất nhiên, không có nghĩa là Mô-sê liên tục được Thiên Chúa gọi, mà là ông ở cùng một tần số với Thiên Chúa, ông kết nối với Ngài, ông đọc được trong tư tưởng của Thiên Chúa, những tư tưởng mà ngày nay chúng ta không còn khả năng nắm bắt. Đó là lý do tại sao chúng ta thường bị trách móc : «*Tư tưởng của Ta không phải là tư tưởng của các người* ¹³⁶».

Tuy nhiên, tất cả những điều này có thể thay đổi. Hãy cam kết để Thiên Chúa có thể nghĩ với tâm trí của chúng ta và yêu bằng trái tim của chúng ta. Hãy cam kết dần dần đạt được «những tâm tình như chính *Đức Giêsu Kitô* ¹³⁷» và gặp gỡ Chúa Cha trong mọi sự kiện trong cuộc sống của chúng ta, như Chúa Giêsu đã làm. Chính khi ngắm nhìn vẻ đẹp của hoa huệ trong đồng và

135 Xem St 3, 8.

136 Is 55, 8.

137 Pl 2, 5.

theo dõi đàn chim bay lượn mà không cần gieo trồng, không cần gặt hái hay tích trữ trong kho, Người thấy được sự quan tâm yêu thương của Chúa Cha đối với công trình sáng tạo của Ngài ¹³⁸. Chính khi làm sáng tỏ ý nghĩa thiêng liêng của những sự kiện mà Người được yêu cầu giải thích, Người đã kêu gọi sự hoán cải, chẳng hạn như khi đối diện với sự sụp đổ đột ngột của tháp Silôê ¹³⁹. Mọi nơi, Người đều gặp gỡ Bạn, mà Người có thể trò chuyện.

Chúng ta nên dành vài phút mỗi ngày để tự kiểm điểm; chỉ cần tự hỏi những câu như : Thiên Chúa muốn tôi học gì hôm nay ? Tôi đã gặp Ngài ở đâu, hoặc tốt hơn, tôi có thể đã gặp Ngài ở đâu ?

Nếu bạn, người đang đọc tôi vào lúc này, vẫn nghĩ rằng một cuộc tự kiểm điểm chỉ để soi xét tội lỗi của mình, tôi có thể nói rằng một trong những tội lỗi lớn nhất mà chúng ta có thể phạm phải là không nhận ra dấu chân của Chúa trong khu vườn của mình.

138 Xem Mt 6, 26-29.

139 Xem Lc 13, 4-5.

Chương VI

Chúng Ta Học Cách Phân Biệt Các Linh Thể

Những người gần gũi với những người thuộc phong trào Tái sinh thần khí biết rằng họ luôn cầu xin sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần cho mọi tình huống, hành động dưới sự gợi ý và cảm hứng được cho là đến từ Thánh Thần và tin tưởng rằng họ đang sống, hoặc ít nhất có mọi cơ hội để sống, dưới sự dẫn dắt của Chúa Thánh Thần.

Những ai không thuộc về tinh thần này có thể xem sự phụ thuộc này với một sự nghi ngờ nhất định và phản ứng lại với những người thuộc phong trào Tái sinh Thánh Thần, những người tự cho mình là những người duy nhất sở hữu một «đường dây trực tiếp» với Thiên Đàng. Tuy nhiên, chúng ta phải công nhận rằng Tân Ước, giống như truyền thống thiêng liêng của Giáo hội, cho thấy cách mà Thiên Chúa chăm sóc con người, không chỉ qua các chuẩn mực và giới luật, mà còn qua những giao tiếp cá nhân. Thật vậy, Chúa Giêsu đã nói: *«Thầy sẽ xin Chúa Cha và Người sẽ ban cho anh em một Đấng Bảo Trợ khác đến ở với anh em luôn mãi¹⁴⁰»* Vậy tại sao Đấng vĩ đại này lại phải ở với chúng ta mãi

140 Ga 16, 16.

mãi, nếu không phải để giúp đỡ chúng ta ?

Câu nói trong Tin Mừng này có thể dẫn đến nhiều hình ảnh sai lệch, đến việc trình bày những tự do giả tạo và thậm chí là sự độc quyền của Thánh Thần. Đồng thời, sẽ không công bằng nếu vì tránh các rủi ro mà cắt bỏ yếu tố chính của đời sống Kitô hữu. Một số người nghi ngờ về những điều huyền bí mà họ cho là nguy hiểm, và đúng là những kẻ mạo danh đã luôn tồn tại, cùng với những người tự nhận có những ân sủng siêu nhiên, nhưng thực chất lại là ảo giác. Nhưng Kitô giáo sẽ là gì nếu không có sự huyền bí ? Giải pháp, dĩ nhiên, không phải là «*dập tắt Thần Khí* ¹⁴¹», mà là thử thách các linh thể.

Hai loại linh ứng

Trước hết, cần phải nói rằng các can thiệp của Chúa Thánh Thần có thể là ngoại thường hoặc thông thường.

Tự nhiên, ta phải coi như ngoại thường khi thánh Phaolô trên con đường Damas bị ánh sáng chói mắt chiếu vào và nghe một tiếng nói từ đâu đó hỏi : «*Sa-un, Sa-un, tại sao ngươi bắt bớ Ta ?* ¹⁴²» Cũng có thể nói điều tương tự về Anania, người nhận được một thị kiến

141 1 Tx 5, 19.

142 Cv 9, 3-4.

chỉ ra «*con phước gọi là Đường Thắng*» để giúp Saul, cũng như sự xuất thần giúp thánh Phêrô ¹⁴³ nhận ra rằng ngay cả những người ngoại cũng được mời gọi đón nhận Tin Mừng. Truyền thống xác nhận - và kinh nghiệm chứng minh - rằng những can thiệp kiểu này khá hiếm. Các tác giả thiêng liêng, như thánh Gioan Thập giá, đã cảnh báo về những hiện tượng này và khẳng định rằng không nên chấp nhận chúng một cách mù quáng, cũng không nên tìm kiếm chúng.

Trong các can thiệp bình thường, không có thông điệp rõ ràng từ Thiên Đàng, ta không nghe thấy lời nói, không chứng kiến các thị kiến. Thỉnh thoảng, ta có thể cảm thấy một sự thôi thúc mạnh mẽ bên trong đối với điều mà Thánh Thần muốn thực hiện ; trong trường hợp này, ta cũng có thể cảm thấy như Ngài đang nói qua ý chí con người. Cảm hứng có thể mạnh mẽ và không thể cưỡng lại, nhưng phần lớn nó lại nhẹ nhàng và kín đáo, đến nỗi chỉ những ai quen với kiểu lắng nghe này mới có thể nhận ra được. Tự nhiên, càng có sự nhạy bén, ta càng dễ dàng phân biệt được sự thì thầm lặng lẽ của Thánh Thần.

Cũng giống như cuộc sống phát triển qua các giai đoạn, lúc đầu các can thiệp của Thánh Thần không có

143 Xem Cv 10, 11-16.

ảnh hưởng lớn lao, không phải vì Ngài ít hoạt động, mà vì trong nội tâm của chúng ta, sự im lặng cần thiết để cảm nhận «hướng gió» chưa có. Sau đó, với thời gian và đặc biệt là với một cầu nguyện kiên trì và sự lắng nghe được hình thành, chúng ta học cách nhận ra Đấng trợ giúp trung thành, Đấng dẫn dắt, hỗ trợ và dạy dỗ chúng ta một cách cá nhân. Tu sĩ dòng Xi-tô Eugène Boylan đã viết ¹⁴⁴:

«Chỉ cần quyết tâm không từ chối điều gì của Thiên Chúa trong một khoảng thời gian sáu tháng, ta sẽ trải nghiệm những thay đổi lớn và phi thường trong đời sống thiêng liêng của mình ¹⁴⁵»

Có thể nói rằng sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần đối với người Kitô hữu hoạt động giống như một quy tắc sống, giống như những quy tắc mà các dòng tu tuân theo, chỉ khác là nó hoàn thiện và thâm nhập vào đời sống chúng ta sâu sắc hơn bất kỳ tiêu chuẩn nào khác.

144 Một tu sĩ dòng Xitô người Ireland qua đời vào năm 1963 và là tác giả của hai cuốn sách nổi tiếng trong thế giới nói tiếng Anh : *This Tremendous Lover* (Người tình tuyệt vời này), Christian Classics Inc, 2009 và *Difficulties in Mental Prayer* (Những khó khăn trong cầu nguyện tâm linh), Christian Classics Inc, 2011.

145 *Difficulties in Mental Prayer* (Những khó khăn trong cầu nguyện tâm linh), op. cit. 72

Thánh Thần mong muốn có sự độc quyền trong mỗi khoảnh khắc của cuộc sống chúng ta, như đã từng là trường hợp đối với Chúa Giêsu, vì với Người, Chúa Thánh Thần là sự dẫn dắt của Chúa Cha. Các Tin Mừng thực sự cho biết, để hiểu điều Người phải làm, Chúa Giêsu đã đối diện với «quy tắc» bên trong của Người :

«Tôi còn có nhiều điều phải nói và xét đoán về các ông. Nhưng Đấng đã sai tôi là Đấng chân thật; còn tôi, tôi nói lại cho thế gian những điều tôi đã nghe Người nói¹⁴⁶».

Kẻ thù lớn nhất của Thánh Thần có lẽ không phải là những tội lỗi «trong tư tưởng, lời nói, hành động», mà là «những sự thiếu sót», tức là sự hững hờ, thờ ơ, sự nông cạn về tinh thần, sống cuộc sống một cách vô thức, khép kín trong bản thân, u sầu và lười biếng. «*Anh em chớ làm phiền lòng Thánh Thần của Thiên Chúa*¹⁴⁷» thánh Phaolô đã khuyên nhủ tín hữu Êphêsô. Về phần mình, tôi tin rằng đau khổ lớn nhất của chúng ta là do chính chúng ta gây ra, khi chúng ta không tin tưởng vào Ngài.

146 Ga 8, 26.

147 Ep 4, 30.

Các điều kiện cần thiết

1. Tự làm trống mình

Để cảm nhận được những thúc đẩy của Chúa Thánh Thần, chúng ta không nên giữ thái độ khép kín với chính mình, mà ngược lại, cần phải mở lòng, chú ý, sẵn sàng và linh hoạt, như những người lính canh trên tường thành, vì theo mục đích của những gì được đề xuất cho chúng ta, tự nhiên sẽ có cả những khía cạnh tích cực và tiêu cực. Chúng ta có thể tỉnh táo để bảo vệ tài sản của mình, đảm bảo an ninh cho bản thân, không để mất mặt trước người khác, và đó là mặt tiêu cực của vai trò lính canh. Thực tế, tài sản và sự gắn bó là những giới hạn làm thu hẹp cả tầm nhìn lẫn phạm vi hành động, và khiến cuộc sống trở thành một khuôn mẫu đơn điệu, nơi mọi thứ đã được biết trước, chuẩn bị sẵn và tính toán từ trước.

Để mở lòng đón nhận những cảm hứng từ Chúa Thánh Thần, Thánh I-nhã thành Loyola đã khuyên chúng ta nên buông bỏ, từ bỏ và có sự thờ ơ thánh thiện, những điều này giải thoát khỏi các cơ chế của cái tôi, những sự đồng cảm, những sự ác cảm và sự phụ thuộc vào sở thích cá nhân. Người không vụ lợi sẽ không có sở thích riêng và không cảm thấy bị thu hút về phía này hơn phía kia ; nếu có cảm giác ưu ái, họ không để

chúng chi phối, vì như thể họ đang sống ở nơi khác và đã lâu rồi họ được giải phóng khỏi những phản ứng bản năng ngay lập tức. Người làm trống mình không có mong đợi, không lập kế hoạch, không tự mãn với những câu hỏi hay những lời kêu gọi, nhưng sống, như Thánh Phaolô đã nói, trong «*mọi kích thước dài rộng cao sâu* ¹⁴⁸», tức là trong một không gian mở rộng nội tâm và sự phó thác tin tưởng.

Đối với những người «không sở hữu gì», ngược lại, đối với những «người nghèo trong tinh thần» phản ánh mặt tích cực của vai trò lính canh, không có giới hạn và mỗi ngày là một cuộc phiêu lưu hoàn toàn mới mẻ. Thiên Chúa không bao giờ lặp lại, Ngài yêu cầu một khoảng trống trong lòng để Ngài có thể lấp đầy bằng sự sáng tạo kỳ diệu của mình và để chúng ta có thể thoát lên «Xin vâng» như Abraham, Mô-sê, Samuel và đặc biệt là Đức Trinh Nữ Maria, đó là «Fiat» mà, đối với mọi tín hữu và Giáo hội, là một ví dụ tuyệt vời về sự mở lòng và sự phó thác hoàn hảo.

Khi được Thiên Thần báo tin, Maria đã thoát lên lời «Xin vâng» khi dâng hiến sự sẵn sàng hoàn toàn của mình, để cho Chúa Thánh Thần thiết lập ngự trị trong cô, trong thân thể và trong linh hồn Mẹ.

Linh hồn Mẹ thật sự là nơi cư ngụ trống rỗng, cửa và cửa sổ mở rộng, để cho Chúa Thánh Thần có thể thổi và nhảy múa tự do trong đó. Mẹ Maria không tự hỏi điều gì sẽ đến với mình, Mẹ không cần phải biết : Mẹ đồng ý một cách nguyên tắc. Mẹ không đặt ý muốn của mình lên trước, và Mẹ đáp lại Thiên Thần : «*Vâng, tôi đây là nữ tỳ của Chúa, xin Chúa cứ làm cho tôi như lời sứ thần nói* ¹⁴⁹» Những lời này quyết định, bởi vì nếu Mẹ không phải là nữ tỳ của Thiên Chúa, cô sẽ không thể là Mẹ của Chúa.

2. Sự ăn năn

Adrienne von Speyr, một nhà thần bí người Thụy Sĩ đương đại ¹⁵⁰, định nghĩa *die Beichthaltung* (từ ngữ cổ về «sự ăn năn») là điều kiện của sự mở lòng hoàn toàn, của sự tỉnh thức và sự sẵn sàng mà người ăn năn phải có. Thực tế, trong trường hợp này, người chính không phải là con người, mà là Thiên Chúa, trước mặt Ngài, người ăn năn không che giấu, không tìm cách trốn tránh, mà tự nguyện phơi bày mình trong sự trần trụi, tự do và vì tình yêu, sẵn sàng để Ngài dò xét và chiếu sáng mình. Adrienne đặc biệt thích trạng thái «trần trụi» mà người tội lỗi mặc vào và thường xuyên đề cập đến nó.

¹⁴⁹ Lc 1, 38.

¹⁵⁰ 1902-1967.

Kể từ khi có tội tổ tông, con người luôn gặp khó khăn khi đứng trước ánh sáng sẽ vạch trần, xuyên thấu và chiếu sáng. Cùng lúc đó, xung tội hay hòa giải không có nghĩa là chúng ta chỉ trích bản thân mình bằng cách bộc lộ sự yếu đuối, mà là chúng ta tự trình diện trước Thiên Chúa như một cuốn sách mở, không giấu giếm gì trước ánh sáng của Ngài và không cố gắng tự biện minh, như lời Thiên Chúa đã phán trong Kinh Thánh Cựu Ước :

«Lạy CHÚA, Ngài dò xét con và Ngài biết rõ, biết cả khi con đứng con ngồi. Con nghĩ tưởng gì, Ngài thấu suốt từ xa ¹⁵¹».

Thật vậy, các Tin Mừng không giấu diếm sự hoài nghi của thánh Thomas, sự phủ nhận ba lần của thánh Phêrô và khát vọng có được những chỗ ngồi danh dự của hai con trai của Giê-bê-đê. Những nhân vật tông đồ này dường như luôn được bao phủ bởi sự ăn năn trước Thiên Chúa và trước Giáo hội, một sự ăn năn không phải là sự tự cáo buộc vì họ không cảm thấy xấu hổ, mà họ thực sự vui mừng vì những thiếu sót gây có vấp phạm của họ được bày tỏ, để Lòng Thương Xót của Thiên Chúa có thể chiếu sáng rực rỡ hơn nữa.

151 Tv 139, 1-2.

Chúng ta đã nói rằng tình trạng ăn năn không chỉ đơn giản là tự cáo buộc bản thân, mà vượt xa và sâu hơn cả việc phơi bày những tội lỗi cá nhân, đạt tới sự trong suốt hoàn toàn, cho đến khi có một «xin vâng» dâng hiến toàn bộ bản thể mình cho Thiên Chúa. Chính sự trong suốt này mà các tín hữu phải có chung, để có thể truyền bá giữa họ tình yêu được nuôi dưỡng bởi ánh sáng, sự thật và sự rõ ràng.

Adrienne cũng xem xét điều kiện của sự ăn năn nơi Chúa Giêsu, người đã từ bờ sông Jordan, khi Thánh Gioan Tẩy Giả ban phép rửa cho Người, đã mang lấy tất cả tội lỗi của thế gian và sau đó, trần truồng trên thập giá, đã trở thành «sự ăn năn» cho toàn thể nhân loại trước mặt Chúa Cha. Chính trong sự ăn năn vũ trụ này mà tội lỗi của thế gian được tha thứ. Vào lễ Phục Sinh, chúng ta thực sự nhận được sự tha thứ toàn diện và mỗi khi xưng tội, chúng ta trở thành những người tham dự vào sự ăn năn lớn lao mà Chúa Giêsu đã chịu khổ vì chúng ta một lần và mãi mãi.

Sự đồng ý hoàn toàn của Mẹ Maria và sự «trong suốt» ăn năn là hai mặt của cùng một đồng tiền, vì «xin vâng» của chúng ta xác nhận sự sẵn sàng toàn diện để làm những gì được yêu cầu và trạng thái ăn năn cũng thể hiện ra bên ngoài rằng chúng ta sẵn sàng trình diện

chính mình đúng như chúng ta là. Đồng tiền này đòi hỏi và dẫn đến việc chấp nhận hoàn toàn bản thân ở một mức độ sâu sắc hơn mức mà chúng ta có thể đạt được qua liệu pháp tâm lý.

Phân biệt các linh thể

Mặc dù chúng ta có đủ tất cả các điều kiện cần thiết, mặc dù chúng ta sẵn sàng nghèo khó trong tinh thần, mặc dù chúng ta quay về phía Thiên Chúa trong sự mở rộng và trong suốt của linh hồn, chúng ta không thể hoàn toàn chắc chắn rằng Ngài sẽ *nói với chúng ta* từ bên trong chính mình. Có thể vì trái tim chúng ta chưa hoàn toàn hòa nhịp với trái tim Ngài, hoặc có thể vì trong khi chúng ta cố gắng khiêm nhường hạ mình xuống tận sâu thẳm nhất để nghe Ngài, chúng ta vẫn mang hình ảnh của Ngài in dấu trong mình, nhưng không phải lúc nào chúng ta cũng thành công. Một mặt, chúng ta có thể rơi vào sai lầm, chúng ta có thể tin rằng mình đã đạt đến trung tâm trong khi thực ra chúng ta vẫn còn ở một khu vực ngoại vi ; và mặt khác, chúng ta không bao giờ hoàn toàn chắc chắn về sự trung thực trong việc tìm kiếm ý muốn của Thiên Chúa. Tâm lý học sâu sắc, và trong một số trường hợp, cả kinh nghiệm cá nhân, dạy cho chúng ta rằng chúng ta có trách nhiệm trong việc làm rối loạn chính mình.

Vậy làm sao để biết liệu điều chúng ta nghĩ thực sự là suy nghĩ của Thiên Chúa, liệu quyết định của chúng ta thực sự là những gì Thiên Chúa mong đợi nơi chúng ta ?

Để phân biệt hạt giống tốt và cỏ lùng, chúng ta cần sự trợ giúp từ bên ngoài, và điều này không phải để giải thoát chúng ta khỏi cỏ lùng - vì Chúa Giêsu đã nói rõ rằng đó không phải là công việc của chúng ta ¹⁵² - mà là để giúp chúng ta tập trung càng nhiều càng tốt vào hạt giống tốt. Nói cách khác, chúng ta cần sự trợ giúp để «phân biệt giữa thần linh và linh thể».

Khi liệt kê các ân tứ khác nhau, Thánh Phaolô đã đề cập đến khả năng phân biệt các linh thể ¹⁵³, như là phân biệt giữa những người thật sự có ân tứ thần thánh và những người giả mạo, giữa những người tiên tri lời của Thiên Chúa và những người chỉ nói ra những tưởng tượng của chính mình.

Thư I của Thánh Gioan mời gọi chúng ta cẩn trọng với những sự giả mạo :

«Anh em thân mến, anh em đừng cứ thần khí nào cũng tin, nhưng hãy cân nhắc các thần khí xem có phải

152 Xem Mt 13, 29.

153 Xem 1 Cr 12, 10.

bởi Thiên Chúa hay không, vì đã có nhiều ngôn sứ già lan tràn khắp thế gian ¹⁵⁴»

Theo thời gian, việc «kiểm duyệt các biểu hiện của Thánh Thần» đã trở nên khó khăn hơn, vì không chỉ đơn giản là phân biệt giữa các cá nhân ai thật sự được Thánh Thần Thiên Chúa thúc đẩy và ai bị ma quỷ xui khiến. Người ta nhận ra rằng trong lĩnh vực này, mọi thứ phức tạp hơn nhiều so với vẻ ngoài, và thật đáng tiếc là một người có thể vừa mở lòng đón nhận cảm hứng từ Thánh Thần Thiên Chúa, vừa dễ bị ảnh hưởng bởi sự xúi giục của quỷ dữ. Khi nói «phân biệt các thần linh», ta có ý nói nhận ra trong chính mình và trong người khác điều gì là từ Thánh Thần và điều gì ngược lại là do trí tưởng tượng của chúng ta hoặc do ma quái gợi ý.

Ngay từ thời các Thánh Tổ phụ Giáo hội, để dễ dàng phân biệt điều này, người ta đã theo những quy tắc rất rõ ràng, nhưng chính Thánh I-nhã thành Loyola là người đã đưa ra và hoàn thiện tư tưởng của Giáo hội trong lĩnh vực này.

Trong cuốn sách *Gottes Willen tun* ¹⁵⁵, nhà thần học người Áo Gisbert Greshake, để nhận diện nguồn gốc

154 1 Ga 4, 1.

155 G. Greshake, *Gottes Willen tun* (Làm theo thánh ý của Thiên Chúa) Herder, Fribourg, 1987.

của các xung động nội tâm, đã tập trung vào việc lựa chọn sáu quy tắc từ truyền thống Kitô giáo, tất cả đều nhằm đến cùng một mục đích. Dưới đây là sáu quy tắc quan trọng này, kèm theo những nhận xét của tôi hoặc của chính Greshake.

1. Dựa trên Tin Mừng

Chỉ có cảm hứng nào phù hợp với Tin Mừng hoặc với đời sống của Chúa Giêsu mới có thể đến từ Thánh Thần. Đặc điểm của Thánh Thần là nhắc nhở chúng ta mọi điều Chúa Giêsu đã nói ¹⁵⁶ :

«Người sẽ không tự mình nói điều gì... Người sẽ tôn vinh Thầy, vì Người sẽ lấy những gì của Thầy mà loan báo cho anh em ¹⁵⁷».

Một cảm hứng không được xác nhận trong Kinh Thánh hoặc trong đời sống của Chúa Giêsu không thể đến từ Thánh Thần. Thánh Antony Cao C(a, vào giữa thế kỷ III và IV, đã nói cùng một quan điểm : «Hãy chú ý để mọi điều bạn làm và mọi điều bạn nói luôn phản chiếu đúng đắn Kinh Thánh». Và Thánh Gioan Thánh Giá :

156 Xem Ga 14, 26.

157 Ga 16, 13-14.

«Hãy tạo chỗ cho khao khát không ngừng giống như Chúa Giêsu Kitô trong mọi công việc của Người, để bạn có thể hòa hợp với cách sống của Người, mà bạn phải lưu tâm, để có thể giống Người và cư xử ở mọi tình huống như Người đã làm ¹⁵⁸».

Chúng ta cũng tìm thấy gợi ý tương tự từ Charles de Foucauld gần hơn với chúng ta : «Hãy tự hỏi mình, trong mọi điều, Chúa Giêsu sẽ làm gì, và hãy làm như vậy».

Vì vậy, vì chúng ta không thể biết chính xác Chúa Giêsu sẽ làm gì nếu ở vị trí của mình, chúng ta thành thật tìm cách loại bỏ ít nhất một số cảm hứng mà chúng ta biết rõ rằng nếu Chúa Giêsu đã trải qua, Người sẽ không bao giờ tiếp tục.

Quy tắc vàng là Tin Mừng, vì nó có thể trả lời tất cả những câu hỏi của chúng ta, và vì ở trung tâm của Tin Mừng là lòng bác ái (*«Hãy yêu thương nhau như Thiên Chúa đã yêu thương các con»*), tất cả những gì tuân theo Tin Mừng và dẫn đến sự gia tăng lòng bác ái có thể được coi là đến từ Thánh Thần ; ngược lại, chúng ta không thể gán cho những gì chỉ làm gia tăng sự tôn trọng bản thân.

158 Xem Thánh GIOAN của Thánh Giá, Những lời nói về ánh sáng và tình yêu, Nhà xuất bản José Corti, Paris, 1990. Chúng ta học cách phân biệt các thần linh.

2. Các cảm hứng của Thánh Thần là hợp lý

Vì Tin Mừng không phải là «hợp lý», quy tắc thứ hai này có thể khiến chúng ta ngạc nhiên và một phần có vẻ mâu thuẫn với quy tắc đầu tiên. Thánh Phaolô khẳng định rằng «*Cho nên Thiên Chúa đã muốn dùng lời rao giảng điên rồ để cứu những người tin* ¹⁵⁹». Thật vậy, sự khôn ngoan của Tin Mừng «*và dân ngoại cho là điên rồ* ¹⁶⁰».

Vì vậy, khi người ta khẳng định rằng «các cảm hứng của Thánh Thần là hợp lý», người ta không có ý nói rằng chúng phải phù hợp với những gì thế gian coi là hợp lý, mà là *sự thận trọng được soi sáng bởi đức tin*, mà đạo đức Kitô giáo đã nâng lên thành một đức tính căn bản.

Thánh Gioan Thánh Giá cho rằng Tin Mừng và lý trí - *razón*, như ngài nói, sử dụng một thuật ngữ sẽ xuất hiện nhiều lần trong các tác phẩm của ngài - không phải là hai chiều kích không tương thích, vì vậy ngài thường lập luận về việc hành động phù hợp với lý trí :

«Chắc chắn, chúng ta phải có một sự tôn trọng và một sự gắn bó lớn đối với *ánh sáng của lý trí và Tin*

¹⁵⁹ 1 Cr 1, 21.

¹⁶⁰ 1 Cr 1, 23.

Mừng [...], chúng ta không nên chấp nhận hay đồng ý với chúng trừ khi chúng phù hợp i. Điều quan trọng không phải là việc nhận được chúng qua sự mặc khải, mà là việc chúng phù hợp với lý trí ¹⁶¹».

Hoặc : «Thiên Chúa đặc biệt yêu thích những người để cho họ được hướng dẫn bởi lý trí tự nhiên ¹⁶²» Và còn nữa : «*Hãy để ý đến lý trí của con để làm theo những gì nó nói trong con đường của Thiên Chúa* ¹⁶³»
Hoặc : «*Người hành động hợp lý* giống như người ăn thức ăn bổ dưỡng ¹⁶⁴».

Lý trí và cam kết thần thánh được xác nhận trong sự khôn ngoan của Công Trình, mà Thánh Thần không phải là kẻ ngoài cuộc. «*Công trình Ngài, lạy CHÚA, quả thiên hình vạn trạng ! Chúa hoàn thành tất cả thật khôn ngoan* ¹⁶⁵». Một trật tự kỳ diệu ẩn sau tất cả các sự vật được tạo ra, mà từ khi chúng được sinh ra, chúng đã được nghĩ ra một cách khôn ngoan : «*Thần khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước* ¹⁶⁶». Theo lý luận, thật vậy, các cảm hứng của Thánh Thần không bao giờ mâu

161 Đường lên núi Carmel, II, 21, 4.

162 Ibid., 22, 9.

163 Xem *Những lời nói về ánh sáng và tình yêu*, 43.

164 Ibid., 45.

165 Tv 104, 24.

166 St 1, 2.

thuần với các cấu trúc và luật lệ mà con người và thiên nhiên đã được ban cho : «*Bởi vì Thiên Chúa không phải là Thiên Chúa gây hỗn loạn* ¹⁶⁷» và bản chất của tất cả các sinh vật được tạo ra đều đầy ơn sung.

Thánh Phaolô ca ngợi sự điên rồ của tình yêu Thiên Chúa, nhưng điều đó không có nghĩa là nó mâu thuẫn với lý trí, mà lý trí, một mình, có thể chứng minh sự tồn tại của Thiên Chúa và nhiều sự hoàn hảo của Ngài. Chính vì những quyền lợi này của di sản chung mà Thánh Phaolô cảm thấy có quyền chỉ trích những người ngoại giáo :

«Những gì người ta có thể biết về Thiên Chúa, thì thật là hiển nhiên trước mắt họ, vì chính Thiên Chúa đã cho họ thấy rõ. Quả vậy, những gì người ta không thể nhìn thấy được nơi Thiên Chúa, tức là quyền năng vĩnh cửu và thần tính của Người, thì từ khi Thiên Chúa tạo thành vũ trụ, trí khôn con người có thể nhìn thấy được qua những công trình của Người. Do đó, họ không thể tự bào chữa được, vì tuy biết Thiên Chúa, họ đã không tôn vinh hay cảm tạ Người cho phải đạo ¹⁶⁸».

167 1 Cr 14, 33.

168 Rm 1, 19-21.

Công đồng Vatican I, bắt đầu từ văn bản đã trích dẫn, cho rằng lý trí con người về lý thuyết có thể chứng minh sự tồn tại của Thiên Chúa qua việc quan sát Công Trình Sáng Tạo. Trong lĩnh vực này, thần học Công Giáo có vẻ lạc quan hơn thần học Tin Lành, vốn cho rằng ngoài Mạc Khải, không thể đạt được bằng chứng xác thực về sự tồn tại của Thiên Chúa. Những người Tin Lành có xu hướng giải thích các câu của thánh Phao-lô như một bằng chứng về tính phổ quát của «hiện tượng tôn giáo», có thể đến với tất cả những ai có thiện chí, nhưng chính nhờ vào tính phổ quát ấy, thay vì nâng cao sự hiểu biết về Thiên Chúa, người ta có thể rơi vào mê tín.

2. Bình an

Nguồn gốc từ nguyên của từ bình an đến từ tiếng La-tinh *pangere* (danh từ *pax*) có nghĩa là «hợp nhất». Bình an hiện diện khi có sự hài hòa và mỗi cảm xúc đã chiếm lấy vị trí được chỉ định. Khi chúng ta sống trong bình an, mọi thứ trở nên thống nhất và ta không còn cảm thấy là những mảnh vỡ rời rạc nữa, mà trở thành một phần của một thể thống nhất, một tổng thể.

«Tiếng nói», hay cảm hứng của Thánh Thần, không để bất kỳ cảm xúc nào lạc lối và luôn khôi phục lại mọi thứ trong một sự hài hòa nội tâm. Người theo tiếng gọi này nhận ra rằng bản sắc của mình phát triển và đồng

thời cảm thấy mình gắn kết hơn với cội nguồn của mình.

Tin Mừng toàn bộ là một chứng từ sáng chói về bình an. Theo thánh Lu-ca, ngay khi Zachariah lấy lại được khả năng nói, ông công bố rằng «*Vàng Đông tự chốn cao vời viếng thăm ta [...] dẫn ta bước vào đường nẻo bình an*»¹⁶⁹. Chính Chúa Giê-su cũng nói: «*Thầy ban cho anh em bình an của Thầy*»¹⁷⁰ và trong mỗi cuộc gặp gỡ, mỗi lần sai phái đi truyền giáo, Người luôn nói: «*Bình an cho anh em !*»¹⁷¹.

Đôi khi, tiếng nói của Thánh Thần, trong giai đoạn đầu, có thể khơi dậy một mối lo âu thánh thiện, nhưng điều này không phải là lý do để đưa ra những kết luận vội vàng. Đây là ví dụ điển hình của lời kêu gọi đời sống tu trì, mà ban đầu gây ra một cơn lốc phản đối, như khi ta ném một vật từ tính vào trong một bình chứa cát có tính sắt từ : tất cả các hạt cát bắt đầu di chuyển về hướng đích mới và tạo ra một sự xáo động lớn. Tuy nhiên, khi lời kêu gọi là chân chính, nó sẽ dẫn đến một sự bình an sâu sắc.

Đó là một quy tắc tốt để thử nghiệm mọi cảm hứng, với sự tin tưởng rằng, nếu nó đến từ Thánh Thần, cuối

169 Lc 1, 78-79.

170 Ga 14, 27.

171 Ga 20, 19.21.26.

cùng nó sẽ mang lại niềm vui và bình an; ngược lại, nếu nó tiếp tục gây lo âu cho tâm hồn, chắc chắn nó có nguồn gốc khác.

3. Khiêm tốn trong yêu cầu

Thánh Thần không yêu cầu chúng ta nhiều hơn những gì chúng ta có thể trao tặng. Nếu chúng ta có cảm giác, ví dụ, rằng mình được kêu gọi sống một đời sống tông đồ hay phúc âm hơn, điều này khiến chúng ta lo âu vì cam kết mà nó đòi hỏi, thì chúng ta có thể hoàn toàn chắc chắn rằng cảm giác này không đến từ Thánh Thần.

Điều này không có nghĩa là chúng ta phải bỏ qua những trực giác của mình. Chúng có thể giúp chúng ta thoát khỏi sự uể oải mà ta đang sống và trong trường hợp này, có thể mang một cái gì đó thần thánh. Đôi khi, có lẽ chính chúng ta là những người thổi phồng tầm quan trọng của chúng vì vô thức, ta mong muốn làm điều gì đó lớn lao.

Đôi khi, sự nhiệt thành bị thúc đẩy bởi một chủ nghĩa cực đoan sai lầm, không tính đến giới hạn và động cơ thực sự. Truyền thống Kitô giáo luôn cảnh báo về những lập trường cực đoan vì chúng thường là kết quả của một sự kiêu ngạo được che giấu.

Chúng ta có thể quan sát hiện tượng này ở những người nhiệt huyết bắt đầu con đường chuyên hóa, hoặc ở những người mới vào tu viện, những người lên án các anh em tu sĩ giàu kinh nghiệm về sự thiếu cam kết, nhưng sau đó chính họ lại là những người đầu tiên từ bỏ và vứt bỏ áo tu khi họ chán nản.

Sự thận trọng hay Discretio, tức là việc sử dụng lý trí để tránh rơi vào những cực đoan, là một khái niệm quan trọng được tìm thấy trong nền tảng của truyền thống Kitô giáo, đến mức mà quy tắc của dòng Carmel kết thúc với một lời kêu gọi thận trọng :

«Chúng tôi đã viết ngắn gọn những điều này để thiết lập quy tắc sống mà các bạn sẽ phải tuân theo. Nếu ai làm nhiều hơn, Chúa sẽ tự mình thưởng cho họ khi Ngài trở lại. Tuy nhiên, hãy giữ sự thận trọng, vì đó là sự điều chỉnh các nhân đức ¹⁷²».

Đôi khi, Thánh Thần có thể truyền cảm hứng cho việc thực hiện những hành động cực đoan, như trong trường hợp chuyên hóa mạnh mẽ của Thánh Phanxicô Assisi, mặc dù nói chung, ngài có vẻ ưa thích *chiến thuật những bước đi nhỏ*, đến gặp chúng ta ngay tại nơi chúng ta đang ở và mời gọi chúng ta tiến bước từng chút một. Chính ngài luôn truyền cảm hứng cho chúng

172 Xem <http://www.carmel.asso.fr/La-Regle-du-Carmel.html>

ta những bài học Tin Mừng theo cách thức phù hợp với khả năng của mỗi người.

Một trong những đặc điểm thú vị nhất của Thánh Thần chính là khả năng thích ứng tuyệt vời của Ngài.

5. Thánh Thần thể hiện một cách cụ thể

Những gì Thánh Thần truyền đạt thường gắn liền với tình huống hiện tại, hic et nunc, tại đây và ngay bây giờ. *«Ngày hôm nay, nếu các người nghe tiếng Chúa, thì chớ cứng lòng»¹⁷³*. Những mơ mộng về việc sống ở những đất nước xa xôi hay về một tương lai không thể thực hiện được không thể đến từ Thiên Chúa, Đấng yêu cầu chúng ta đặt tất cả mọi sự «ở đây và ngay bây giờ» vào tay Ngài. Vì vậy, hãy tin tưởng và để cho Ngài tự do sáng tạo những dự án về tương lai của chúng ta.

Cảm hứng từ Thánh Thần liên quan «cụ thể» đến bước đi nhỏ mà chúng ta cần thực hiện trong hiện tại hoặc tương lai gần, tức là bước đi mà chúng ta sắp thực hiện. Vì vậy, chúng ta hãy cam kết sống hiện tại thay vì chỉ mơ mộng !

Quy tắc thứ năm sẽ giúp chúng ta trong trường hợp chúng ta do dự thay đổi một cách mạnh mẽ hay ít nhiều

¹⁷³ Dt 3, 7-8; Tv 94, 8.

lối sống của mình. Nhiều người tin rằng những thay đổi bên ngoài sẽ giải quyết tất cả vấn đề của họ : «Ở một thành phố khác, trong một môi trường khác, với một công việc khác, một người bạn đời khác... tôi sẽ yên ổn hơn và có thể dành nhiều thời gian hơn cho việc chăm sóc linh hồn». Nhưng không thể tưởng tượng rằng Thánh Thần sẽ khuyến khích chúng ta thực hiện những thay đổi về mặt hậu cần mạnh mẽ như vậy. Những suy nghĩ mơ mộng này có thể đến từ sự thất vọng, những phản ứng quá mức hoặc nhu cầu không ngừng muốn chuyển động.

Thánh Thần mời gọi chúng ta, khi cần, thay đổi bên trong, *metanoia*, đi đến sự hoán cải, tức là đổi mới với thực tế theo một cách hoàn toàn khác. Nếu chúng ta không tìm thấy bình an trong môi trường hiện tại của mình, đừng tưởng rằng tình trạng tâm hồn của chúng ta sẽ thay đổi chỉ vì một cuộc di chuyển. Vấn đề thực ra không phải là bên ngoài, mà là vấn đề cá nhân.

Mong rằng chúng ta có thể lấy mẫu gương từ màu nhiệm Nhập Thể, qua đó chính Thiên Chúa đã trở thành xác thịt vì chúng ta, giảm bớt tự do vô hạn của Ngài để sống trong một *hic et nunc* (ở đây và ngay bây giờ) vô cùng hạn chế. Tôi không nghĩ rằng, trong thời niên thiếu, Chúa Giêsu thành Nazareth đã mơ về cuộc sống

công khai trong tương lai của Người hay về những vấn đề mà Người sẽ gặp phải. Người sống hoàn toàn trong hiện tại, làm nghề mộc với Thánh Giuse, và đó là sự học hỏi tuyệt vời nhất.

Cách sống hoàn toàn trong hiện tại của Người là sự chuẩn bị tốt nhất cho sứ vụ mà Chúa Cha sẽ gọi Người khi thời gian đến. Điều này đã xảy ra với Người, và cũng phải như vậy đối với chúng ta. Không có bài học nào hữu ích và hiệu quả hơn để chuẩn bị cho tương lai ngoài việc dốc hết sức mình để hoàn thành những gì Thiên Chúa giao phó trong khoảnh khắc hiện tại.

6. Sự hợp nhất với Giáo Hội

Trong Giáo hội, trong Thánh lễ, khi toàn thể cộng đoàn tụ họp, chúng ta đọc và giải thích các văn bản thánh theo chỉ dẫn của thẩm quyền Giáo hội và cũng lắng nghe những gì Thánh Thần truyền cảm hứng trong tâm hồn chúng ta.

Thuật ngữ «cụ thể», được dùng trong quy tắc thứ năm để mô tả các cảm hứng của Thánh Thần, đặc biệt trong trường hợp các quyết định quan trọng, cũng có nghĩa là đôi khi chúng ta phải từ bỏ các giải thích cá nhân để đón nhận sự chỉ dẫn từ thẩm quyền Giáo hội, từ người hướng dẫn tâm linh của chúng ta, hoặc từ một ai đó mà

chúng ta xem là người chuẩn bị tốt hơn chúng ta về mặt tâm linh để nhận ra những trực giác này.

Ai không dám xin lời khuyên từ người khác, mà chỉ tin vào phán đoán riêng của mình, thực tế đang cho thấy rằng họ không khao khát làm theo ý muốn của Thiên Chúa, mà chỉ làm theo ý mình. Ngược lại, việc nói chuyện cởi mở với người khác lại mang đến cơ hội để nhìn vào bên trong bản thân và vượt ra khỏi các rào cản của chính mình. Tất nhiên, chúng ta sẽ phải chọn ai đó dám nói cho chúng ta biết suy nghĩ của họ, thay vì một người hướng dẫn tâm linh quá nhẹ nhàng và chỉ muốn làm cho chúng ta hài lòng, vì nếu chọn người này, điều đó có nghĩa là thực tế chúng ta không muốn nghe lời khuyên của ai cả.

Thiên Chúa có phải là người câm không ?

Phải làm gì khi chúng ta không cảm nhận được tiếng nói của Thánh Thần, khi chúng ta không nhận được câu trả lời cho những câu hỏi của mình và đối mặt với sự im lặng của Thiên Chúa ?

Đôi khi, sau một bước ngoặt tích cực trong cuộc hành trình của mình, chúng ta có thể cảm thấy được Thánh Thần dẫn dắt một cách rõ ràng và gần như kỳ diệu, trong một khoảng thời gian dài hay ngắn. Thường thì

đó là những điều nhỏ nhất hơn là những điều lớn lao : ví dụ, khi nhớ đến tên một cuốn sách, chúng ta tìm trên giá sách, lấy ngẫu nhiên một cuốn và nó chính xác là những gì chúng ta cần ; hoặc chúng ta viết một lá thư mà tình cờ lại đến đúng vào ngày sinh nhật của người nhận. Cuộc sống đầy những sự kiện bất ngờ, dù có thể không quan trọng, nhưng lại củng cố đức tin của chúng ta. Tất nhiên, tin rằng mọi chuyện sẽ luôn diễn ra như vậy là điều không thực tế. Sẽ có lúc những quan tâm này biến mất, cuộc đời thoải mái hạnh phúc ngừng lại và chúng ta cảm thấy như Thiên Chúa đang ẩn mình. Phải làm sao lúc đó ?

Thiên Chúa không thể là người câm hay điếc, Ngài luôn có điều gì đó để nói với chúng ta, Ngài là Lời được ban tặng liên tục. Khi chúng ta cảm thấy Ngài không trả lời, thực ra Ngài đang nói với chúng ta những điều mà chúng ta không ngờ tới. Chúng ta vẫn ở cấp độ nhỏ bé của mình, chờ đợi câu trả lời của Ngài, còn Ngài đáp lại chúng ta từ trên cao, theo cách sâu sắc hơn. Ngài đến gần chúng ta, Ngài vuốt ve chúng ta, nhưng do sự nặng nề của chúng ta, chúng ta không nhận ra điều đó.

Có thể khi chúng ta cảm thấy Ngài ẩn mình, Ngài muốn cho chúng ta cảm nhận rằng để hiểu Ngài hơn, chúng ta phải thay đổi cách chú ý. Việc Ngài không trả

lời chúng ta theo cách mà chúng ta mong đợi cho thấy Ngài khác xa so với những gì chúng ta tưởng tượng. Chúng ta đã coi Ngài như một đồng nghiệp ở văn phòng, khéo léo hơn chúng ta, có thể giúp chúng ta thoát khỏi rắc rối khi chúng ta cần, nhưng điều đó hoàn toàn sai lầm. Ngài là Đấng cao cả và huyền bí hơn rất nhiều so với những gì chúng ta có thể tưởng tượng.

Ngài nói với chúng ta theo cách thức và vào thời điểm Ngài muốn. Chúng ta không thể biết trước liệu Ngài có trả lời hay không, và nếu có thì Ngài sẽ trả lời như thế nào. Ngài là Đấng tự do và khó đoán.

Sự «im lặng» của Thiên Chúa không phải là một dấu hiệu xấu. Nếu chúng ta đón nhận «sự im lặng» của Ngài, và kiên trì lắng nghe, vào một lúc nào đó, Ngài sẽ bắt đầu nói với chúng ta bằng một ngôn ngữ dễ hiểu. Chính sự im lặng của Ngài nhắc nhở chúng ta rằng chúng ta phải tôn trọng Ngài rất nhiều, rằng Ngài là Đấng Ba Ngôi Thánh và Ngài vượt lên trên tất cả. Chính sự im lặng này dạy chúng ta cách gặp gỡ Ngài theo một cách khác ngoài «sự quan tâm» (chăm sóc, tế nhị, v.v.) và đối thoại, ví dụ như qua sự tôn thờ. Vậy hãy im lặng và cúi đầu thật sâu trước Đấng hoàn toàn khác biệt với chúng ta.

Khi sự im lặng của Thiên Chúa khiến chúng ta lo sợ, chúng ta cần đến gần nhất với những gì là khách quan, tức là những gì chúng ta biết về Ngài qua Lời Ngài, qua giáo huấn của Giáo Hội và qua sự sáng suốt của chúng ta. Điều này đủ để chúng ta tiếp tục tiến bước.

Và khi sự im lặng của Thiên Chúa kéo dài, chúng ta cũng có thể mắc phải những sai lầm về mặt hậu cần, những động tác vụng về, nhưng những điều này lại nằm trong kế hoạch của Thiên Chúa, bởi vì mọi thứ chúng ta làm, khi chúng ta thật lòng tin rằng đó là ý muốn của Ngài, thì sẽ *trở thành* ý muốn của Ngài, ngay cả khi kết quả có thể không như mong đợi. Điều quan trọng trước mặt Ngài không phải là thành công, mà là nỗ lực, sự cam kết và sự tận tụy mà chúng ta đặt vào công việc để đạt được thành công đó.

Trong trường hợp chúng ta *không bao giờ* nghe thấy tiếng nói của Thánh Thần, nếu chúng ta không cảm nhận được sự dẫn dắt của Ngài, thì hãy đặt câu hỏi về điều gì đó không ổn trong cuộc sống của mình. Có thể sự im lặng của Thiên Chúa chính là lỗi của chúng ta. Có thể chúng ta đã trở nên cứng tai, bởi vì lâu ngày không để cho tiếng nói của Thánh Thần và những cảm hứng của Ngài xoa dịu, khiến cho màng nhĩ của chúng ta bị tổn thương và trái tim chúng ta cũng đã trở nên cứng cõi,

không còn nhận ra những gì Thánh Thần thúc giục nữa.

Nhưng nếu chúng ta tiếp tục lắng nghe Ngài và tìm cách thực hiện ý muốn của Ngài, đến một lúc nào đó, sự tìm kiếm Thiên Chúa của chúng ta sẽ bớt mãnh liệt hơn, vì Ngài bắt đầu thực hiện ý muốn của Ngài trong chúng ta. Về vấn đề này, một trong những tín hữu của tôi đã viết : «Trước đây, tôi thường hỏi bạn : làm sao biết được Thiên Chúa muốn gì ? Hôm nay tôi biết từ kinh nghiệm rằng nếu sống trong một sự im lặng tôn trọng và mong muốn Thiên Chúa, Ngài sẽ để cho *thánh ý của Ngài hình thành trong chúng ta* và biến thành ý muốn của chúng ta.»

Tham khảo Kinh Thánh

Kinh Thánh là Lời Thiên Chúa được ban cho chúng ta trong suốt các thế kỷ ; điều này không có nghĩa là chúng ta có thể sử dụng Kinh Thánh một cách tùy tiện, khi thỉnh thoảng mở sách ra để xem nó khuyên bảo gì, hoặc chỉ chỉ tay vào một câu trong khi nhắm mắt như thể đó là một bản đồ, tự tin rằng những gì xuất hiện là thông điệp trực tiếp gửi đến chúng ta hoặc là điểm đến lý tưởng cho một chuyến đi thú vị.

Các văn bản thánh phải được đọc trong bối cảnh tổng thể, với nhận thức rằng những câu riêng lẻ không nên

được coi là áp dụng trực tiếp cho cá nhân hoặc tình huống trong cuộc sống của chúng ta, và đặc biệt không được lợi dụng. Đặc biệt khi đối diện với các quyết định quan trọng, việc sử dụng Kinh Thánh một cách bừa bãi là điều rất rủi ro. Tôi đã nghe kể về một người gặp khó khăn lớn, không biết tìm đâu ra sự giúp đỡ, bèn mở Kinh Thánh và chỉ tay vào một câu ; và câu đó là Mt 27, 5, nơi kể rằng Giuđa, trong tuyệt vọng vì đã phản bội Chúa Giêsu, đã ném 30 đồng bạc vào trong Đền Thờ rồi ra đi tự tử. Dĩ nhiên, người này không làm theo lời khuyên đó, mà thử lần nữa, lần này lại chỉ vào câu trong sách Luca : «*Ông hãy đi, và cũng hãy làm như vậy* ¹⁷⁴».

Vì vậy, không thể phủ nhận rằng nhiều người, trong số đó có những người thánh thiện nhất, đã tìm thấy người hướng dẫn và sự an ủi trong những lời «nhận được» như vậy từ Thiên Chúa. Ai lại muốn chế giễu họ ? Thiên Chúa không thấy có vấn đề gì khi đôi lúc chúng ta đến gần Ngài một cách qua loa. Kinh nghiệm cho thấy Ngài cũng chơi với chúng ta, cho phép chúng ta tìm thấy những câu nói thật sự giúp đỡ chúng ta hoặc chứa đựng thông điệp phù hợp với tình huống của mình, nhưng chúng ta không có đảm bảo rằng những lời tìm được theo cách này thật sự là sự bày tỏ ý muốn của Ngài.

174 Lc 10, 37.

Bốc thăm

Khi chúng ta bị buộc phải lựa chọn giữa nhiều khả năng tốt đẹp, liệu có công bằng không khi bốc thăm, cầu nguyện với Thiên Chúa để Ngài chỉ cho ta ý muốn của Ngài qua kết quả ?

Trong Tân Ước, và đặc biệt là trong sách Công vụ Tông đồ, chúng ta thấy một sự kiện dường như trả lời rõ ràng cho câu hỏi này. Khi các Tông đồ tìm kiếm một môn đệ trong cộng đoàn có thể thay thế chỗ mà Giuđa bỏ lại, hai cái tên được đề cử : Giuse, gọi là Barsabba, và Matthia. *«Họ rút thăm, thăm trúng ông Mát-thi-a: ông được kể thêm vào số mười một Tông Đồ¹⁷⁵».*

Việc phương pháp này chỉ xuất hiện một lần trong Tân Ước cho thấy rằng vào buổi đầu của Giáo hội, người ta không lạm dụng nó. Điều đó đồng thời cũng chứng tỏ rằng phương pháp này không hề bị loại trừ. Chúng ta nên nghĩ rằng, đôi khi, các thánh cũng đã dùng đến cách này để có được cái nhìn rõ ràng về con đường mà họ phải đi theo. Chẳng hạn, trong tập «Fioretti», Phanxicô Assisi kể lại một ngày kia, khi ông cùng với thầy Masseo đến một ngã ba đường mà không biết nên đi hướng nào. Phanxicô nói với Masseo : *«Hãy quay tròn người và đừng dừng lại cho đến khi tôi bảo».* Thầy

175 Cv 1, 26.

Masseo bắt đầu quay cho đến khi bị chóng mặt. Khi ấy Phanxicô hỏi : «Con đang nhìn về hướng nào ?» Masseo trả lời : «Về hướng Siena». Phanxicô liền thốt lên: «VẬY ĐÓ LÀ CON ĐƯỜNG MÀ CHÚA MUỐN CHÚNG TA ĐI».

Đôi khi, các thánh làm những điều khiến ta phải kinh ngạc và chúng ta không phải lúc nào cũng có thể bắt chước !

«Bốc thăm» không nên trở thành một phương tiện lựa chọn thường xuyên, nhưng đồng thời, tôi cũng không nỡ lên án những ai thỉnh thoảng sử dụng nó trong những tình huống cấp bách. Chẳng hạn, khi phải đưa ra một quyết định khó khăn, khi đã thử mọi cách mà không có kết quả, khi mọi lựa chọn đều chấp nhận được về mặt đạo đức, khi người ta cầu nguyện trước khi thực hiện việc bốc thăm, giống như các Tông đồ đã làm trước khi chọn Matthia, và trong trường hợp người ta không xem kết quả là biểu hiện tuyệt đối và đúng đắn của ý Chúa, mà sẵn sàng thay đổi nếu nhận ra mình đã sai.

Chương VII

Thánh Thần Là Chúa Và Là Đấng Ban Sự Sống

Thật là một đặc ân lớn lao khi mau chóng đáp lại lời mời gọi của Thánh Thần, Đấng hướng dẫn thiêng liêng của chúng ta, và chạy đến với Ngài bằng những lời của tác giả Thánh vịnh : «*Lạy CHÚA, đường nẻo Ngài, xin dạy cho con biết, lối đi của Ngài, xin chỉ bảo con. Xin dẫn con đi theo đường chân lý của Ngài và bảo ban dạy dỗ* ¹⁷⁶». Đó cũng là một hồng ân lớn lao khi ta bắt đầu bước đi trên con đường mà ta đã thấy lờ mờ dưới ánh sáng những gọi hứng của Ngài.

Không chỉ là người hướng dẫn, Thánh Thần còn là Đấng ban sự sống cho chúng ta. Nếu chúng ta xin Ngài dạy cho ta đường lối của Ngài để ta có thể chỉnh sửa hướng đi của mình, thì điều đó vẫn giống như thể ta là những nhân vật chính. Nhưng khi ta quay về với Ngài như là «Đấng ban sự sống», thì lúc đó ta trở thành đối tượng và Ngài là chủ thể của sự dẫn thân.

Do đó, không có sự mâu thuẫn nào giữa vai trò là người hướng dẫn và vai trò là Đấng ban sự sống. Việc

176 Tv 25, 4-5.

đi theo sự hướng dẫn của Thánh Thần trước hết bao hàm việc hoàn toàn gắn bó với những nhiệm vụ mà Ngài gọi hứng cho ta qua những trực giác sâu thẳm nhất của ý chí ta. Nhưng, khi sự đón nhận của ta ngày càng sâu sắc hơn, thì ta dần dần chuyển từ việc chấp nhận một nhiệm vụ sang việc gắn bó với chính Thánh Thần. Nghĩa là không chỉ gắn bó với việc để Ngài làm người hướng dẫn, mà còn gắn bó với chính Ngài như một ngôi vị và hoàn toàn phó thác vào tay Ngài. Lời cầu nguyện của ta : «Xin hướng dẫn con theo sự thật của Ngài và *dạy dỗ con*» ngày càng rõ ràng trở thành : «Xin hướng dẫn con theo sự thật của Ngài và làm cho con ở lại trong sự thật ấy», vì thật vậy, trọng tâm của đời sống ta, vốn trước đây đặt nơi ta, nay đã chuyển về nơi Ngài.

Tạo dựng mới của Thánh Thần

Thánh Thần là Đấng ban sự sống, là Đấng Tạo Dựng, và vì thế Ngài tham dự vào hoạt động sáng tạo của Thiên Chúa, như Hans Urs von Balthasar đã nhấn mạnh.

Chúng ta biết rằng «*Thần Khí Thiên Chúa bay lượn trên mặt nước*» (St 1,2) khi trái đất còn hoang vu, trống rỗng, khi ánh sáng chưa có, mặt trời, mặt trăng và các ngôi sao chưa xuất hiện. Nhưng dù Thánh Thần hiện diện trong công trình sáng tạo đầu tiên, chúng ta biết đó là công trình của Chúa Cha. Còn Thánh Thần là Đấng

chịu trách nhiệm cho cuộc tạo dựng lần thứ hai : toàn bộ sự đổi mới của thụ tạo mà Ngài không ngừng biến đổi, làm mới, *tái tạo*. Ngài làm sống lại mọi thứ đang tàn lụi, ban sự bền vững cho điều phù du, và biến điều trần tục thành điều thiên quốc.

Các khái niệm được diễn tả qua các từ tạo dựng, sáng tạo, mới mẻ và đổi mới, xuất hiện thường xuyên trong Tân Ước, bắt đầu từ các thư của thánh Phaolô - người không ngừng ca ngợi công trình của Thánh Thần :

«Anh em phải để Thần Khí đổi mới tâm trí anh em, và phải mặc lấy con người mới, là con người đã được sáng tạo theo hình ảnh Thiên Chúa để thật sự sống công chính và thánh thiện ¹⁷⁷».

«Anh em đừng có rập theo đời này, nhưng hãy cải biến con người anh em bằng cách đổi mới tâm thần, hầu có thể nhận ra đâu là ý Thiên Chúa: cái gì là tốt, cái gì đẹp lòng Chúa, cái gì hoàn hảo ¹⁷⁸».

«Cho nên, phàm ai ở trong Đức Ki-tô đều là thọ tạo mới. Cái cũ đã qua, và cái mới đã có đây rồi ¹⁷⁹».

177 Ep 4, 23-24.

178 Rm 12, 2.

179 2 Cr 5, 17.

«Vì được chìm vào trong cái chết của Người, chúng ta đã cùng được mai táng với Người. Bởi thế, cũng như Người đã được sống lại từ cõi chết nhờ quyền năng vinh hiển của Chúa Cha, thì chúng ta cũng được sống một đời sống mới¹⁸⁰».

Và cho đến những đoạn cuối cùng trong sách Khải Huyền : *«Bấy giờ, tôi thấy trời mới đất mới¹⁸¹».*

Thánh Thần thi hành vai trò tạo dựng và ban sự sống theo nhiều cách khác nhau.

Thánh Thần làm cho đức tin trở nên sống động

Trước hết, Ngài làm cho những công thức trừu tượng trong Kinh Tin Kính của các Tông đồ trở nên cụ thể. Thật vậy, điều gì cụ thể thì sống động, còn điều gì trừu tượng thì xa rời thực tại vốn đầy sức sống. Thánh Thần biến các khái niệm trừu tượng thành những hình ảnh cụ thể : đó là một trong những đặc ân của Ngài, đánh thức và kích thích trí tưởng tượng của ta để giúp ta biến các khái niệm thành hình ảnh cụ thể.

Thật sự có một sự khác biệt rõ ràng giữa việc nói về sự hiện diện của Thiên Chúa một cách trừu tượng và việc khẳng định Ngài một cách cụ thể, như thánh

180 Rm 6, 4.

181 Kh 21, 1.

Catarina đã làm chứng : «Tôi đang bơi trong một biển ánh sáng và tình yêu». Khi nghe rằng Thiên Chúa là Cha của chúng ta, chúng ta có thể hiểu từ «cha» một cách trừu tượng, bao dung, đầy thiện chí, hoặc hiểu một cách cụ thể khiến ta cảm thấy an toàn và nhận lại được sự che chở, tình thương mà ta từng cảm nhận khi còn bé trong vòng tay của người cha trần thế. Trong trường hợp đó, chúng ta dễ dàng đồng cảm với lời trong Thánh vịnh 73: «*Thật con ở với Chúa luôn, tay con Ngài nắm chẳng buông chẳng rời* ¹⁸²» hoặc Thánh vịnh 139 : «*Ngài bao bọc con cả sau lẫn trước, bàn tay của Ngài, Ngài đặt lên con* ¹⁸³». Thật sự có một sự khác biệt căn bản giữa khái niệm trừu tượng về người Cha và thực tại cụ thể mà các Thánh vịnh mang lại cho chúng ta.

Thánh Thần làm cho điều mang tính chung trở nên mang tính cá nhân. Những gì Kinh Thánh kể lại về tình yêu của Thiên Chúa dành cho con người trở nên liên hệ trực tiếp đến từng người chúng ta, cũng giống như khi thay vì nói «Thiên Chúa yêu các bạn», người ta mời gọi chúng ta lặp lại : «Thiên Chúa yêu tôi».

Thánh Phaolô, khi muốn giải thích cho các tín hữu Galát về một mối quan hệ cá nhân, riêng biệt với Thiên

182 Tv 73, 23.

183 Tv 139, 5.

Chúa, đã dùng công thức : «*Con Thiên Chúa, Đáng đã yêu mến tôi và hiến mạng vì tôi*¹⁸⁴». Việc ông dùng ngôi số ít thay vì số nhiều, nói «đã yêu tôi» thay vì «đã yêu chúng ta», là một cuộc cách mạng về cảm thức. Tin Mừng, nhờ công trình của Chúa Thánh Thần, đến với chúng ta qua thánh Phaolô một cách mang tính cá nhân hóa, khiến tôi cảm thấy hạnh phúc và làm mới lại cuộc đời tôi.

Chính nhờ hành động của Chúa Thánh Thần mà điều trước đây tưởng như vắng mặt và xa cách giờ đây lại tiến gần và trở nên thân cận. Thánh Thần thực hiện công trình *an ủi* của mình mà không chiếm chỗ của Đức Kitô, nhưng làm cho Đức Kitô hiện diện trong chúng ta và trong thế giới. Vì thế, những gì tưởng chừng xa xôi về mặt không gian và thời gian giờ đây tiến lại gần và được tái hiện. Không chỉ là chính Đức Kitô, mà cả cái chết của Ngài, sự phục sinh của Ngài, Nước Trời, và những biến cố nền tảng thuộc về một quá khứ rất xa xưa, tất cả đều trở nên hiện tại nhờ Thánh Thần. Thực tại mà chúng ta đang sống bao trùm toàn bộ đường cong của mầu nhiệm thần linh. Chúng ta bắt đầu ném trái sự sống đời đời.

184 Gl 2, 20.

Lòng can đảm

Thánh Thần làm sống lại điều có nguy cơ tàn lụi và ban cho chúng ta lòng can đảm.

«Vì Thiên Chúa đã chẳng ban cho chúng ta một thần khí làm cho chúng ta trở nên nhút nhát, nhưng là một Thần Khí khiến chúng ta được đầy sức mạnh, tình thương, và biết tự chủ¹⁸⁵» thánh Phaolô đã viết như thế. Chúng ta có thể lấy câu này làm châm ngôn để canh tân đời sống mình, vì cám dỗ lớn nhất là nỗi sợ hãi, sợ phải đầu hàng, sợ mất khả năng hành động. Nhưng nếu người ta sống trong Thánh Thần, thì sẽ không bị lạc lối, và lòng can đảm sẽ không bao giờ cạn kiệt.

Các sách Tin Mừng và Công vụ Tông đồ cho thấy Thánh Thần đã truyền cho các môn đệ một năng lượng mạnh mẽ đến mức nào. Trước biến cố Hiện Xuống, các ông sợ hãi đến mức phải trốn trong phòng Tiệc Ly vì đã phản bội Thầy yêu dấu của mình (thánh Phêrô đã chối Chúa ba lần trước khi gà gáy), và vì sợ người Do Thái nên họ đóng kín mọi cửa¹⁸⁶. Sau khi Thánh Thần ngự xuống trên từng người họ như những ngọn lửa hồng, họ mạnh dạn xuất hiện trước đám đông thù địch để làm chứng về Đức Kitô, một cách tự do và chân thành.

185 2 Tm 1, 7.

186 Xem Ga 20, 19.

Thường thì, để nói một cách thẳng thắn, người ta cần một chút say mới dám làm chứng và chính là «con say thánh thiện» của Thánh Thần đã truyền cho họ sự can đảm để nói và hành động. Họ cảm thấy được nâng đỡ bởi một nguồn năng lượng mới cho phép họ nói ra tất cả, điều mà Tân Ước gọi là *parrhesia*, từ *panrhema*, nghĩa là «mọi lời nói».

Thánh Phaolô, cũng chia sẻ cùng một lòng nhiệt thành, đã viết :

«Vì có một niềm hy vọng như thế mà chúng ta thật vững dạ an lòng. Chúng ta không làm như ông Mô-sê lấy màn che [...]. Nhưng khi người ta quay lại với Chúa, thì tấm màn mới được cất đi. Chúa là Thần Khí, và ở đâu có Thần Khí của Chúa, thì ở đó có tự do ¹⁸⁷».

Thánh Thần là chính sự sống của bạn

Thánh Thần, Đấng ban sự sống cho mọi sự, cũng chính là *đời sống thiêng liêng của chúng ta*. «Một mối quan hệ yêu thương - Søren Kierkegaard đã viết - luôn có ba nhân vật : người yêu, người được yêu và tình yêu. Mà tình yêu đó chính là Thiên Chúa». Vì là Tình Yêu trong Thiên Chúa, nên Thánh Thần cũng muốn trở thành tình yêu nơi mỗi người chúng ta, để, nói theo

187 2 Cr 3, 12-13 ; 16-17.

cách của thánh Phaolô, chúng ta có thể thốt lên : «Tôi yêu, nhưng không còn là tôi nữa, mà là Đức Kitô yêu trong tôi ¹⁸⁸».

Câu chuyện sau đây cho thấy cả các vị Thánh phụ sa mạc cũng gặp khó khăn trong việc hiểu đúng giá trị đích thực của các ân huệ thiêng liêng.

Abba Lot đến tìm lời giải thích nơi Abba Joseph. Ông nói : «Con đọc kinh sáng và tối hết sức mình, con ăn chay, con suy niệm và giữ tỉnh lặng để thanh luyện tư tưởng. Con còn có thể làm gì nữa không ?» Abba Joseph đứng dậy, giơ tay lên trời, các ngón tay ông biến thành những ngọn lửa sáng rực, rồi nói : «Nếu con muốn, *hãy thử trở thành chính ngọn lửa*».

Hai cách tiếp cận được nêu trong dụ ngôn này cho thấy hai cách rất khác nhau để tiếp cận mầu nhiệm Thiên Chúa. Abba Lot tuân theo những quy tắc mà ông tự đặt ra để tiến bước trên con đường thiêng liêng. Trong khi đó, Abba Joseph, ngoài việc ăn chay và cầu nguyện, còn luôn luôn và mãnh liệt khao khát được bùng cháy trong tình yêu.

Chúng ta đã nói rằng Thánh Thần, như ngọn lửa của tình yêu, khi hiệp nhất với chúng ta, thì có xu hướng

188 Xem Ga 2, 20.

đốt cháy toàn bộ đời sống chúng ta. Chính Ngài chăm sóc mọi điều liên quan đến đời sống thiêng liêng của ta, nhưng vẫn để ta tham gia cách chủ động, để ta cũng có thể thừa như Đức Maria : «*Xin xảy ra cho con như lời sứ thần nói*». Thánh Thần dẫn chúng ta đến sự hiệp nhất với Thiên Chúa, Ngài khơi lên trong ta một cơn khát mà bản thân nó đã là một lễ dâng, lễ dâng của mọi niềm vui trần thế, bất kể là gì. Và về những người đã đạt đến sự hiệp nhất ấy, thánh Gioan Thánh Giá nói rõ :

«Mọi chuyển động của những linh hồn ấy đều là thần linh, hoặc đúng hơn, vừa là thần linh vừa là nhân loại, bởi vì chính Thiên Chúa đã khơi dậy chúng, khi thấy con người khao khát và đồng thuận với điều đó ¹⁸⁹».

Sự tương tác giữa mối tương quan của con người và Thiên Chúa được thể hiện rõ trong những câu thơ của Gun Jalmo ¹⁹⁰ :

«Dòng sông là của Ngài,
Bờ bãi là của con.
Rượu nồng là của Ngài,

189 *Ngọn lửa sống động của tình yêu B,1,9*. Trong cùng đoạn văn đó, thánh Gioan Thánh Giá định nghĩa sự kết hiệp này như là «lễ hội của Thánh Thần» được «cử hành trong tận cùng bản thể của linh hồn».

190 Nhà thơ Thụy Điển.

Chiếc chén là của con.
 Niềm vui là của Ngài,
 Lời ca ngợi là của con.
 Ánh sáng là của Ngài,
 Tia sáng là của con.
 Sự sống là của Ngài,
 Nhịp đập là của con».

Nếu chúng ta mong muốn Thánh Thần «hiệp nhất» với đời sống mình, thì chúng ta cần chấp nhận phụ thuộc vào Ngài, và vì thế, phải từ bỏ *principium individuationis*¹⁹¹ của mình, nguyên lý cá biệt hóa, tức cái tôi tự trị. Trong trường hợp *việc lệ thuộc* khiến chúng ta cảm thấy nặng nề, hãy nhớ rằng thuộc về Một Đấng Khác là một dấu chỉ của sự tuyển chọn.

Con đường thiêng liêng của nhận thức luôn đi kèm với sự kinh ngạc : «*Ai tìm cách giữ mạng sống mình, thì sẽ mất; còn ai liều mất mạng sống mình, thì sẽ bảo tồn được mạng sống* ¹⁹²». Sự trao đổi được Tin Mừng nêu lên là điều hoàn toàn có lợi cho chúng ta, vì cái mà chúng ta mất đi là cuộc sống ngắn ngủi mà ta đang tiêu hao như những kẻ sở hữu nó giữa đám cỏ dại trên thửa ruộng khép kín của mình, còn cái mà chúng ta nhận

191 Nguyên lý cá biệt hóa theo Schopenhauer

192 Lc 17, 33.

được là sự sống phong phú của Thánh Thần trong ta.

Không cần phải có nhiều kinh nghiệm hay đạt đến mức trưởng thành nhất định mới có thể bắt đầu «đánh mất» đời sống mình. Có thể chúng ta chưa thể làm điều đó một cách liên tục, nhưng hãy bắt đầu một chút mỗi lần, rồi dần dần ngày càng thường xuyên hơn, bằng cách vứt bỏ đằng sau mình cái mệnh lệnh tuyệt đối từng điều khiển ta : cái «tôi muốn», «tôi phải», vốn là quy luật sống của ta. Hãy gác lại mọi nỗ lực nhằm tự hiện thực hóa mình, vì chỉ có Thiên Chúa mới có thể hoàn thành những dự án như thế. «Rồi cuối cùng bạn sẽ chẳng còn là ai cả, - Lars Gyllensten ¹⁹³ viết - chính vì bạn đã tiêu hao tất cả năng lượng để trở thành một ai đó».

Ngay cả khi bạn chỉ mới bắt đầu, hãy buông mình ra ; ai biết được, có thể bạn sẽ đột nhiên cảm nhận được một sự tràn ngập của sự hiện diện thiêng liêng, vì Thiên Chúa đôi khi thích ban cho ta nếm thử trước điều chờ đợi phía trước. Sự nôn nóng của Thiên Chúa rất thành thạo trong việc ban những kinh nghiệm sớm này, và chúng là những khích lệ quan trọng, vì chúng cho ta thấy rõ rằng nếu ta đánh mất mạng sống mình, thì thật ra ta chẳng hề thua thiệt gì.

¹⁹³ Tiểu thuyết gia người Thụy Điển, thành viên của Viện Hàn lâm Thụy Điển, qua đời năm 2006.

Làm thế nào để rèn luyện trong đời sống mới

Sống với lời hứa rằng *«không còn là tôi sống nữa, mà là Thánh Thần sống trong tôi»* đòi hỏi một thái độ nội tâm và sự rèn luyện trong cầu nguyện, nhất là cầu nguyện chiêm niệm, vốn làm mới lại ý thức về sự hiện diện của Thiên Chúa.

Đối với thánh Phaolô, chính Thánh Thần là Đấng cầu nguyện trong ta :

«Hơn nữa, lại có Thần Khí giúp đỡ chúng ta là những kẻ yếu hèn, vì chúng ta không biết cầu nguyện thế nào cho phải ; nhưng chính Thần Khí cầu thay nguyện giúp chúng ta, bằng những tiếng rên siết khôn tả¹⁹⁴». Và còn: *«Để chứng thực anh em là con cái, Thiên Chúa đã sai Thần Khí của Con mình đến ngự trong lòng anh em mà kêu lên : «Áp-ba, Cha ơi !»¹⁹⁵».*

Thay vì cố gắng giành lấy công trạng và vinh dự cho riêng mình, chẳng phải sẽ khôn ngoan hơn nếu ta chấp thuận sự can thiệp của Thiên Chúa và biết ơn đón nhận lời cầu nguyện hoàn hảo đang vang vọng trong chúng ta sao ? Ở đây cũng đúng với châm ngôn : Đừng tìm kiếm ở nơi khác điều mà bạn đang có ngay trước mắt mình,

194 Rm 8, 26.

195 Gl 4, 6.

ngoại trừ ở đây, điều chúng ta đang tìm kiếm không nằm bên ngoài, mà ở sâu trong nội tâm !

Điều đó, xét về thực hành, có nghĩa là, trong khoảng thời gian dành cho cầu nguyện, thay vì để mình bị cuốn theo âm thanh của tiếng nói mình, hãy học cách *lắng nghe*, không chỉ là những trực giác hướng dẫn hành động (vì điều đó ta đã làm một cách tự nhiên), mà là lắng nghe dòng chảy lớn của sự sống, nghĩa là hãy học cách *trở thành*, thay vì làm. Và để rèn luyện mình tốt hơn trong đời sống mới này, hãy sử dụng trí tưởng tượng. Có thể lời cầu nguyện của chúng ta sẽ được nâng lên đến trời cao nếu chúng ta để mình được nâng đỡ bởi ba biểu tượng về Thánh Thần mà chính Chúa Giêsu đã trao ban :

1. «*Thánh Thần như làn gió* ¹⁹⁶»

Hãy để Ngài thổi trên chúng ta và lấp đầy chúng ta, quét sạch mọi bụi bẩn đã tích tụ. Chúng ta có thể hướng về Ngài qua những vần thơ của thánh Gioan Thánh Giá về «gió» :

«Hãy đến, ôi làn gió dịu êm,
Người hứa hẹn những cuộc gặp gỡ tình yêu,

¹⁹⁶ Ga 3, 8.

Hãy đến và thổi trong khu vườn của ta ¹⁹⁷».

«Thần khí của Ngài, làn hơi con hít thở,
Mạnh mẽ và trong sáng,
Khởi lên một tình yêu không gì sánh được ! ¹⁹⁸»

Chúng ta hãy lặp đi lặp lại những câu này, để chúng tượng trưng cho Thánh Thần thổi trong chúng ta theo nhịp thở của chính mình.

2. Thánh Thần như nước

«Còn ai uống nước tôi cho, sẽ không bao giờ khát nữa. Và nước tôi cho sẽ trở thành nơi người ấy một mạch nước vọt lên, đem lại sự sống đời đời ¹⁹⁹». Mạch nước ấy đang hiện diện trong mỗi người chúng ta. Hãy lắng nghe tiếng nước tuôn trào và dòng chảy bất kham của nó, hãy uống cho đã cơn khát và say sưa trong dòng nước ban sự sống ấy.

3. Thánh Thần như lửa

Vào ngày Lễ Hiện Xuống, Thánh Thần ngự xuống trên các Tông Đồ dưới hình dạng những lưỡi lửa ²⁰⁰.

197 Thánh thi thiêng liêng A, khổ 26.

198 Ngọn lửa sống động tình yêu, khổ 4.

199 Ga 4, 14.

200 Xem Cv 2, 3.

Ghi nhớ trình thuật ấy, chúng ta hãy cố gắng lặn sâu vào cõi nội tâm, cho đến khi để cho ngọn lửa đang cháy trong ta chạm đến ta «một ngọn lửa sống động của tình yêu».

Hãy luôn ghi nhớ rằng, nơi trung tâm của bản thể chúng ta, luôn cháy một lò lửa tình yêu. Đừng chỉ dừng lại ở việc sưởi ấm đôi chút, mà không dám đến gần hơn; hoặc nếu ta đã lỡ đến gần trong một bước chân vụng về, thì cũng đừng vội bỏ chạy vì sợ bị bỏng, mà hãy tự nguyện gieo mình vào đó, hoàn toàn ý thức và *kết hợp* với lửa ấy.

Hãy để thánh Gioan Thánh Giá một lần nữa truyền cảm hứng cho chúng ta :

«Ôi ngọn lửa sống động của tình yêu
 Người dịu dàng đâm xuyên
 Nơi sâu kín nhất của linh hồn ta.
 Không còn khắc nghiệt nữa,
 Nếu người muốn, hãy hoàn tất,
 Hãy xé toang tấm màn cho cuộc gặp gỡ hạnh phúc này.

Ôi vết thương êm ái,
 Ôi dấu ấn dịu dàng,
 Ôi bàn tay vuốt ve, ôi chạm nhẹ ngọt ngào,

Người mang hương vị sự sống đời đời,
Và người trả hết mọi nợ,
Giết chết bằng cái chết mà lại sinh ra sự sống ²⁰¹».

«Đừng dập tắt Thánh Thần ²⁰²», thánh Phaolô nhắc nhở chúng ta, khuyên ta đừng sống như thể ngọn lửa đã tắt. Ngay cả khi chúng ta không thể làm ánh sáng rực rỡ bùng lên, vì ta thậm chí còn chẳng biết làm sao để nhóm lửa, thì sự bất lực của chúng ta cũng đừng là một cản trở, bởi ánh sáng ấy vẫn đang chiếu sáng, bất kể chúng ta.

Chúa Thánh Thần không chỉ cho phép ngọn lửa cháy rực chỉ ở trung tâm linh hồn chúng ta. Ngài mong muốn tỏa sáng và làm rạng rỡ toàn bộ con người ta, để bên cạnh ngọn lửa ẩn sâu trong lòng tim, toàn bộ chúng ta đều trở thành một ngọn lửa sống động và rực rỡ của tình yêu.

201 Thánh Gioan Thánh Giá, Ngọn lửa sống động của tình yêu B, hai khổ đầu.

202 1 Tx 5, 19.

Chương VIII

Bạn Có Nghe Gió Thổi Không ?

Có thể nào ta là trung tâm của sự chú ý mà không nhận ra điều đó ?

Có thể nào ta hoàn toàn phụ thuộc vào Chúa Thánh Thần mà không ý thức được ?

Bởi vì những điều này và nhiều điều kỳ diệu khác xảy ra mà ta không hay biết, tôi muốn chia sẻ câu chuyện về một cuộc trò chuyện giữa Motovilov và Thánh Séraphim de Sarov (1759-1833).

Câu chuyện của Motovilov ²⁰³

Tuyết rơi : những bông tuyết to xoay tròn trong không khí, và vùng đồng quê xung quanh phủ đầy một lớp tuyết dày. Ở trong một thung lũng rừng cây, Cha Séraphim mời tôi ngồi trên một thân cây gần bên. «Chúa đã tiết lộ cho con, ngài nói, rằng từ khi con còn nhỏ, con đã mong muốn biết mục đích của đời sống Kitô giáo là gì. Người ta khuyên con nên đi nhà thờ, cầu nguyện và

203 I. Gorainoff, Séraphim de Sarov, cuộc đời ngài, kèm theo cuộc trò chuyện với Motovilov, Nhà xuất bản Tu viện Bellefontaine.

sống theo các điều răn của Chúa, vì đó là những gì một Kitô hữu tốt phải làm. Nhưng con cảm thấy đó chỉ là những phương tiện, chứ không phải mục đích của đời sống. Giờ đây, ta nói với con rằng mục đích thật sự của đời sống Kitô giáo là đạt được Chúa Thánh Thần của Thiên Chúa».

«Thưa Cha, tôi nói, Cha luôn nói về việc đạt được ơn Chúa Thánh Thần như mục đích của đời sống Kitô giáo. Nhưng làm sao con có thể nhận ra ơn đó ? Những việc lành thì thấy được. Nhưng Chúa Thánh Thần có thể nhìn thấy không ? Làm sao con biết Ngài có trong con hay không ?»

«Dù chúng ta có ngã nhiều lần và sống trong bóng tối, ơn Chúa Thánh Thần mà ta nhận lãnh khi chịu phép rửa vẫn tỏa sáng trong lòng ta. Ngài hiện ra như ánh sáng không thể tả cho tất cả những ai chứng kiến các công trình của Thiên Chúa. Ví dụ, các Tông Đồ nhận ra sự hiện diện của Thánh Thần qua các giác quan của họ».

Tôi hỏi ngài : «Làm sao con cũng có thể hưởng được sự hiện diện thần thánh này ?»

Séraphim ôm tôi vào vai một cách trìu mến và nói :
«Con của tôi, hãy biết rằng cả hai chúng ta, con và tôi, đều tràn đầy Chúa Thánh Thần. Tại sao con lại cúi mặt, tại sao không nhìn tôi ?»

«Con không thể, Cha ơi, nhìn Cha được. Có những tia chớp phát ra từ mắt Cha. Gương mặt Cha sáng hơn cả mặt trời. Con đau mắt...»

«Đừng sợ, con của Thiên Chúa, vì con cũng đang tỏa sáng với ánh sáng ấy. Con cũng vậy, dù nghĩ rằng không thể nhìn tôi, con đang đầy ắp Chúa Thánh Thần».

Tôi quay sang nhìn ngài và kinh ngạc. Cảm giác như mặt trời đã chiếu sáng rực rỡ với cường độ trưa hè trên gương mặt người đàn ông đang nói chuyện với tôi. Tôi nhìn thấy môi ngài chuyển động và ánh mắt ngài biểu lộ, nghe giọng nói, cảm nhận cánh tay ngài trên vai mình, nhưng không thấy cánh tay hay gương mặt vì chúng bị bao phủ bởi một ánh sáng chói lòa, cũng chiếu sáng cả vùng tuyết trắng trước mặt chúng tôi và lấp lánh trong những bông tuyết đẹp rơi như bụi vàng.

«Con cảm thấy thế nào ?» Cha Séraphim hỏi.

«Linh hồn con tràn đầy một sự im lặng và bình yên không thể diễn tả được».

«Còn điều gì khác không ?»

«Một niềm vui phi thường trong toàn bộ trái tim con».

«Niềm vui con cảm nhận chẳng là gì so với những gì đã được nói : *«Điều mắt chẳng hề thấy, tai chẳng hề nghe, lòng người không hề nghĩ tới, đó lại là điều Thiên Chúa đã dọn sẵn cho những ai mến yêu Người»*. (1 Cr 2, 9) Giờ đây, chúng ta đã được ban cho phần đầu của niềm vui mà không ai có thể chứng thực. Con còn cảm thấy gì nữa, người bạn của Thiên Chúa ?»

«Con cảm thấy rất nhiều hơi ấm ... »

«Làm sao điều đó có thể, con của tôi ! Chúng ta đang ở trong rừng, mùa đông, và giày của con đang lún trong tuyết. Đó là hơi ấm gì mà con có thể cảm nhận được ?»

«Giống như con đang ngâm mình trong một bồn tắm nước nóng, và còn có một mùi hương mà con chưa từng ngửi bao giờ».

«Tôi biết điều đó, và đó chính là lý do tại sao tôi đã yêu cầu con như vậy. Mùi hương thấm vào con chính là Thánh Linh của Thiên Chúa, và hơi ấm mà con nói không phải từ không khí, mà đến từ bên trong chính con. Khi các ẩn sĩ học cách tự sưởi ấm bằng hơi ấm này, họ không còn sợ cái lạnh khắc nghiệt của mùa đông

nữa, họ nhận ra mình được bảo vệ và mặc lấy một ân sủng đặc biệt. Nước Thiên Chúa ở trong chúng ta, và điều kiện mà chúng ta đang có lúc này chính là bằng chứng cho điều đó. Giờ con hiểu ý nghĩa của việc : được đầy đầy Thánh Linh rồi chứ».

Kinh nghiệm và cảm xúc

Triết học cổ đại và trung cổ không bàn luận nhiều về các cảm giác và cảm xúc ; đối với Aristotle, rồi sau đó là Thomas Aquinas và trường phái Scholastic, điều quan trọng nhất đối với con người là trí tuệ và thiện chí. Các triết gia và nhà thần học tất nhiên cũng nhận biết được những ham muốn, nỗi sợ, niềm vui, nỗi buồn mà con người phải trải qua, và họ gọi đó là các đam mê, đặt chúng vào cấp độ bản năng mà con người chia sẻ với loài vật.

Ngược lại, đối với các triết gia thời nay, những cảm giác này rất quan trọng. Martin Heidegger nhấn mạnh tầm quan trọng của chức năng cảm xúc, vì nó làm cho toàn bộ mối quan hệ với sự tồn tại trở nên hiện diện. Ông cho chúng ta thấy rằng khi suy nghĩ và làm việc, tầm nhìn của chúng ta bị thu hẹp lại chỉ còn lĩnh vực của những suy tư hoặc hoạt động đang chiếm tâm trí ta. Thực tế, trong những tình huống đó, chúng ta tập trung vào một mảnh nhỏ của cuộc sống và chỉ đối mặt

với một phần rất nhỏ của thực tại. Ngược lại, cảm xúc không chỉ kết nối chúng ta với toàn bộ sự tồn tại mà còn làm sáng tỏ kiểu quan hệ mà ta có với nó.

«Ngày hôm nay, tôi chỉ là sự sinh ra ²⁰⁴», André Malraux viết đầy nhiệt huyết. Đây là câu nói như làm tăng thêm ánh sáng của sự tồn tại, về lòng nhân ái của thế giới, và hứa hẹn một tương lai nơi mọi thứ đều có thể. Ở đây, rõ ràng một sự kiện đơn giản như ngủ ngon và thức dậy cùng ánh mặt trời và tiếng chim hót đã khơi lên tia lửa và ảnh hưởng tích cực đến mối quan hệ của tác giả với cuộc sống. *Mọi thứ* với ông trở nên khác biệt. Nhưng tương tự, điều ngược lại cũng xảy ra với một sự bất tiện nhỏ: một khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm có thể hoàn toàn thay đổi cách chúng ta đối diện với thực tại. Khi đó, môi trường sống của ta thu hẹp lại, ta cảm thấy bị bỏ rơi, cảm giác may mắn đã rời bỏ mình, tương lai trở nên vô vọng. *Mọi thứ* dường như hoàn toàn khác biệt. Không khó để nhận ra chân lý sâu sắc trong phân tích của Heidegger, người đặt cảm xúc lên hàng đầu. Thực ra, chính cách chúng ta xử lý các sự kiện, kể cả trong mối quan hệ với Thiên Chúa, là như vậy. Tất nhiên, đối với trạng thái tâm hồn của người đang tìm việc và gặp khó khăn, những điều dường như không thể vượt qua, ta vẫn có thể cố gắng nhìn nhận

mọi chuyện với cái nhìn tích cực. Nhưng trong một số trường hợp, dường như có điều gì đó mạnh hơn lý trí chặn đứng dòng chảy của niềm tin và khiến ta rơi vào cảm giác tiêu cực. Thực tế, cảm xúc có thể mạnh mẽ đến mức chúng hoàn toàn lấn át mọi nỗ lực lý trí. Đôi khi, ngay cả cuộc sống cũng có vẻ như vô nghĩa, đến mức đức tin cũng không thể ngăn cản những chuyển động tự sát trong tâm hồn. Khi đó, cảm xúc mạnh hơn ý chí và không được xem thường, vì dù ta không muốn, chúng có thể kéo ta vào làm những việc mà ta không muốn thực hiện.

Theo Freud, câu tuyên bố nổi tiếng của Descartes : *cogito ergo sum* («Tôi tư duy, nên tôi tồn tại») là sai lầm. Đối với người sáng lập phân tâm học, người đã chứng minh rõ ràng về rủi ro và sự ưu thế của cảm xúc, câu đúng phải là : tôi cảm nhận (tôi trải nghiệm cảm xúc, cảm giác), nên tôi tồn tại.

Còn Kinh Thánh nói gì ?

Kitô giáo là một tôn giáo được xây dựng trên sự Mặc Khải. Chúng ta, những người theo đạo Kitô, tin vào một Thiên Chúa đã xuống thế gian loài người, nơi Ngài đã tự tỏ mình ra, không chỉ truyền đạt giáo lý, mà còn tự làm cho người ta biết đến Ngài *một cách cá nhân*. Chúa Giêsu, Con Thiên Chúa nhập thể, chưa từng nói

rằng sự tồn tại của người Kitô hữu là một cuộc lang thang trong sa mạc. Nếu đó là điều chúng ta nghĩ và truyền đạt cho người khác, nếu chúng ta hiểu sai tôn giáo mình như một «sự từ chối cuộc sống», thì không nên ngạc nhiên khi người ta quay lưng lại với chúng ta và tìm đến những cách sống truyền thống khác hứa hẹn sự bình yên và mang lại kết quả. Người rời bỏ trại không phải là chống lại Kitô giáo, mà là chống lại một cách hiểu sai về Kitô giáo và chống lại một tôn giáo có vẻ đã cũ kỹ vì nó đã mất đi tính nguyên bản.

Với những ai đi theo Người, Giêsu đã hứa ban bình an, niềm vui và sự viên mãn của cuộc sống, vốn là những cảm giác ai cũng có thể đạt được. Hơn nữa, những người đau khổ và bị áp bức đến với Người sẽ tìm được sự an ủi và nghỉ ngơi cho tâm hồn mình : «*Vì ách tôi êm ái, và gánh tôi nhẹ nhàng* ²⁰⁵».

Phần lớn những lời hứa trong Tân Ước liên quan đến các trạng thái tâm hồn : với chút thiện chí, ta có thể mỗi ngày trải nghiệm việc thấy những «*dòng nước hằng sống* ²⁰⁶» tuôn trào hoặc trở thành «*tạo vật mới*» như thánh Phaolô nói «*Cho nên, phàm ai ở trong Đức Kitô đều là thọ tạo mới* ²⁰⁷». Đáng tiếc, ngày nay nhiều

205 Mt 11, 30.

206 Ga 7, 38.

207 2 Cr 5, 17.

người Kitô hữu cảm thấy xa rời, có thể vì thói quen giải thích Kinh Thánh một cách phiến diện và tối giản, như thể chúng chỉ là một chuỗi các tiên đề trừu tượng mà ta công nhận là đúng nhưng không thực hành. Hoặc vì nhiều người không bao giờ đạt được bình an, niềm vui và «gánh nhẹ» đã được hứa ban.

Thay vì thừa nhận rằng đức tin của chúng ta thiếu cảm xúc và do đó, trong mối quan hệ với thần linh, chúng ta thiếu yếu tố nền tảng, chúng ta làm mọi cách để có được sự an tâm bằng cách phân tích các tình huống, lý giải chúng và tin rằng như vậy ta đã kiểm soát được.

Nguy cơ của tình yêu

Người tu sĩ huyền bí, như ta biết, là người trực tiếp trải nghiệm Thiên Chúa, là người đầu tiên cảnh báo chúng ta đừng để bị lừa bởi những cảm giác phát sinh từ lòng nhiệt thành của mình. Hơn nữa, đối với tình yêu trần thế cũng vậy, luôn có người can thiệp cảnh báo các đôi trẻ về những nguy hiểm mà họ phải đối mặt với cái gọi là «tình yêu mù quáng». Nhưng nếu nghe theo những người bi quan, thì Cuốn Diễm Ca sẽ không tồn tại, cũng như những lời trữ tình đầy say đắm. Thiên Chúa đã tạo ra chúng ta để cá nhân và tập thể, chúng ta trở thành một lời cầu nguyện lớn duy nhất, một thánh vịnh ca ngợi và than van, một cơn rừng mình của nỗi nhớ da diết. Ngài

lấp đầy khoảng trống lớn mà mỗi người mang trong mình như một người hành hương cô đơn và lạ lẫm trên đất. Dù muốn hay không, chúng ta chỉ luôn khao khát những giọt nước sống, những tia lửa của ngọn lửa mà đôi khi Ngài tràn đầy cho chúng ta. Toàn thể nhân loại đều cầu xin theo cách riêng của mình : *«Hãy làm cho khuôn mặt Ngài tỏa sáng và chúng con sẽ được cứu độ*²⁰⁸».

Những ai đã từng có trải nghiệm huyền bí về Thiên Chúa đều tin chắc rằng điều đó đã thay đổi cuộc sống của họ. Cuộc lên núi Thabor không thể quên và để lại dấu ấn không phai mờ.

Chỉ có rất ít người nhận ra rằng gió đang thổi

Dù có những lời hứa trong Phúc Âm, dù có những cảm hứng và ân cần không ngừng do sự Quan Phòng ban cho, thì không có sự bình an và niềm vui, thậm chí ngay cả ở nơi các tín hữu Kitô.

Họ rất ít người có thể tự mình cảm nhận sự hiện diện hoạt động của Thánh Linh. Nếu huyền bí là trải nghiệm về Thiên Chúa sống động, thì phải nói rằng ngày nay rất ít tín hữu thật sự trải nghiệm Thiên Chúa vì trên thực tế, có rất ít người theo con đường huyền bí. Có thể ý chí

khát khao của chúng ta chưa cho phép ta sống theo cách mà những lời hứa trong Phúc Âm đề xuất. Nếu những lời ấy không thành sự thật, chắc chắn không phải là lỗi của Thiên Chúa, mà là do chính chúng ta không coi trọng đủ và không thực hiện những điều kiện cần thiết. Một chân lý trừu tượng không tạo ra cuộc đối thoại với Thiên Chúa và không truyền cảm hứng cho các dự án và cam kết từ phía ta. Nhiều người, mặc dù tin vào sự tồn tại của Thánh Linh, lại không quan tâm đến Ngài trong cuộc sống hằng ngày, không tìm đến Ngài khi phải đưa ra quyết định, không nhận ra dòng chảy liên tục của lời cầu nguyện thầm kín trong tâm hồn mình, và sống như thể Ngài chỉ hiện diện trong những dịp đặc biệt.

Một đức tin chỉ là sự chấp nhận lý thuyết về chân lý mặc khải thì không thể sinh hoa kết trái. Thật vậy, khi thánh Phaolô viết : «*Tôi biết tôi tin vào ai* ²⁰⁹», thì ngài chứng minh rằng ngài tin không phải vào một chân lý trừu tượng, mà vào hành động của một con người, như thể ngài nói : tôi biết rõ tôi đã trao đời mình cho ai và những bàn tay nào đang nâng đỡ tôi.

Phúc Âm nói rõ ràng và hứa chắc chắn rằng chúng ta sẽ nhận được trong chừng mực chúng ta đã tin. Nếu chúng ta mong đợi ít, chúng ta sẽ nhận được ít. Ngược

209 2 Tm 1, 12.

lại, nếu chúng ta kiên định trong đức tin, tin rằng mỗi lời hứa sẽ được thực hiện và làm việc tương ứng, chúng ta sẽ được nếm trải sự bình an, niềm vui và ánh sáng mà Tin Mừng đem lại.

Một cuộc sống tình cảm mong manh

Theo tôi, lý do mà ít người nhận ra rằng giới đang thôi có thể dễ dàng xác định. Một số nền văn hóa cho rằng việc thể hiện cảm xúc tự do là không phù hợp. Đặc biệt ở Bắc Âu, đời sống tình cảm bị kìm nén, và ở một số nước, nó thậm chí bị chặn đứng ngay từ khi còn nhỏ bởi một nền giáo dục rất nghiêm khắc. Có thể xảy ra tình trạng khi trưởng thành, những cảm xúc bị kiểm soát quá lâu biến thành cay đắng, buồn bã, không còn khả năng yêu thương và thực sự vui mừng.

Cuộc sống sẽ sáng tạo hơn, nếu ngược lại, thay vì những cơn cáu giận vô lý, chúng ta thường xuyên thực hành câu châm ngôn La-tinh xưa : *mens sana in corpore sano*, «một tâm hồn khỏe mạnh trong một cơ thể khỏe mạnh». Nhưng vì lý do này hay lý do khác, những tâm hồn khỏe mạnh rất hiếm. Ngay cả người có tiếng là rất dễ mến cũng hiếm khi sẵn lòng nhượng bộ. Sự tử tế và tốt bụng thường che giấu một sự hung hãn nội tâm và trong trường hợp đó, khinh miệt lại là điều mong muốn và có lợi hơn.

Thánh Phaolô liên kết chân lý với sự bất bình, như thể ngài muốn nói rằng đôi khi, ta nên để cho sự phẫn nộ của mình được bộc phát :

«Bởi thế, một khi đã cởi bỏ sự gian dối, mỗi người trong anh em hãy nói sự thật với người thân cận, vì chúng ta là phần thân thể của nhau ²¹⁰».

Bước đầu tiên mà chúng ta phải thực hiện trên con đường thành thật là quyết định *giận dữ* thỉnh thoảng, thay vì cam chịu nói : *Việc đó không đáng*. Thực tế là nếu ta cảm thấy bình tĩnh, vì được neo đậu sâu sắc trong Thiên Chúa, nếu ta tin chắc rằng không gì có thể tách ta khỏi tình yêu của Ngài ²¹¹, thì ta cũng nhận ra rằng giận dữ hoặc gây sự vì những điều nhỏ nhặt là vô ích.

Chúng ta ngược lại phải yêu mến Thiên Chúa và tha nhân *hết* sức mình, và không chỉ bằng ý chí và năng lượng, mà trên hết bằng *trái tim*. Một mối quan hệ tình cảm với tha nhân mà không được neo trong đức ái là một sự dối trá, và tương tự, ta có thể nói điều đó về mối quan hệ của chúng ta với Thiên Chúa: nếu không có trái tim, nó thiếu đi sự chân thực mà chỉ cảm xúc mới truyền đạt được.

²¹⁰ Ep 4, 25.

²¹¹ Xem Rm 8, 38-39.

Tất cả bản thể của chúng ta - thể xác và linh hồn - phải là một bài ca ca ngợi Thiên Chúa và là biểu hiện rõ ràng của hành động của Thánh Linh trong chúng ta.

Một đời sống cảm xúc nghèo nàn, với các kênh tắc nghẽn, không truyền được niềm vui đến tha nhân và không phải là một nhạc cụ phù hợp để chơi những giai điệu của Thánh Linh. Thông thường, chúng ta than phiền vì đời sống tâm linh khô cằn, như thể điều đó không phụ thuộc trực tiếp vào sự khô hạn của cảm xúc chúng ta. Làm sao ta có thể nói rằng có một mối quan hệ ngọt ngào và dịu dàng với Thiên Chúa nếu các mối quan hệ của ta với tha nhân thiếu đức ái ?

Có thể ngày nay, các trải nghiệm huyền bí sẽ nhiều hơn nếu không có sự nghèo nàn của cảm xúc này. Thiên Chúa luôn hoạt động trong mỗi người chúng ta, nhưng người quen kiểm soát cảm xúc không nên ngạc nhiên nếu cảm thấy như không nhận thấy sự hiện diện của Thiên Chúa. Để Ngài biểu lộ, Thiên Chúa phải gỡ bỏ những chướng ngại mà ta dựng lên trước Ngài, một cách thật ngoạn mục, nhưng đó không phải là chuyện thường ngày của chúng ta và ta không thể chờ đợi điều đó xảy ra.

Cảm xúc trung tâm và cảm xúc ngoại vi

Chỉ thỏa mãn việc đề đòi sống tình cảm tự do bộc lộ và trở lại sự phát triển tự nhiên thôi chưa đủ, mà còn phải tập làm quen với việc tách rời khỏi chúng. Câu Kinh Thánh đã được trích dẫn : *«Ai muốn cứu mạng sống mình, thì sẽ mất»*²¹² cũng đúng với cảm xúc, tức là khi cảm xúc được giải phóng, chúng phải trải qua một cái chết tưởng chừng và biến đổi một cách sâu sắc bên trong. Để làm được điều đó, chúng ta phải đưa cảm xúc và phản ứng của tâm hồn xuống tận sâu trong trái tim. Có thể chúng ta sẽ trở về tay không, hoặc chỉ mang theo vài mảnh rách lay động, nhưng điều gì đó vẫn còn lại từ những gì ta đã cảm nhận.

Trái tim là mảnh đất ẩm ướt nuôi dưỡng những rễ sâu, là đất sống bảo vệ bản sắc của ta, là mảnh thịt rung động mà khó lòng không nhận ra mình trong đó. *«ĐỨC CHÚA là Chúa Thượng phán thế này : [...] Ta sẽ lấy khỏi mình chúng trái tim chai đá và ban cho chúng một trái tim bằng thịt»*²¹³. Nhiều người không duy trì một mối quan hệ đơn giản và trực tiếp với trái tim mình, có lẽ vì trái tim nằm sâu trong tiềm thức, bị mù mịt bởi những màn sương làm ta hoang mang. Nếu muốn lấy

212 Mc 8, 35.

213 Ed 11, 19.

lại sự liên hệ, vì chúng ta không có khả năng hiện diện ở mọi nơi, chúng ta phải đi vào bên trong chính mình, gạt bỏ những đường nét uốn éo của trí tưởng tượng, những chuyển động ngoại vi của tâm hồn, và bình thần bước về phía sự khổ luyện.

Có thể trong một thời gian, dép của ta sẽ lún sâu trong cát của sa mạc, càng ngày càng dày đặc qua mỗi bước chuyển cấp và trong suốt mỗi giai đoạn trưởng thành. Điều đó không có nghĩa là ta phải ngay lập tức cắt đứt các dây ràng buộc cảm xúc, vốn bởi vì đã bị kìm nén quá lâu, cuối cùng cũng sẽ trỗi dậy dưới ánh sáng. Tuy nhiên, cần phải nhớ và cảnh báo người bắt đầu con đường này rằng : để dò thăm mê cung quý giá dẫn ta đến trái tim, ta phải hy sinh tất cả những gì chỉ là sự ồn ào trên bề mặt.

Càng đi sâu vào tận thăm bên trong chính mình, càng dần thân vào trung tâm thiêng liêng nơi ngự trị đền thờ của Thánh Linh, ta càng có khả năng tiếp xúc với những cảm xúc nguyên thủy của mình. Giống như trong Thiên Chúa có ba Ngôi vị, ở đây ta có thể gặp ba cảm xúc gốc rễ : *cảm giác an toàn* đến từ sự nhận biết Chúa Cha, *cảm giác ý nghĩa* đến từ mối quan hệ với Chúa Con, mà Thánh Gioan gọi là *logos*, là tập hợp các lời nói và ý nghĩa, và *cảm giác thuộc về, hiệp nhất, tình yêu và niềm*

vui luôn đi kèm với tình yêu và đến từ cuộc gặp gỡ với Thánh Thần.

Cũng như ba Ngôi vị trong Ba Ngôi Thiên Chúa là một Đức Chúa Trời duy nhất, mỗi Ngôi vị trong sự độc nhất cũng chỉ ra hai Ngôi vị kia, ba cảm xúc nguyên thủy tạo thành một cảm xúc duy nhất.

Thật vậy, nếu không có tình yêu thì không có sự an toàn và cuộc sống không có ý nghĩa. Đáng tiếc thay, ngày nay ba cảm xúc nguyên thủy của tâm hồn này vẫn chưa được biết đến, và vì vậy, thay vì an toàn, ý nghĩa và tình yêu, chúng ta lại chỉ quen biết đến sự lo lắng, vô nghĩa và cô đơn.

Một sự hội nhập ngày càng sâu sắc

Ba cảm xúc nguyên thủy này là một sự nâng đỡ lớn lao cho những cảm xúc ngoại vi, vì chúng đem lại sự an toàn để đối diện với những vấn đề phức tạp của chúng. Hơn nữa, chúng còn có một sức mạnh lan tỏa lớn đến mức có thể soi sáng và ghi dấu lên mọi chuyển động bên ngoài của tâm trí, để dưới ánh sáng ấy, những chuyển động này dần dần được làm dịu đi, được củng cố, trở nên nhạy bén hơn và mang tính «thiên liêng» hơn. Ta có thể nghĩ đến đôi mắt, bộ phận thể hiện «cảm hứng» nhiều hơn bất kỳ phần nào khác của cơ thể, đến mức

có thể tôn vinh và thậm chí biểu lộ được tính cách con người. Đôi mắt ấy đôi khi có thể phản chiếu những cảm xúc được Thánh Linh khơi dậy, chính những cảm xúc mà Đức Kitô đã từng cảm nhận ²¹⁴.

Ở một số linh hồn trong sạch như Mẹ Têrêsa, điều đó thật hiển nhiên. Sự ân cần, dịu dàng, và quan tâm mà Mẹ dành cho người nghèo vượt lên trên không gian và thời gian, tỏa ra một tình huynh đệ đến từ một thế giới khác.

Khi ta mở toang cánh cửa cho Thánh Linh, nhiều điều sẽ thay đổi trong ta, kể cả những cảm xúc mà ta vẫn thường xuyên trải nghiệm. Nhận xét cuối cùng này rất quan trọng, vì nó cho thấy rằng cam kết cá nhân là điều thiết yếu. Giao tiếp với trái tim mình và với Thánh Linh ngự trị nơi đó không tự động đảm bảo việc chữa lành cho một đời sống tình cảm bị co cụm; thực tế cho thấy rằng vẫn có những linh hồn thánh thiện nhưng lại không có bất kỳ sự lan tỏa tâm linh nào, vì các kênh truyền thông của họ đã bị bít tắc. Điều này đặc biệt đúng ở các quốc gia phương Bắc, nơi mà đời sống nội tâm phong phú không nhất thiết biểu hiện ra bên ngoài.

214 Xem Pl 2, 5.

Dù không phải là điều quan trọng nhất trên hành trình của chúng ta, việc phản chiếu ánh sáng nội tâm của mình cũng không nên bị đánh giá thấp. Chúa Giêsu đã nói rằng chúng ta phải vui mừng, phải làm cho ánh sáng của mình chiếu sáng, để những người gặp gỡ chúng ta được soi rọi và ngợi khen Cha chúng ta trên trời. Khi cảm xúc của chúng ta được hội nhập vào trong ba cảm xúc nguyên thủy và nơi trái tim, tức là chốn sâu thẳm nhất của chính chúng ta, thì sự hiện diện của Thiên Chúa sẽ trở nên vô cùng sống động ; lúc đó, chúng ta có thể khao khát trở nên ngọn đèn «*chiếu giải trước mặt thiên hạ*²¹⁵».

215 Mt 5, 16.

PHẦN HAI
CHÚA THÁNH THẦN
VÀ GIÁO HỘI

Chương I

Giáo Hội Như Là Koinonia (Sự Hiệp Thông)

Trong Kinh Tin Kính gọi là Tín biểu của các Tông đồ, điều khoản đức tin liên quan đến Giáo Hội được nối liền với điều khoản đức tin liên quan đến Chúa Thánh Thần. Thật vậy, ta đọc thấy : «Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần, tôi tin có Giáo Hội thánh thiện, công giáo». Trong khi đó, trong Kinh Tin Kính Nicêa, được Công đồng Vaticanô II tái sử dụng, Chúa Thánh Thần được đề cập một cách rộng rãi hơn, nhưng vẫn luôn nằm trong điều khoản đức tin đi trước điều nói về Giáo Hội: «Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần là Thiên Chúa và là Đấng ban sự sống ; Người bởi Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con mà ra ; Người được phụng thờ và tôn vinh cùng với Đức Chúa Cha và Đức Chúa Con; Người đã dùng các tiên tri mà phán dạy. Tôi tin Giáo Hội duy nhất, thánh thiện, công giáo và tông truyền».

Hai bản tuyên xưng đức tin này đều có cấu trúc theo hình thức Ba Ngôi :

Tôi tin kính Thiên Chúa là Cha toàn năng...

Tôi tin kính Đức Giêsu Kitô, Con Một của Người...

Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần.

Mỗi ngôi vị có trách nhiệm riêng : Chúa Cha là tạo hóa, Chúa Con là Đấng cứu chuộc, và Chúa Thánh Thần là Đấng thánh hóa. Thật vậy, Ngài là Đấng Thánh Hóa, và Ngài thánh hóa trước hết nhờ vào Giáo Hội, mà thánh Augustinô gọi là «đền thờ của Ngài».

Thánh Thần, Đấng đồng sáng lập Giáo Hội

Trong một tác phẩm vĩ đại về Chúa Thánh Thần, cha Yves Congar viết : «Giáo Hội được cấu thành bởi Chúa Thánh Thần. Người là Đấng đồng sáng lập Giáo Hội²¹⁶».

Giáo Hội vì thế là công trình chung của Đức Giêsu và Chúa Thánh Thần. Theo thánh Irênê, Chúa Con và Chúa Thánh Thần cùng nhau thiết lập Giáo Hội.

Chúng ta thường nghe nói rằng Thánh Thần là linh hồn của Giáo Hội. Cách giải thích này có vẻ hấp dẫn, nhưng không chính xác, vì nó hàm ý rằng Giáo Hội nhận phần thân thể (tức tổ chức và cơ cấu) từ Đức Kitô, và phần linh hồn từ Chúa Thánh Thần. Tuy nhiên, ta cần phải tin rằng Chúa Thánh Thần cũng tham dự vào việc xây dựng *thân thể* của Giáo Hội. Thật vậy, chính

216 Y. Congar, *Tôi tin kính Đức Chúa Thánh Thần*, Editions du Cerf, Paris, Tập I, 1980, tr. 13 (bản dịch tiếng Ý: *Credo nello Spirito Santo*, Queriniana, Brescia, 1999).

Ngài linh hứng và hướng dẫn các Tông đồ trong việc thiết lập cơ cấu chăm sóc mục vụ của Giáo Hội ở ba cấp hàng giáo sĩ : giám mục, linh mục và phó tế. Chính Ngài cũng hướng dẫn Giáo Hội thiết lập quy tắc và việc cử hành các bí tích.

Khi đọc về công trình tạo dựng con người trong sách Sáng Thế, người ta có thể có cảm tưởng rằng, trước tiên Thiên Chúa nắn hình thể con người, và chỉ sau đó mới thổi sinh khí vào : *«ĐỨC CHÚA là Thiên Chúa lấy bụi từ đất nặn ra con người, thổi sinh khí vào lỗ mũi, và con người trở nên một sinh vật ²¹⁷»*.

Tuy nhiên, không thể nói điều tương tự về sự hình thành Giáo Hội, như thể Thánh Thần chỉ đến sau khi mọi sự đã được Đức Giêsu hoàn tất ; vì Người đã hiện diện ngay từ lúc khởi đầu. Có thể chính là Chúa Thánh Thần đã linh hứng cho Chúa Giêsu thốt lên lời này : *«Anh là Phê-rô, nghĩa là Tảng Đá, trên tảng đá này, Thầy sẽ xây Giáo Hội của Thầy ²¹⁸»*.

Thật hấp dẫn khi thấy sự cộng tác giữa Con và Thánh Thần, vừa khi đề vinh danh Chúa Cha, họ cùng nhau nâng đỡ nhân loại sa ngã, vừa khi họ là nguồn gốc của Giáo Hội.

217 St 2, 7.

218 Mt 16, 18.

Koinonia và Giáo Hội

Tôi đã từng lưu ý rằng thuật ngữ diễn tả rõ nhất bản chất của Giáo Hội là *koinonia*, tức là «sự hiệp nhất». Khẳng định rằng Giáo Hội được thành lập bởi Chúa Thánh Thần, ngụ ý một cách tự nhiên rằng Giáo Hội phản ánh bản chất cộng đồng của Ngài. Các nhà thần học đương đại, để hiểu rõ hơn và minh họa bản chất của Giáo Hội, mỗi khi họ phải đối mặt trong bối cảnh Công giáo, đều tham chiếu đến khái niệm về sự hiệp nhất.

Thực tại của Giáo Hội rộng lớn và phức tạp đến mức, để định nghĩa, cần phải sử dụng nhiều cách diễn đạt khác nhau. Giáo Hội đã từng được tuyên bố là «bí tích nguyên thủy» hoặc thậm chí là «bí tích cứu độ» để nhấn mạnh sự can thiệp cứu độ của Thiên Chúa, nhưng Giáo Hội cũng được gọi là : hội chúng thần thánh, dân Thiên Chúa, vương quốc Thiên đàng trên trần gian, đền thờ của Chúa Thánh Thần, thân thể của Đức Kitô.

Trước Công đồng và đặc biệt từ năm 1943, theo Tông thư *Mystici Corporis* của Đức Piô XII, Giáo Hội thường được gọi là thân thể của Đức Kitô, dựa trên tham chiếu thần học từ các thư tín của thánh Phaolô ²¹⁹. Ưu điểm của định nghĩa này là nó ngầm nhấn mạnh sự hiệp nhất sâu sắc giữa Đức Kitô Phục Sinh và Giáo Hội. Mặt

219 Xem Ep 1, 23; 1 Cr 12, 12.

khác, điều này có thể dễ dàng dẫn đến - như đã xảy ra - một ý tưởng quá phân cấp, hoặc chính xác hơn, quá «độc đoán» về Giáo Hội.

Giống như đầu điều khiển và chỉ huy mọi chuyển động của các chi thể, thân thể Giáo Hội cũng có đầu, vị lãnh đạo vô hình là Chúa Giêsu Kitô và vị thủ lãnh hữu hình là giáo hoàng, người đại diện cho Ngài trên trần gian và hành động nhân danh Chúa Giêsu. Hình ảnh «phân cấp» này cho thấy «kim tự tháp» trong *Cộng hòa* của Platon và hình ảnh từ *Thần học Tổng hợp* của thánh Thomas Aquinô vào thời Trung cổ, với nền rộng lớn và các cạnh nhỏ dần lên đỉnh. Công đồng Vatican II đã tìm cách làm dịu bớt hình ảnh có cấu trúc nhiều cấp này, thay vào đó ưa thích hình ảnh cộng đồng của «dân Thiên Chúa». Trong hiến chế giáo lý về Giáo Hội (*Lumen Gentium*, 21 tháng 11 năm 1964), chương về dân Thiên Chúa (chương II) đứng trước chương dành cho cấu trúc phân cấp và các giám mục (chương III), với một chiến lược thực sự cách mạng : quan trọng là nhấn mạnh khái niệm *tham gia*, để mọi tín hữu cảm thấy mình là người tham gia xây dựng Giáo Hội. Hai mươi năm sau Công đồng, Đức Gioan Phaolô II triệu tập một hội nghị giám mục để đánh giá kết quả và ảnh hưởng của Công đồng đối với đời sống Giáo Hội. Trong dịp này, người ta nhận thấy rằng định nghĩa Giáo Hội như

dân Thiên Chúa đã dẫn đến những cách giải thích khiến người ta lầm tưởng rằng Giáo Hội đã trở thành một tổ chức xã hội.

Đối với Gustave Gutiérrez, người sáng lập thần học giải phóng, không thể tiếp tục nói đến một *Giáo Hội quân chúng*, vì khái niệm này sẽ giới hạn phạm vi hoạt động của Giáo Hội. Thật vậy, thuật ngữ này ban đầu đã tạo ấn tượng rằng Giáo Hội trước hết là một tổ chức hỗ trợ người nghèo. Sau đó, người ta đã lạm dụng khái niệm này bằng cách diễn giải theo nghĩa Mác-xít, như là «quyền lực thuộc về nhân dân». Các giám mục được triệu tập đã nhấn mạnh rằng cần phải tái nhấn mạnh *màu nhiệm của Giáo Hội* và rằng Giáo Hội trước hết phải được xem như là *communio*, thuật ngữ La-tinh tương đương với từ Hy Lạp *koinonia*.

Việc gán cho định nghĩa «Giáo Hội» ý nghĩa kép của «*koinonia*» và «dân Thiên Chúa» giúp vượt qua sự nhị nguyên vốn có trong bản chất lịch sử của Giáo Hội như một thực tại xã hội, đồng thời vẫn là một *mysterium*. Thật vậy, sự hiệp nhất và hiệp thông của *koinonia* thông nhất nội tâm và ngoại diện của sứ vụ Giáo Hội. Thuật ngữ này ám chỉ một cách ngang hàng đến sự hiệp nhất giữa các tín hữu và theo chiều dọc đến sự hiệp nhất của cá nhân với Thiên Chúa, mà tất cả đều được hiệp

nhất trong Thập Giá. Việc gọi Giáo Hội bằng cùng một danh xưng với Chúa Thánh Thần cho phép ta nhận ra rằng Giáo Hội được Ngài lấp đầy, và Ngài, là Đấng liên kết với Ba Ngôi Thiên Chúa, là hình ảnh trần thế của koinonia được Thánh Thần thiết lập.

Định nghĩa này cũng đáp ứng một nhu cầu nhân loại cụ thể, vốn đã được bộc lộ ngay từ lúc khởi đầu Tạo Dựng, từ sự chăm sóc ân cần của Thiên Chúa : «*Con người ở một mình thì không tốt* ²²⁰». Ngay cả triết học Hy Lạp cũng thừa nhận nhu cầu nguyên thủy này khi định nghĩa con người là *zōon politikon*, nghĩa là một sinh vật chính trị, xã hội, người mà để phát triển thì cần sự tiếp xúc với đồng loại, với hội chúng dân sự của *polis*, tức là thành phố hay Nhà nước.

Ở điểm này, ta có thể dễ dàng nghĩ rằng sức mạnh hướng tâm của Giáo Hội sẽ còn lớn hơn nữa nếu Giáo Hội cung cấp cho con người những công cụ hữu ích để thỏa mãn khát vọng nguyên thủy của họ.

Giáo Hội, hình ảnh của Ba Ngôi

Kitô giáo thừa hưởng đức tin độc thần từ người Do Thái, như được tuyên xưng trong Kinh Tin Kính Nixê: «*Tôi tin kính một Thiên Chúa duy nhất*». Giáo Hội

220 St 2, 18.

Kitô giáo tin rằng «Thiên Chúa duy nhất» đã tỏ mình ra trong lịch sử nhân loại như là Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần, là một nhưng cũng là Ba Ngôi. Để tránh mâu thuẫn trong cách diễn đạt, truyền thống đã quy cho thần tính một *bản tính duy nhất trong ba ngôi vị*. Khái niệm «Thiên Chúa Ba Ngôi» đến gần với điều đó, vì thay vì tưởng tượng Thiên Chúa sống trong sự cô độc tình tuyền, chúng ta nghĩ về Ngài như một cộng đồng gồm ba ngôi vị như một gia đình, một tình huynh đệ và sự hiệp nhất. Sự hiệp nhất, thực ra, không loại trừ sự khác biệt. Cũng như bản tính Thiên Chúa và bản tính con người trong Chúa Giêsu Kitô không bị chia cắt cũng không bị lẫn lộn (như Công đồng Chalcedoine năm 451 đã tuyên bố), thì ba ngôi vị Thiên Chúa cũng không bị pha trộn hay chia cắt, vì tất cả đều tham dự vào bản tính thần linh. Việc các ngôi vị không bị pha trộn cho thấy sự khác biệt của các ngài và khẳng định rằng sự hiệp nhất của các ngài là không phân chia và không lẫn lộn.

Sự hiệp nhất và sự đa dạng thường xuất hiện trong tâm trí chúng ta như là những điều trái ngược nhau. Nhưng sự hiệp nhất là tiền đề và là nguyên nhân của sự đa dạng, điều này cũng thấy rõ trong các mối quan hệ con người. Người yêu một cách hời hợt và ích kỷ sẽ không tôn trọng, nơi người mình yêu, quyền được

là một con người với cá tính và sự khác biệt riêng. Ở mức độ hời hợt, người yêu chỉ say mê chính mình và buộc người được yêu trở thành một phần của cái tôi của mình. *Anh ta là anh ta*, và *tôi là tôi*, nhưng trong tình yêu, mỗi «tôi» phải trở thành một «bạn», đại từ nhân xưng mở ra đối thoại, và vì thế là sự hiệp nhất của hai hữu thể khác biệt.

Thật đáng ngạc nhiên khi một sự hiệp nhất tuyệt đối lại cho phép một sự đa dạng tuyệt đối. Chúa Cha và Chúa Con là hai cực đối lập nhau : Chúa Cha là Thiên Chúa với tư cách là cha, và Chúa Con là con với tư cách là con.

Vì mầu nhiệm sâu thẳm nhất của Thiên Chúa là sự tự hiến và hiệp nhất, Ngài đã nhập thể nơi trần gian để đưa con người trở lại hiệp thông với Thiên Chúa. Trước khi trở về cùng Chúa Cha, Chúa Giêsu đã khấn cầu : «*Để tất cả nên một* ²²¹». Mục đích của việc rao giảng Tông đồ chính là để tái lập sự hiệp nhất ấy :

«Điều chúng tôi đã thấy và đã nghe, chúng tôi loan báo cho cả anh em nữa, để chính anh em cũng được hiệp thông với chúng tôi, mà chúng tôi thì hiệp thông với Chúa Cha và với Đức Giê-su Ki-tô, Con của Người» ²²².

221 Ga 17, 21.

222 1 Ga 1, 3.

Cũng như con người được tạo dựng theo hình ảnh của Thiên Chúa ²²³, thì Giáo Hội, trong sự hiệp nhất của mình, là hình ảnh, là biểu tượng của Ba Ngôi, và phản chiếu trên trần gian màu nhiệm sâu xa của sự hiệp nhất trong khác biệt. Giáo Hội cũng được gọi là «cộng đoàn thánh». Sự hiệp thông được thiết lập trong một hội chúng hay trong một cộng đoàn bắt nguồn từ sự hiệp thông của Ba Ngôi Thiên Chúa, và vì lý do đó, cách hợp lý, cộng đoàn ấy có thể được gọi là «cộng đoàn thánh». Vì thế, cũng như Chúa Cha và Chúa Con là một trong Chúa Thánh Thần, thì Giáo Hội cũng là một trong Thánh Thần, Đáng là tác nhân của *koinonia*. Thật vậy, nếu không có hoạt động của Thánh Thần, mọi sự sẽ trở nên hỗn loạn và chia rẽ.

Giáo Hội thể hiện Ba Ngôi Thiên Chúa như thế nào ?

Thật hấp dẫn khi suy niệm về Giáo Hội dưới ánh sáng của hình ảnh Ba Ngôi Thiên Chúa và từ đó làm nổi bật những khía cạnh liên quan đến *koinonia*.

223 Xem St 1, 27.

Bởi vì, nơi Thiên Chúa, sự hiệp nhất là điều kiện và nền tảng cho sự đa dạng, thì tương tự như vậy, nơi Giáo Hội, sự hiệp nhất cũng là điều kiện tiên khởi.

Sự hiệp nhất này không phụ thuộc vào hành động của các thành viên riêng lẻ, bởi vì theo một cách nào đó, họ đón nhận nó như một ân huệ, trực tiếp từ tay Thiên Chúa: ngay trong giây phút họ được đón nhận vào hội chúng qua Bí tích Rửa Tội, họ trở thành thành phần của một sự hiệp nhất đã có từ trước. Hơn nữa, nguyên tắc này cũng đúng với thân thể con người. Không thể hình thành một thân thể chỉ bằng cách ghép một cái đầu, hai cánh tay, hai chân, một trái tim... Sự hiệp nhất của các bộ phận đi trước sự phân biệt của chúng. Một cánh tay không còn là cánh tay nếu nó không chấp nhận thuộc về một thân thể.

Tương tự như vậy, không phải các tín hữu tạo nên sự hiệp nhất của Giáo Hội. Giáo Hội đã là một ngay từ khởi đầu, như thánh Phaolô nói, đó là «*Giáo Hội là thân thể Đức Ki-tô, là sự viên mãn của Người, Đáng làm cho tất cả được viên mãn*»²²⁴.

Nếu chúng ta gặp khó khăn trong việc *hiệp nhất* và *xây dựng sự hiệp nhất* với người khác, thì đó là vì theo một cách nào đó, chúng ta đã tách khỏi thân thể của

224 Ep 1, 23.

Đức Kitô và không còn được lấp đầy bởi sự viên mãn của Ngài.

Vì thế, cũng như Đức Kitô là sự *đồng thuận của ba ngôi vị*, Giáo Hội cũng là sự đồng thuận của tất cả các giáo hội địa phương, và các giáo hội này, đến lượt mình, là sự đồng thuận và hội tụ của các tín hữu khác nhau. Bởi vì Thiên Chúa là Một và Ba, nên Giáo Hội Mẹ, nhờ vào việc hợp nhất và đại diện cho tất cả các giáo hội khác, cũng đồng thời là hiệp nhất và đa dạng. Cũng như ba ngôi vị thần linh vừa phân biệt vừa không thể phân chia, thì qua *koinonia* phân biệt các giáo hội với nhau, các giáo hội địa phương Công giáo không thể bị lẫn lộn với Giáo Hội Mẹ, nhưng cũng không thể tách rời khỏi Giáo Hội Mẹ.

Mỗi giáo hội địa phương cụ thể vẫn giữ được cá tính riêng biệt của mình, dù vẫn lệ thuộc vào vị giám mục địa phương, người không phải là đại diện được uỷ quyền của Đức Giáo hoàng, mà là người kế vị các Tông đồ và với tư cách đó, được Đức Kitô trực tiếp trao toàn quyền lãnh đạo. Nhưng điều đó không có nghĩa là Giáo Hội Công giáo là một nền quân chủ tuyệt đối với một vị giáo hoàng-vua nắm toàn bộ quyền lực và phân phát một phần cho các giám mục.

Chỉ khi vai trò của Đức Giáo hoàng bị gia tăng đến mức làm tổn hại vai trò của các giám mục, thì người ta mới có thể thực sự nói đến sự *lấn lộn* giữa các giáo hội địa phương. Trong trường hợp đó, các giáo hội địa phương sẽ ngừng hoạt động như những chủ thể trưởng thành, có khả năng phản chiếu ba ngôi vị thần linh, và chúng sẽ đánh mất thẩm quyền của mình như những đứa trẻ còn non nớt. Chúng ta có thể nói rằng đã từng có nguy cơ như vậy giữa Công đồng Vatican I và Vatican II, khi chiến tranh ở châu Âu (năm 1870) đã buộc các nghị phụ của công đồng phải đẩy nhanh các cuộc thảo luận về vai trò của các giám mục. Trong bối cảnh đặc biệt đó, người ta có thể cho rằng Công đồng Vatican I đã chỉ xem xét một phần vai trò của Đức Giáo hoàng, bằng việc thiết lập tín điều về sự vô ngộ *ex cathedra*, điều này có thể đã góp phần làm tăng sự mất cân bằng, và có thể dẫn đến một cách hiểu quá độc đoán về vai trò giáo hoàng.

Trong khi đó, Giáo hội Chính thống, và ở mức độ còn lớn hơn là các Giáo hội Tin Lành, lại có nguy cơ nhấn mạnh quá mức tính tự trị của các giáo hội địa phương, đến mức làm suy yếu tính phổ quát.

Tại đây, những khác biệt trở nên rất rõ ràng, đến nỗi ta thấy nguy cơ làm giảm sút, thậm chí làm biến mất sự

hiệp nhất. Thay vì sự pha trộn hay nhầm lẫn, nguy cơ thực sự là dẫn đến chia rẽ và ly giáo.

Tình trạng này cho thấy tầm quan trọng của việc có một hình ảnh *đúng* về Thiên Chúa. Nếu hình ảnh đó chỉ mang tính đơn tuyến và độc thần, hoặc nếu chúng ta chỉ nghĩ về Thiên Chúa như một ngôi vị duy nhất mà không phải là ba ngôi, thì tất yếu, chúng ta cũng sẽ hình thành một hình ảnh sai lệch về Giáo Hội, chỉ chú trọng đến sự hiệp nhất và tính phổ quát của Giáo Hội. Tương tự, người ta cũng có nguy cơ đánh mất tầm nhìn về sự hiệp nhất nếu chỉ tập trung vào sự đa dạng của ba ngôi vị thần linh.

Ngay cả khi nói về Thiên Chúa, hai «mặt của đồng xu» luôn hiện diện, và nếu nhấn mạnh một bên mà lãng quên bên kia, ta sẽ rơi vào sai lầm.

Vâng phục và bác ái là những đặc ân, vừa thuộc về Ba Ngôi Thiên Chúa, vừa thuộc về Giáo Hội.

Chúa Con vâng phục và quy phục Chúa Cha, và tôn trọng trật tự của Ba Ngôi. Chúa Cha ở vị trí thứ nhất, vì như Chúa Giêsu nói : «*Chúa Cha cao trọng hơn Thầy*»²²⁵. Nhưng Người cũng nói : «*Tôi và Chúa Cha là một*»²²⁶.

225 Ga 14, 28.

226 Ga 10, 30.

Việc người ta chú trọng đến ngôi vị thứ hai mà không phải là thứ nhất không có nghĩa là ngôi thứ hai có giá trị thấp hơn. Thiên tính thuộc về cả hai.

Ta có thể nói điều tương tự về Giáo Hội : mặc dù là một koinonia của tình yêu, Giáo Hội có một cơ cấu phẩm trật, trong đó có người lãnh đạo và người vâng phục. Người vâng phục có giá trị ngang bằng với người chỉ huy và không tự xem mình là thấp kém, bởi vì giữa họ lưu chuyển tình yêu. Khi ghi nhớ mô hình vâng phục-yêu thương này, của một Thiên Chúa vâng phục Thiên Chúa, thì thật là đáng trách nếu chúng ta cho rằng việc tuân phục ý muốn của một người đồng loại đang chờ đợi sự vâng phục nơi chúng ta là điều bất công.

Thật không may, sự vâng phục không phải là một đức tính tự nhiên của con người, mà là một đức tính thần linh. Khi chúng ta cảm thấy bị xét đoán một cách bất công vì phải nhường chỗ cho người khác ở vị trí được chú ý hơn, thì chúng ta nên suy niệm về Ba Ngôi Thiên Chúa !

Đời sống cộng đoàn của Ba Ngôi vừa là nguồn cội vừa là nơi phát xuất của dòng chảy đời sống cộng đoàn trong Giáo Hội. Công đồng Vatican II đã trích dẫn một lời của thánh Cyprien để định nghĩa koinonia của Giáo Hội : «Nhu thế, Giáo Hội hoàn vũ được trình bày như

‘một dân tộc được quy tụ trong sự hiệp nhất của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần.’²²⁷».

Chiều kích thiêng liêng và huyền nhiệm của Giáo Hội có thể bị xem là trừu tượng, quá cao vời và lỗi thời khi so với tính chất ngang hàng của đời sống hằng ngày, vốn thường xuyên mang lại những bằng chứng cụ thể về chia rẽ và ganh đua. Dường như thực tại của Giáo Hội xung đột với kinh nghiệm thông thường, mặc dù có rất nhiều người chọn cách sống trong sự hiệp nhất với Ba Ngôi Thiên Chúa và trong *koinonia* với anh chị em mình. Không có chiều kích ấy, đời sống chiêm niệm của các tu viện, vốn được xây dựng trên sự chia sẻ thiêng liêng, sẽ không còn ý nghĩa gì cả.

Khi số lượng các Kitô hữu khám phá ra chiều kích huyền nhiệm của Giáo Hội gia tăng, thì các ganh đua và chia rẽ sẽ giảm xuống ; Giáo Hội sẽ có thể tự do hơn nữa cho thế giới thấy hình ảnh của mình như một cộng đoàn tình yêu, như một biểu tượng của lòng quảng đại và sự chia sẻ, điều này chỉ có thể hiểu được nhờ Chúa Thánh Thần, Đấng hiệp trị với Chúa Cha và Chúa Con.

227 Lumen Gentium, số 4.

Bí tích của sự hiệp nhất

Khi chúng ta chuẩn bị lãnh nhận Bí tích Thánh Thể, chúng ta nói rằng mình sắp *rước lễ*, và cách diễn đạt này không nên trở nên tầm thường đối với chúng ta, bởi vì khi rước Mình Thánh Chúa Kitô, chúng ta thực sự bước vào sự hiệp thông với Thiên Chúa.

Chính qua Bí tích Thánh Thể mà Giáo Hội làm hiện diện bản chất của mình như một cộng đoàn thánh, làm cho sự chia sẻ trở thành hiện thực và thể hiện mầu nhiệm hiệp thông sâu xa và không thể dò thấu của mình. «Trong việc bẻ bánh Thánh Thể, chúng ta thực sự được dự phần vào Thân Thể Chúa, được nâng lên trong sự hiệp thông với Người và với nhau», một đoạn trong Hiến chế tín lý *Lumen Gentium*²²⁸ của Công đồng Vatican II nói như vậy, và đoạn này liên kết với văn bản nổi tiếng của thánh Phaolô : «*Bởi vì chỉ có một tấm Bánh, và tất cả chúng ta chia sẻ cùng một Bánh ấy, nên tuy nhiều người, chúng ta cũng chỉ là một thân thể*²²⁹».

Từ đó có thể hiểu được sự dè dặt của Giáo hội Công giáo đối với «hiệp lễ liên tôn», tức là việc ban Bí tích Thánh Thể cho các anh em Kitô hữu ly khai và Tin Lành, những người, dù bằng cách này hay cách khác,

228 Ibid. số 7.

229 1 Cr 10, 17.

đã lớn lên trong sự khác biệt của mình.

Sự hiệp nhất trong Thánh Thần

Dù Bí tích Thánh Thể là bí tích và biểu tượng mạnh mẽ nhất của sự hiệp nhất và hiệp thông giữa các Kitô hữu, thì điều thực sự hiệp nhất Giáo Hội chính là Chúa Thánh Thần, Đấng biến đổi bánh và rượu thành Mình và Máu Chúa Kitô. Chính nhờ Người mà chúng ta cảm nhận được lời mời gọi không thể diễn tả, thôi thúc chúng ta đến gần Bí tích Thánh Thể để nuôi dưỡng mình bằng Mình và Máu Chúa Kitô.

Thánh Thần thúc đẩy tâm hồn chúng ta hướng đến sự chia sẻ lẫn nhau và đến sự hiệp nhất, để mọi người thực sự trở thành «người thân cận» của nhau. Thánh Phaolô khuyên bảo : *«Anh em hãy thiết tha duy trì sự hiệp nhất mà Thần Khí đem lại, bằng cách ăn ở thuận hòa gắn bó với nhau. Chỉ có một thân thể, một Thần Khí²³⁰»*. Chính Thánh Thần, *koinonia* của Thiên Chúa, làm cho chúng ta cảm nhận được ước muốn phản chiếu sự hiệp nhất thần linh ấy trên trần gian.

Cha Congar lưu ý rằng có hai từ rất đặc biệt trong trình thuật về lễ Hiện Xuống của thánh Luca trong sách Công vụ Tông đồ. Từ thứ nhất là *epi to auto*, nghĩa

230 Ep 4, 3-4.

là «mọi người đang tề tựu ở một nơi ²³¹», từ thứ hai là *homothymadon*, nghĩa là «đồng tâm nhất trí, chuyên cần cầu nguyện ²³²». Chúa Thánh Thần hoàn toàn có thể viếng thăm các Tông đồ khi họ đang ở các nơi khác nhau, nhưng trái lại, Ngài đã chọn một khoảnh khắc mà họ đang cùng nhau quy tụ để đồ ngọn lửa của Ngài xuống trên từng vị, mỗi người lãnh nhận cách riêng nhưng trong sự hiệp nhất với người khác.

Sự can thiệp của Chúa Thánh Thần, như Thần Khí của sự hiệp nhất, giả định, như đã xảy ra vào ngày lễ Hiện Xuống, rằng đã có một nền tảng chia sẻ do chính Người thiết lập từ trước. Khi không có khao khát về sự hiệp nhất, thì không thể trông mong đến sự can thiệp của Người, vì như chúng ta biết, Thiên Chúa tôn trọng ý chí tự do của mỗi con người. Tự nhiên, các cuộc ly giáo cùng với mọi hình thức của nó là sự đối nghịch sâu sắc với Chúa Thánh Thần. Mỗi khi chúng ta nhận thấy sự thiếu hiệp nhất trong gia đình, nơi làm việc, trong một cuộc họp hay tại nhà thờ, chúng ta nên nói : «Ở đây đang thiếu khí trời, hãy bắt đầu ngay bằng cách mở toang mọi cánh cửa cho ngọn gió thổi vào !»

231 Cv 2, 1.

232 Cv 1, 14.

Chương II

Sự Hiệp Nhất Trong Thánh Thần Và Đại Kết

Một đoạn trong Lumen Gentium dành riêng cho Chúa Thánh Thần tuyên bố :

«Nhu thế, Thánh Thần khơi dậy nơi tất cả các môn đệ của Chúa Kitô ước muốn và hành động, để tất cả, theo cách thế Chúa Kitô đã thiết lập, được hiệp nhất trong bình an thành một đoàn chiên duy nhất dưới một Mục tử duy nhất ²³³».

Và thánh Giáo hoàng Gioan-Phaolô II đã viết rằng Chúa Thánh Thần, ngoài việc là nguồn duy nhất của sự hiệp nhất, còn mở đường cho sự hiệp nhất giữa các Kitô hữu. Trong nhiều dịp khác nhau, vị Giáo hoàng này cũng khẳng định rằng chưa bao giờ hơn lúc này, Giáo Hội lại cần phải thở bằng hai lá phổi, lá của Đông phương và lá của Tây phương.

Phong trào đại kết trước hết là công trình của Chúa Thánh Thần. Chính Ngài có đặc sủng của sự hiệp nhất và chia sẻ, và với tư cách là *koinonia*, Ngài là Đấng duy nhất có khả năng phục hồi sự hiệp nhất của Giáo Hội.

233 Lumen Gentium số 15.

Ngài thực hiện điều đó mà không ép buộc ai, hoạt động trong phạm vi của Ngài, tức là nơi sâu thẳm trái tim con người, nơi mỗi người đều có tự do. Người giúp con người tự nguyện chấp nhận nhu cầu sâu xa về sự hiệp nhất mà mỗi người mang trong mình như một hồng ân bẩm sinh. Ngài điều phối các hoàn cảnh, sự kiện và các cuộc gặp gỡ để thúc đẩy một sự hiệp nhất ngày càng lớn hơn.

Chúa Thánh Thần thúc đẩy sự hiệp nhất như thế nào ?

Chúa Thánh Thần hành động một cách công bằng trong mọi Giáo hội và không có Giáo hội nào độc quyền sở hữu Người. Về mối liên hệ giữa Giáo hội Công giáo và các Giáo hội Kitô giáo khác, Công đồng Vatican II ghi nhận rằng giữa các Kitô hữu không công giáo cũng tồn tại «một sự hiệp thông thực sự trong Chúa Thánh Thần, Đấng qua các ân huệ và đặc sủng của Người, cũng hành động nơi họ bằng quyền năng thánh hóa, và nhờ sức mạnh ấy, một số người trong họ đã đi đến chỗ đổ máu mình ²³⁴».

Trong công trình cổ vũ cho sự hiệp nhất, Chúa Thánh Thần hướng sự chú ý của chúng ta đến những gì đã hiện hữu. Nói chung, chúng ta không nhận ra những thiếu

234 Lumen Gentium, số 15.

sót của mình hay của người khác, nhưng ít nhất, chúng ta có thể bắt đầu bằng cách vui mừng vì những gì chúng ta đang có chung.

Trước hết là thực tại đã hiệp nhất chúng ta qua cùng một phép Rửa, nhờ đó chúng ta được tháp nhập vào Chúa Kitô như là các chi thể trong Thân Thể của Người là Giáo Hội. Việc người Công giáo và các Kitô hữu khác công nhận tính hợp pháp của phép Rửa của nhau có một ý nghĩa thần học rất lớn, vì điều đó chứng minh rằng, bất chấp những chia rẽ, thực sự vẫn tồn tại giữa chúng ta một sự đồng thuận căn bản. Việc phép Rửa được ban «nhân danh Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần» là bằng chứng cho thấy niềm tin chung của chúng ta vào Thiên Chúa Ba Ngôi, về tình yêu mà chúng ta cùng chia sẻ với Ngài, và về khát vọng trung thành với các giới răn Tin Mừng. Chính phép Rửa duy nhất này là nền tảng trên đó chúng ta có thể xây dựng lại sự hiệp nhất.

Đồng thời, Chúa Thánh Thần làm cho chúng ta ý thức về tội lỗi và gương xấu phát sinh từ các cuộc ly giáo. Ngài nhắc nhở chúng ta rằng chính Chúa Giêsu đã cầu nguyện «*để tất cả nên một*», và Ngài lặp lại lời cầu nguyện ấy trong chúng ta.

Chính khi đưa chúng ta vào chiều sâu của chân lý, Chúa Thánh Thần tất yếu làm cho chúng ta đến gần nhau hơn. Chính Ngài, Đấng là sự mở ra trong Thiên Chúa, cũng mở lòng chúng ta ra với nhau, để chúng ta có thể thấy nhau như thật sự là, chứ không chỉ như ấn tượng bên ngoài. Người giúp chúng ta thoát khỏi sự tự mãn để khám phá điều tốt đẹp và công chính nơi người khác.

Tuyên bố này của các nghị phụ Công đồng, mà mọi Kitô hữu nên biết, cũng phải là công trình của Thánh Thần :

«Mặt khác, người Công giáo cần vui mừng nhìn nhận và trân trọng các giá trị thật sự Kitô giáo, vốn bắt nguồn từ gia sản chung và hiện diện nơi các anh em ly khai. Việc công nhận sự phong phú của Chúa Kitô và sức mạnh hoạt động của Người trong đời sống của những người làm chứng cho Chúa Kitô, đôi khi đến mức đổ máu, là điều chính đáng và hữu ích, bởi vì Thiên Chúa luôn tuyệt vời và xứng đáng được ngợi khen trong các công trình của Người. [...] Cũng không được quên rằng mọi điều được thực hiện bởi ân sủng của Chúa Thánh Thần nơi các anh em ly khai đều có thể góp phần xây dựng chúng ta ²³⁵».

Chúa Thánh Thần thúc đẩy chúng ta quan tâm đến cái

235 Sắc lệnh về Hiệp nhất Kitô giáo, Unitatis Redintegratio, ngày 21 tháng 11 năm 1964, số 4

xà trong mắt mình hơn là tập trung vào cái rác trong mắt người anh em ²³⁶. Người không ngừng thúc giục chúng ta hoán cải và mời gọi chúng ta cộng tác ở mức độ của mình vào công cuộc đại kết, như Công đồng dạy :

«Trong hoạt động đại kết, các tín hữu của Giáo hội Công giáo, không do dự, hãy thể hiện sự quan tâm chân thành đến các anh em ly khai; họ sẽ cầu nguyện cho họ, trao đổi với họ về các vấn đề của Giáo hội, chủ động đến với họ trước. Họ sẽ đặc biệt nhìn nhận một cách trung thực và cân trọng tất cả những gì trong chính đại gia đình Công giáo cần được canh tân và thực hiện sao cho đời sống của Giáo hội làm chứng cách trung thành và sáng tỏ hơn cho giáo huấn và các thiết chế mà Chúa Kitô đã truyền lại qua các Tông đồ ²³⁷».

Bốn con đường của đại kết

Linh mục dòng Đa Minh Yves Congar, một trong những kiến trúc sư vĩ đại của phong trào đại kết trong thời đại chúng ta, người đã nhiều lần đưa ra những đề xuất cụ thể cho sự hiệp nhất Kitô giáo, đã phân biệt bốn con đường trong dân thân đại kết :

1. Đại kết *thể chế*, ám chỉ Hội đồng Đại kết các Giáo hội được thành lập năm 1948 bởi phong trào đại kết, với ban thư ký đặt tại Geneva, cùng với nhiều nhánh,

236 Xem Mt 7, 3.

237 Unitatis redintegratio, số 4.

ủy ban và hiệp hội đại kết khác. Tự nhiên, đây là một cơ cấu, và để trở thành một tổ chức hiệu quả, cần phải phục vụ Thánh Thần và lắng nghe những soi sáng của Người.

2. Đại kết *thế tục*, bao gồm hoạt động của các Giáo hội khác nhau trong công cuộc giải phóng con người. Khi các Giáo hội thuộc nhiều hệ phái khác nhau cùng nhau làm việc cho hòa bình, tự do và công lý, họ đến gần nhau hơn. Hoạt động chung này mở ra khả năng đào sâu đối thoại lẫn nhau và làm gia tăng sự hiệp nhất.

3. Đại kết *thiên thiêng*, nơi cha Congar nhấn mạnh đến nhu cầu thẩm nhuần đức tin trong đời sống hằng ngày và dần thân vào cuộc hoán cải liên tục. Trong trường hợp này, con người có thể hiệp thông với nhau ở một cấp độ sâu sắc hơn và cùng nhau bước đi trên các nẻo đường của Thánh Thần. Cầu nguyện với những người không Công giáo sẽ tự nhiên dẫn chúng ta đến với những điểm chung, và gia sản là nền tảng cho sự hiệp nhất trở nên một thực tại sống động. Trong bối cảnh này, lời cầu nguyện cho sự hiệp nhất có vai trò nền tảng, và chúng ta có thể lập lại lời Chúa Giêsu đã thưa cùng Chúa Cha trong di ngôn của Người : «*Để tất cả nên một, như Cha ở trong con và con ở trong Cha để họ cũng ở trong chúng ta. Như vậy, thế gian sẽ tin rằng*

Cha đã sai con ²³⁸». Chúng ta nên đọc lời cầu nguyện này thường xuyên hơn và để nó vang vọng trong lòng mình. Chúa Giêsu đã cầu nguyện cùng với Chúa Thánh Thần, và khi chúng ta lặp lại lời đó với Chúa Giêsu, chúng ta đánh thức Thánh Thần trong lòng mình. Vì chính Chúa Giêsu là Đấng hiệp nhất chúng ta, nên Chúa Cha chắc chắn sẽ đồng thuận với lời cầu nguyện của Người Con.

Cha Congar kể rằng từ ngày được thụ phong linh mục, ngài đã cử hành Thánh lễ cầu nguyện cho sự hiệp nhất Kitô hữu mỗi khi được phép : «Khi dâng Thánh lễ cầu cho sự hiệp nhất, tôi làm cho lời nguyện của Chúa Giêsu trở thành hiện thực. Điều này rất quan trọng đối với tôi».

Lời cầu nguyện cho sự hiệp nhất cũng ảnh hưởng đến mọi hoạt động đại kết khác, vì thế có thể nói rằng đại kết thiêng liêng, vốn quy chiếu về Chúa Thánh Thần, là trái tim của công cuộc đại kết.

4. Đại kết *thần học* có xu hướng thiết lập một cuộc đối thoại trung thực và trung thành với các Giáo hội khác nhằm đạt đến sự hiệp nhất trong đức tin và trong việc hình thành sự hiệp nhất ấy. Điều này đòi hỏi một công việc nghiên cứu không chỉ về mặt thần học mà

238 Ga 17, 21.

còn cả lịch sử, với ý định sửa chữa những sai lầm mà Giáo hội đã phạm phải trong quá khứ.

Đức Gioan Phaolô II, người đã nhiều lần nhấn mạnh tầm quan trọng của đại kết, viết trong một bức thư gửi các tham dự viên cuộc Gặp gỡ các Chủ tịch Hội đồng Giám mục châu Âu (ngày 2 tháng 1 năm 1986) rằng chính tại châu Âu sự hiệp nhất của Giáo hội đã bị tan vỡ. Ngài so sánh điều đó với chiếc áo dài của Chúa Giêsu : *«Không có đường khâu, dệt liền từ trên xuống dưới»²³⁹*.

«Điều rõ ràng đối với mọi người - ngài viết - là sự chia rẽ là một trở ngại nghiêm trọng đối với mọi nỗ lực loan báo Tin Mừng trong thế giới hiện đại. Do đó, tất cả mọi người nên đầu tư năng lượng của mình vào việc phục vụ cho đại kết, để thúc đẩy sự phát triển của sự hiệp nhất, mà theo cảm hứng của Chúa Thánh Thần, đã hiện diện trong lòng của những Kitô hữu nhiệt thành nhất²⁴⁰».

Hiệp nhất nào ?

Sự hiệp nhất trọn vẹn không thuộc về thế gian này vì thực tại cánh chung ấy là của Thiên Chúa. Trên trần gian, sẽ luôn có những nguyên nhân dẫn đến chia rẽ.

239 Ga 19, 23.

240 Gioan Phaolô II, Diễn văn trước các Chủ tịch Hội đồng Giám mục châu Âu.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là mọi người không nên nỗ lực để đạt được sự hiệp nhất lớn hơn.

Điều tương tự cũng đúng đối với đời sống cá nhân của chúng ta, trong đó, dù chúng ta không thể đạt tới sự hoàn thiện tuyệt đối, chúng ta vẫn phải hướng tới điều đó, vì khi tiến bước và phát triển, cuộc sống của chúng ta sẽ có giá trị hơn.

Tuy nhiên, sẽ là điều tốt nếu làm rõ những điều mà chúng ta *không* nên theo đuổi. Thực tế, có hai hình thức hiệp nhất mà chúng ta không nên nỗ lực vì chúng không đáng giá ²⁴¹.

Hình thức đầu tiên liên quan đến huyền thoại về sự *trở lại tập thể*, vốn rất phổ biến trong giới Công giáo trước Công đồng Vaticanô II. Người ta tưởng tượng rằng các Giáo hội không thuộc Công giáo có thể quay trở lại với Giáo hội Mẹ mà không cần thay đổi gì. Những Giáo hội đó sẽ thích nghi không chỉ với giáo lý Công giáo, mà còn với tập tục, cơ cấu tu viện, các hình thức đạo đức và nhiều điều khác nữa.

241 Xem bài viết của H.L. Martensen «Những ảo tưởng sai lầm về đại kết», đăng trong *Katolsk Orientering*, ngày 11 tháng 6 năm 1986. Đức Cha Martensen là thành viên của Ban Thư ký về Hiệp nhất Kitô giáo.

Biến thể thứ hai hoàn toàn khác. Sự hiệp nhất được hiểu theo nghĩa rằng *tất cả các Giáo hội Kitô giáo vẫn tiếp tục là chính họ*, vì họ là những nhánh khác nhau của cùng một thân cây, nhưng đều có giá trị như nhau. Vì thế, chúng ta cảm thấy rằng mình đã hiệp nhất rồi, bởi vì cơ cấu tổ chức bên ngoài không liên quan đến bản chất đích thực của Kitô giáo. Điều còn thiếu chỉ là việc cử hành Thánh Thể chung, điều này – khi cho phép người Công giáo và người không Công giáo cùng đến bàn tiệc thánh – sẽ thể hiện cụ thể rằng sự hiệp nhất đã đạt được. Biến thể này của phong trào đại kết xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau, đặc biệt là trong giới Tin Lành, và gần đây cũng có trong một số người Công giáo. Cũng như biến thể đầu tiên, biến thể thứ hai này là một hình ảnh méo mó của sự hiệp nhất.

Sự hiệp nhất mà người ta cần phải nỗ lực nghiêm túc phải đúng hơn là một kiểu *liên minh giữa các Giáo hội chị em*. Cụm từ này, được sáng tạo từ buổi bình minh của Kitô giáo, đã được Công đồng Vaticanô II sử dụng để mô tả mối tương quan hỗ tương được thiết lập giữa các Giáo hội khác nhau. Đức Phaolô VI đã dùng thuật ngữ «các Giáo hội chị em» trong một sứ điệp gửi Đức Thượng phụ Athénagoras để mô tả mối tương quan giữa Giáo hội Công giáo và Giáo hội Chính Thống. Sau đó, cùng hình ảnh ấy cũng đã được dùng cho mối quan hệ

giữa Giáo hội Công giáo và Giáo hội Luther.

Sự đa dạng hòa giải

Một thuật ngữ mà các thần học gia Tin Lành thường dùng là «sự hiệp nhất trong đa dạng hòa giải», nhằm chỉ cách thức mà, giữa các Giáo hội chị em đã đạt đến một sự hiệp nhất ở mức độ chấp nhận được, vẫn còn tồn tại những khác biệt quan trọng nhưng không đến mức không thể hòa giải.

Người ta cũng có thể thừa nhận rằng Giáo hội Công giáo sống trong sự hiệp nhất với một Giáo hội mà ở đó các linh mục được kết hôn, có một phụng vụ khác và thực hành một hình thức tôn sùng Đức Mẹ khác, nhưng như thế là chưa đủ. Điều kiện thiết yếu để phong trào đại kết có thể tiến triển là phải đạt được sự hiệp nhất về tín lý trong việc tuyên xưng đức tin (Kinh Tin Kính) và sự chấp nhận lẫn nhau của chức linh mục. Không có chức linh mục thì không có Thánh Thể, và không có Thánh Thể thì không có sự hiệp nhất²⁴². Dĩ nhiên, quyền tối thượng linh mục của Giám mục Rôma được công nhận trong sự hiệp nhất của việc tuyên xưng đức tin, bởi vì ngài là người giữ vai trò liên kết sự hiệp nhất và là người có trách nhiệm duy nhất đối với *toàn thể Giáo hội*, điều này không ngăn cản các Giáo hội chị em

242 Xem 1 Cr 10, 17.

được hưởng một mức độ độc lập lớn.

Công đồng Vaticanô II nhấn mạnh rằng cần phải có sự tôn trọng đối với những đặc điểm riêng biệt của mỗi Giáo hội. Sắc lệnh về đại kết đặc biệt khẳng định :

« [...] để tất cả mọi người trong Giáo hội, mỗi người theo trách nhiệm được trao phó, giữ gìn sự tự do chính đáng của mình, dù đó là những hình thức khác nhau trong đời sống thiêng liêng và kỷ luật, sự đa dạng trong các nghi lễ phụng vụ, và cả trong việc triển khai thần học về chân lý được mạc khải; và trong mọi sự, họ hãy thực hành đức ái. Như vậy, họ sẽ ngày càng thể hiện một cách đầy đủ hơn tính công giáo đích thực và tính tông truyền của Giáo hội ²⁴³».

Đề xuất cuối cùng này rất đáng chú ý vì nó cho thấy rằng những khác biệt trong lĩnh vực thần học có thể được chấp nhận. Sắc lệnh tiếp tục nhấn mạnh :

«Những điều đã nói ở trên về sự đa dạng chính đáng trong phụng tự và kỷ luật cũng phải được áp dụng cho việc trình bày thần học về các tín điều. Thực vậy, trong nỗ lực đào sâu chân lý mạc khải, các phương pháp và cách thức nhận biết và diễn tả những điều thuộc về Thiên Chúa đã khác nhau giữa Đông phương và Tây phương. Vì thế, không có gì ngạc nhiên khi một số khía cạnh của mầu nhiệm được mạc khải đã được nắm bắt và trình bày tốt hơn bởi bên này hơn là bên kia, đến độ mà những cách diễn đạt thần học khác nhau này

243 Unitatis redintegratio, số 4; cũng xem số 16.

thường phải được xem như là bổ túc cho nhau hơn là đối lập với nhau ²⁴⁴».

Vấn đề Chúa Con (*Filioque*)

Có thể nêu ra một ví dụ về tính phức tạp của tình hình qua cuộc xung đột nảy sinh giữa Giáo hội Đông phương và Giáo hội Tây phương liên quan đến việc thêm từ *Filioque* vào Kinh Tin Kính, trong đoạn nói về Chúa Thánh Thần, rằng Ngài phát xuất từ Chúa Cha «và Chúa Con». Cách diễn đạt này bắt nguồn từ Tây Ban Nha vào khoảng năm 600 và nhằm chống lại người Visigoth theo thuyết Arian, những người phủ nhận sự đồng bản thể giữa Chúa Con với Chúa Cha (Công nghị Toledo năm 657). Cụm từ này chỉ được đưa vào Kinh Tin Kính trong Thánh lễ theo nghi thức Rôma vào năm 1100.

Việc thêm này, vốn chưa bao giờ được các Giáo hội Đông phương chấp nhận, đã là nguồn gốc của vô số cuộc tranh luận thần học không dứt. Đối với một số người, vấn đề này chỉ là bề ngoài, vì đời sống của Giáo hội và của tín hữu không phụ thuộc vào việc giữ lại hay loại bỏ những từ ngữ ấy. Cuộc tranh luận bị xem là vô ích và người ta cho rằng việc thêm từ *Filioque* không phải là một cản trở đối với sự hiệp nhất. Thần học gia

244 Unitatis redintegratio, số 17.

Sergej Bulgakov viết rằng ông đã tìm cách phân tích trong nhiều năm mà không tìm ra được hậu quả thực sự nào đối với Giáo hội nếu tuyên xưng rằng Chúa Thánh Thần chỉ phát xuất từ Chúa Cha hoặc phát xuất từ Chúa Cha và Chúa Con.

Đối với những người khác, trái lại, đứng đầu là Vladimir Lossky, những người có xu hướng nhấn mạnh quyền tối thượng tuyệt đối của Chúa Cha, Đấng duy nhất là nguồn gốc của Chúa Con và Chúa Thánh Thần, thì vấn đề này lại có tầm quan trọng hàng đầu vì nó cũng chỉ ra nền tảng tín lý duy nhất cho sự chia rẽ giữa Đông và Tây. Quả thật, Chúa Giêsu đã nói : «*Khi Đấng Bảo Trợ đến, Đấng mà Thầy sẽ sai đến với anh em từ nơi Chúa Cha, Người là Thần Khí sự thật phát xuất từ Chúa Cha, Người sẽ làm chứng về Thầy*²⁴⁵».

Công đồng đại kết Florence (1438 - 1445) đã làm sáng tỏ rằng việc thêm từ *Filioque* không làm tổn hại gì đến Chúa Cha. Chúa Cha, tuy vẫn là Cha, đã ban tất cả cho Chúa Con ; từ đó dẫn đến việc Chúa Thánh Thần phát xuất từ Chúa Cha và Chúa Con²⁴⁶. Có thể nói rằng

245 Ga 15, 26.

246 Vào năm 1981, trong một buổi cử hành phụng vụ đại kết nhân dịp kỷ niệm 1600 năm Công đồng Constantinopolis (năm 381), Đức Gioan Phaolô II đã đọc Kinh Tin Kính không có từ *Filioque* cùng với các đại diện của Giáo hội Chính Thống.

Chúa Thánh Thần phát xuất từ Chúa Cha bởi Chúa Con.

Thần học Công giáo ngày nay cho thấy rằng việc thêm *Filioque* cũng có thể chấp nhận được trong cái nhìn hiện đại về mối tương quan giữa Ba Ngôi nội tại (Thiên Chúa như Ngài là) và hoạt động của Thiên Chúa trong lịch sử cứu độ (Thiên Chúa hành động và tự mạc khải trong công trình cứu độ). Nhiều người, đặc biệt là Karl Rahner, khẳng định rằng Ba Ngôi cứu độ chính là Ba Ngôi nội tại. Thật vậy, khi Thiên Chúa tự mạc khải qua công trình sáng tạo và nhập thể, Ngài mạc khải chính mình như Ngài là. Gương mặt mà Ngài tỏ bày cho chúng ta là gương mặt thật của Ngài ; Ngài vẫn là chính mình trong mọi hành động, kể cả trong hiện thực của việc Nhập Thể. Dĩ nhiên, Thiên Chúa không mạc khải mọi sự, nhưng *những gì Ngài mạc khải chính là chính Ngài* ²⁴⁷.

Cũng có một mối liên hệ giữa sự sống bên trong Ba Ngôi và hành động của Ba Ngôi đối với chúng ta. Chúa Giêsu tuyên bố rằng Chúa Thánh Thần được sai đến

247 Cha Congar phê phán Karl Rahner vì ông đã thêm vào khẳng định rằng «Ba Ngôi cứu độ là Ba Ngôi nội tại» câu und umgekehrt (và ngược lại : «Ba Ngôi nội tại là Ba Ngôi cứu độ»). Dĩ nhiên, Thiên Chúa thì vượt xa những gì Ngài mạc khải về chính mình (xem *Tôi tin kính Chúa Thánh Thần*, tập II, Cerf, 1995, trang 37-44).

từ Chúa Cha và từ chính Ngài ²⁴⁸. Việc sai đi này, sự vụ này của Chúa Thánh Thần, làm sáng tỏ điều xảy ra trong nội tại Ba Ngôi. Nếu Chúa Thánh Thần được sai bởi Chúa Cha và Chúa Con, điều đó có nghĩa là Ngài *phát xuất* từ cả hai Đấng.

Thật tự nhiên khi tất cả những gì Thiên Chúa thực hiện đều phản ánh bản tính của Ngài, cũng như tất cả những gì Chúa Giêsu nói và làm đều gọi lại cuộc đối thoại giữa các Ngôi vị trong Ba Ngôi. Nếu giữa con người, có sự khác biệt giữa lời nói và con người thật, thì nơi Thiên Chúa, sự trong suốt tuyệt đối của Ngài tỏa sáng rực rỡ.

Thánh Thần, khẩn xin ngự đến

Lời cầu nguyện cho sự hiệp nhất đại kết thành hiện thực có giá trị lớn lao hơn bất cứ suy đoán nào.

Sự hiệp nhất là công trình của Chúa Thánh Thần. Chỉ trong chừng mực mà cả giáo dân lẫn giáo sĩ mở lòng ra với Ngài, thì mới có thể thực hiện được sự hiệp nhất mà Chúa Giêsu đã cầu xin với Chúa Cha trong lời nguyện của Ngài.

248 Xem Ga 14, 26 ; 15, 26.

Điều vô cùng quan trọng là Chúa Thánh Thần, Đấng từng được gọi là *Đấng vô danh cao cả* ²⁴⁹, ngày càng được tỏ hiện rõ ràng hơn. Ngày nay, ở khắp nơi, người ta nói về Ngài; niềm khao khát và nỗi nhớ về Ngài đang lớn dần trong mọi Giáo hội. Hai điều này chắc chắn có liên hệ với nhau.

Lời khẩn cầu *Veni, Sancte Spiritus* trước đây người ta thường đọc và cầu nguyện một cách cá nhân, nay đã mang một ý nghĩa phổ quát đối với nhiều người trong chúng ta. «Thánh Thần, khẩn xin ngự đến !» Đừng chỉ đến với con hay nhóm nhỏ của con đang quy tụ với con, nhưng xin đến trong tâm hồn của mọi Kitô hữu. Xin thấp lên trong chúng con ngọn lửa tình yêu của Ngài, để chúng con có thể cùng nhau lớn lên và trở nên một trong Ngài.

249 Nguyên bản tiếng Pháp.

Chương III

Thánh Thần Của Thiên Chúa Lấp Đầy Mặt Đất

Chúa Thánh Thần mạnh mẽ hơn Giáo hội và Ngài đỡ bỏ mọi trở ngại.

Không ai bị loại trừ khỏi Thánh Thần

Chúa Thánh Thần hoạt động trong mọi sinh vật sống, vì vậy bất cứ ai chân thành tìm kiếm sự thật sẽ đến được bến bờ hạnh phúc, bởi vì Thánh Thần ở với họ.

Công đồng Vaticanô II không để lại nghi ngờ gì về điều này :

«Những ai, không do lỗi của mình, không biết Tin Mừng của Đức Kitô và Giáo hội của Ngài, nhưng vẫn chân thành tìm kiếm Thiên Chúa và, dưới tác động của ân sủng, cố gắng hành động theo ý muốn của Người, như lương tâm họ nhận ra và thúc đẩy, thì họ cũng có thể đạt được ơn cứu độ đời đời. Ngay cả những người, không do lỗi của họ, vẫn chưa đạt được sự nhận biết rõ ràng về Thiên Chúa, nhưng cố gắng sống ngay chính, không ngoài ân sủng của Thiên Chúa, thì sự Quan Phòng thần linh cũng không từ chối cho họ những trợ giúp cần thiết cho phần rỗi. Thật vậy, tất cả những gì tốt

lành và chân thật nơi họ, Giáo hội coi đó là sự chuẩn bị cho Tin Mừng và là hồng ân của Đấng soi sáng mọi người để sau cùng họ được sống ²⁵⁰».

Đức Gioan Phaolô II, trong thông điệp *Dominum et Vivificantem*, cũng giải thích cách người tín hữu có thể hiểu được bản chất thật của mình với sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần, điều mà họ không thể đạt được chỉ với sức riêng của mình.

Chính nhờ Thánh Thần mà người ta có thể hiểu một cách mới mẻ trách nhiệm của mình trong tư cách là con người. Đức Giáo hoàng nhắc lại lời của Công đồng Vaticanô II : «Con người [...] không thể tìm thấy chính mình cách trọn vẹn nếu không hiến dâng chính mình một cách vô vị lợi ²⁵¹». Ngài nói thêm : «Có thể nói rằng, trong lời của Hiến chế mục vụ này, *toàn bộ nhân học Kitô giáo* được tóm gọn lại ²⁵²».

Thánh Thần hoạt động trong toàn thể vũ trụ

Các sách khôn ngoan đưa chúng ta đến với việc tôn kính Chúa Thánh Thần :

«Thần khí của ĐỨC CHÚA ngập tràn cõi đất, bảo

250 Lumen Gentium, số 16.

251 Gaudium et Spes, số 24.

252 Dominum et Vivificantem, số 59.

toàn mỗi hiệp nhất giữa muôn vật muôn loài, thấu hiểu hết mọi lời mọi tiếng ²⁵³». Và còn : «*Lạy Chúa Tể là Đấng yêu sự sống, Chúa xử khoan dung với mọi loài, vì mọi loài đều là của Chúa. Quả vậy, lạy ĐỨC CHÚA, sinh khí bất diệt của Ngài ở trong muôn loài muôn vật* ²⁵⁴».

Thánh Thần hoạt động thực sự trong toàn thể vũ trụ. Vào thời Trung Cổ, người ta thường trích dẫn một câu mà sau này được cho là của thánh Ambrôsiô : «*Mọi điều gì là chân lý, cho dù được nói bởi ai, đều đến từ Chúa Thánh Thần* ²⁵⁵». Nói về sự gia tăng ý thức công lý hiện nay, Công đồng kết luận như sau : «*Thánh Thần của Thiên Chúa, Đấng bằng sự Quan Phòng kỳ diệu điều khiển dòng chảy của thời gian và canh tân bộ mặt địa cầu, đang hiện diện trong sự tiến triển này* ²⁵⁶».

Đối với thánh Irênê, Thánh Thần hoạt động trong lịch sử như một đạo diễn sân khấu. Về phần mình, Đức Gioan Phaolô II viết rằng Thánh Thần làm cho toàn thể tạo thành, toàn thể lịch sử quy tụ lại hướng về cùng đích cuối cùng của nó : đại dương vô tận của Thiên

253 Kn 1, 7.

254 Kn 11, 26 - 12, 1.

255 PL 17, 254 (*omne verum, a quocumque dicitur, a Spiritu Sanctum est*).

256 Gaudium et Spec, số 26.

Chúa ²⁵⁷».

Sẽ thật tốt nếu chúng ta phục hồi cái nhìn mang tính Ba Ngôi về thực tại mà các Giáo phụ tiên khởi từng có: họ nhìn thấy dấu ấn của Ba Ngôi được khắc ghi trong công trình Tạo Dựng và thích chú giải định nghĩa của thánh Phaolô : «*Chỉ có một Chúa, một niềm tin, một phép rửa. Chỉ có một Thiên Chúa, Cha của mọi người, Đáng ngự trên mọi người, qua mọi người và trong mọi người* ²⁵⁸».

Chúa Con hoạt động trong mọi sự và hiện diện trong mọi sự: Ngài là *Logos*, tức là Ngôi Lời, là cơ cấu và ý nghĩa.

Chúa Thánh Thần hiện diện trong mọi sự : Ngài tuần đổ trên tất cả và dẫn đưa mọi sự đến chỗ hoàn tất.

Tất cả những gì đang trở thành đều thấm đẫm sự sống của Ba Ngôi, và vì thế, đều có thể trở thành nguồn mạch của sự thờ phượng và ngợi khen.

257 Dominum et Vivificantem, số 64.

258 Ep 4, 5-6.